

Ngày soạn: 02/09/2023

Ngày dạy: 05,04, 11 /09/2023

TUẦN 1,2 TIẾT 1,2,3

CHƯƠNG 1: TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

BÀI 1:

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Bết được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
- Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.
- Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên chúa giáo.
- Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.
- **HSKT: biết được sự hình thành của lãnh chúa phong kiến và nông nô và đời sống, mối quan hệ của họ trong lãnh địa. Biết được đặc điểm của lãnh địa.**

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ học tập và sưu tầm những tư liệu lịch sử có liên quan đến nội dung bài học
- Trách nhiệm: trân trọng những giá trị văn hóa của thời trung đại: Thiên chúa giáo, những thành thị Tây Âu ,...

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ khu đất của lãnh chúa trong lãnh địa PK ở Tây Âu.
- Sơ đồ về sự hình thành các giai cấp chính trong xã hội phong kiến ở Vương quốc Phơ-răng.
- Tranh vẽ mô tả đời sống nông nô và lãnh chúa trong lãnh địa phong kiến.
- Tranh Thành phố Ph—ren-xê
- Tranh một góc trường đại học Bô-lô-na (I-ta-li-a).

2. Đối với học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV chiếu cho HS quan sát hình ảnh: *tượng Hoàng đế Sác-lơ-ma-nhơ (742-814) ở thành phố Hăm-buốc (Đức) SGK tr.9.*

- HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày sự hiểu biết của em về Hoàng đế Sác-lơ-ma-nhơ.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV bổ sung: *một trong những vị vua nổi bật nhất trong lịch sử châu Âu phải kể đến Sác-lơ-ma-nhơ. Ông trị vì 46 năm nhưng đã tiến hành 55 cuộc viễn chinh lớn nhỏ, không chỉ có công thống nhất vùng Tây và Trung Âu mà còn đặt nền móng hình thành đế chế La Mã thần thánh sau này. Sác-lơ-ma-nhơ được coi là cha đẻ của châu Âu, vì nếu không có vị Hoàng đế này, có thể lịch sử châu Âu đã rất khác. Vậy chế độ phong kiến đã hình thành và phát triển ở các nước châu Âu ra sao trong thời gian từ thế kỉ V đến thế kỉ XVI. Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay - Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu.*

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu

a. **Mục tiêu:** HS trình bày được những sự kiện chính của quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu, sự hình thành của lãnh chúa phong kiến và nông nô.

b. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò		Nội dung
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu</i> <i>Thảo luận nhóm: 3 phút</i> - HS đọc mục 1 (SGK- 9) trả lời câu hỏi vào <i>Phiếu học tập số 1: Hãy cho biết những nét chính về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu theo nội dung sau:</i>		1. Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu + Đến khoảng thế kỉ V, người Giéc-man tràn vào xâm chiếm La Mã lập ra những vương quốc mới như: Vương quốc của người Ăng-glo Xắc-xông, Vương quốc Phơ-răng,...
Nội dung	Quá trình hình thành xã hội PK	
Thời gian		
Tộc người xâm lấn		
Vương quốc mới		
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.		
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.		

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. * Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự hình thành của lãnh chúa phong kiến và nông nô: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận cặp đôi: 2 phút - HS quan sát sơ đồ Hình 2 - Sơ đồ về sự hình thành các giai cấp chính trong xã hội phong kiến ở Vương quốc Phơ-răng SGK tr.10 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy cho biết lãnh chúa phong kiến và nông nô được hình thành từ những tầng lớp nào?Mối quan hệ của các giai cấp đó?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, quán sát sơ đồ, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới. - HSKT: Sự hình thành của lãnh chúa phong kiến và nông nô: + Lãnh chúa phong kiến được hình thành từ những quý tộc thị người Giéc-man + Nông nô được hình thành từ nô lệ (được giải phóng) và nông dân tự do (mất ruộng đất). * GV mở rộng: + Sơ đồ giúp HS khái quát được quá trình hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến, đó là lãnh chúa phong kiến và nông nô. Thông qua sơ đồ, HS biết được những thành phần gia nhập vào giai cấp lãnh chúa, nông nô và mối quan hệ giữa lãnh chúa - nông nô. + Quan hệ giữa lãnh chúa phong kiến với nông nô là quan hệ bóc lột. + Sau khi Sác-lơ-ma-nhơ mất, Vương quốc Phơ-răng bị phân chia thành ba vương quốc, chính thức xác lập chế độ phong kiến ở các nước này (về sau trở thành Pháp, Đức, I-ta-li-a).	- Sự hình thành của lãnh chúa phong kiến và nông nô: + Lãnh chúa phong kiến được hình thành từ những quý tộc thị người Giéc-man + Nông nô được hình thành từ nô lệ (được giải phóng) và nông dân tự do (mất ruộng đất). - Quan hệ giữa lãnh chúa phong kiến với nông nô là: quan hệ bóc lột.
---	---

Hoạt động 2: Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu

a. Mục tiêu: HS trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và mối quan hệ của xã hội phong kiến Tây Âu.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ * Nhiệm vụ 1: Trình bày đặc điểm chính của lãnh địa phong kiến ở Tây Âu. Thảo luận cặp đôi: 2 phút - GV yêu cầu HS quan sát Hình 3 - Khu đất của lãnh chúa trong lãnh địa phong kiến ở Tây Âu, khai thác thông tin trong SGK tr.10, 11 và trả lời câu hỏi: <i>Trình bày những đặc điểm chính của lãnh địa phong kiến ở Tây Âu?</i> - GV hướng dẫn HS để trả lời câu hỏi trên: + Phạm vi, quy mô lãnh địa ra sao ? + Trong lãnh địa có những gì? + Nhà ở của lãnh chúa và nhà ở của nông nô nói lên điều gì? - GV lưu ý HS: Hình 3 chỉ tập trung miêu tả các cấu trúc cơ bản trong khu đất ở của lãnh chúa trong lãnh địa phong kiến chứ không phải miêu tả về tổng thể một lãnh địa phong kiến, vì thế một số chi tiết về lãnh địa không được thể hiện rõ trong hình vẽ minh họa này. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	2. Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu + Là đơn vị chính trị, kinh tế cơ bản của Tây Âu cho đến thế kỉ IX. + Là khu đất rộng lớn thuộc sở hữu của một lãnh chúa, bao gồm đất của lãnh chúa và đất khẩu phần. + Kinh tế chủ đạo của lãnh địa là nông nghiệp, tự cấp, tự túc, ít trao đổi với bên ngoài.
* Nhiệm vụ 2: trình bày mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Phát vấn: - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 11 để trả lời câu hỏi: <i>Trình bày mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến?</i> - GV hướng dẫn HS để trả lời câu hỏi trên: + Công việc thường ngày của các lãnh chúa và nông nô là gì? + Trang phục và hoạt động của những con người được miêu tả trong tranh cho em thấy điều gì về thân phận của họ?	- Mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến là quan hệ bóc lột bằng địa tô. + Lãnh chúa phong kiến bóc lột sức lao động của nông nô và chi phối mọi mặt đời sống của nông nô. + Nông nô là lực lượng sản xuất chính, phải nhận ruộng từ lãnh chúa và nộp tô thuế cho lãnh chúa.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quán sát hình ảnh, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới. HSKT: + Lãnh địa là đơn vị chính trị, kinh tế cơ bản của Tây Âu cho đến thế kỉ IX. + Kinh tế chủ đạo của lãnh địa là nông nghiệp, tự cấp, tự túc, ít trao đổi với bên ngoài. - Mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến là quan hệ bóc lột bằng địa tô. + Lãnh chúa phong kiến bóc lột sức lao động của nông nô và chi phối mọi mặt đời sống của nông nô. + Nông nô là lực lượng sản xuất chính, phải nhận ruộng từ lãnh chúa và nộp tô thuế cho lãnh chúa.	
--	--

Hoạt động 3: Sự ra đời của Thiên chúa giáo

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được sự ra đời của Thiên chúa giáo.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS quan sát Hình 5 và thông tin mục 3: Sự ra đời của Thiên Chúa giáo (SGK/T11). GV phát vấn: + Thiên chúa giáo ra đời ở đâu? Vào khoảng thời gian nào? + Ai là người sáng lập ra Thiên chúa giáo? + Thiên chúa giáo đã phát triển ra sao cho đến thời kì phong kiến? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, quán sát hình ảnh, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới. - GV bổ sung: Giê-su là một người Do Thái, nhà giảng thuyết và người sáng lập ra Thiên chúa giáo vào thế kỉ I. Tên gọi Giê-su trong tiếng Do Thái có nghĩa là Đức chúa	3. Sự ra đời của Thiên chúa giáo + Thiên chúa giáo ra đời vào đầu Công nguyên, ở vùng Giê-ru-sa-lem (ngày nay thuộc Pa-le-xtin). + Đến thế kỉ IV, từ chỗ bị cấm đoán, Thiên chúa giáo trở thành quốc giáo của đế quốc La Mã. + Sang thời phong kiến, Thiên chúa giáo thống trị trong đời sống chính trị, văn hóa, tư tưởng ở Tây Âu. Giáo hội có thế lực rất lớn.

là đáng cứu độ. Những gì chúng ta biết được về Giê-su là do được ghi chép trong kinh thánh Tân Ước. Ở Việt Nam, Thiên Chúa giáo được truyền bá từ cuối thế kỉ XVI bởi Alécxăng Đơ Rốt người Pháp và hiện nay nước ta có khoảng 7% người dân theo đạo Thiên Chúa.	
--	--

Hoạt động 4: Sự xuất hiện và vai trò của thành thị trung đại.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nắm được những ý chính về nguyên nhân ra đời các thành thị trung đại; thành phần cư dân trong các thành thị và đời sống của họ; vai trò của các thành thị đối với châu Âu thời trung đại.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Học sinh quan sát H6, H7 và thông tin mục 4/SGK/T12,13 - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận một nhiệm vụ: + Nhóm 1: <i>Nêu nguyên nhân ra đời thành thị trung đại.</i> + Nhóm 2: <i>Trình bày đời sống kinh tế của cư dân thành thị trung đại.</i> + Nhóm 3 + 4 : <i>Trình bày vai trò của thành thị đối với châu Âu thời trung đại.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi đại diện từng nhóm trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung và mở rộng thêm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	4. Sự xuất hiện và vai trò của thành thị trung đại - <i>Nguyên nhân ra đời thành thị trung đại: SGK</i> - <i>Đời sống kinh tế của cư dân thành thị trung đại:</i> + <i>Cư dân sống trong thành thị chủ yếu là thợ thủ công và thương nhân (thị dân).</i> - <i>Vai trò của thành thị đối với châu Âu thời trung đại: SGK</i>

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hoàn thiện kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi dưới dạng lí thuyết.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS: *Trả lời câu hỏi 1 phần SGK tr.13.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Câu 1: Lãnh địa phong kiến và thành thị trung đại có những đặc điểm khác biệt:

Nội dung	Lãnh địa phong kiến	Thành thị trung đại
Thời gian xuất hiện	Từ thế kỉ V đến thế kỉ X	Từ thế kỉ XI
Hoạt động kinh tế chủ yếu	Nông nghiệp	Thủ công nghiệp, thương nghiệp
Thành phần cư dân chủ yếu	Lãnh chúa và nông nô	Thợ thủ công, thương nhân

- GV giao nhiệm vụ 2 cho HS: *khoanh tròn vào câu đáp án trước câu trả lời đúng:*

Câu 1. Lãnh chúa phong kiến được hình thành từ:

- A. Quý tộc Giéc-man. B. Quý tộc La Mã quy thuận.
C. Quý tộc các nước phương Tây. **D. Cả A và B đều đúng.**

Câu 2. Sau khi Sác-lơ-ma-nhơ mất, Vương quốc Phơ-răng chính thức xác lập chế độ phong kiến ở các nước:

- A. Pháp, Đức, I-ta-li-a** B. Đức, Mỹ, Hà Lan.
C. Tây Ban Nha, Pháp, Đức. D. Áo, Bỉ, Tây Ban Nha.

Câu 3. Đặc điểm nào dưới đây **không** đúng khi nói về lãnh địa phong kiến ở Tây Âu:

- A. Là đơn vị chính trị, kinh tế cơ bản của Tây Âu cho đến thế kỉ IX.
B. Là khu đất rộng lớn thuộc sở hữu của một lãnh chúa, bao gồm đất của lãnh chúa và đất khẩu phần.
C. Các lãnh địa có chung quân đội, luật pháp, tòa án, thuế khóa, tiền tệ, hệ thống đo lường.
D. Kinh tế chủ đạo của lãnh địa là nông nghiệp, tự cấp, tự túc, ít trao đổi với bên ngoài.

Câu 4. Cư dân thành thị lập ra các phường hội thủ công và các thương hội để:

- A. Giúp đỡ, tương trợ nhau, hạn chế sự sách nhiễu của lãnh chúa.
B. Phá vỡ nền kinh tế tự nhiên trong các lãnh địa.
C. Tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển kinh tế hàng hóa.
D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 5. Trường Đại học Bô-lô-na – một trong những trường đại học nổi tiếng được thành lập từ thời trung đại thuộc quốc gia nào ngày nay?

- A. Pháp. **B. I-ta-li-a.** C. Đức. D. Áo.

Bước 3: HS trình bày.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi dưới dạng liên hệ thực tế, vận dụng.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS: *Trả lời câu hỏi 2,3 SGK tr.13*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày, nhận xét.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.

- Xem trước bài 2: Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất TBCN ở Tây Âu.
- Suu tầm tư liệu về các cuộc phát kiến địa lí.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 07/09/2023

Ngày dạy: 15, 18 / 9 / 2023

Tuần 2,3 Tiết 4,5

BÀI 2. CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ VÀ SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU

I MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Các cuộc phát kiến lớn trên thế giới và hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.
- Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản và những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu.
- **HSKT:** Nêu được một cuộc phát kiến trong tổng số tất cả các cuộc phát kiến địa lí. Nêu được một hệ quả trong tổng số các hệ quả của phát kiến địa lí.

2. Năng lực

***Năng lực riêng.**

- Năng lực tìm hiểu lịch sử:
 - + Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình một số cuộc phát kiến địa lý trên thế giới
- Năng lực nhận thức tư duy lịch sử:
 - + Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lý
 - + Trình bày được sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu
 - + Xác định được những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu
- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:
 - + Tìm kiếm, sưu tầm tư liệu về hệ quả của các cuộc phát kiến địa lý đối với Việt Nam.
 - + Liên hệ với lịch sử Việt Nam để thấy được hậu quả của việc đi xâm lược thuộc địa của các nước đế quốc Phương tây.

*** Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất: Khâm phục tấm gương làm việc khoa học, tinh thần quả cảm, hi sinh của các nhà hàng hải thời trung đại, trân trọng những giá trị họ để lại cho thời đại

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ 1 số cuộc phát kiến lớn .
- Tư liệu hoặc những câu chuyện về các cuộc phát kiến địa lí.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc SGK hoàn tất nhiệm vụ được giao.
- Sưu tầm tư liệu hoặc những câu chuyện về các cuộc phát kiến địa lí.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức hoạt động: GV cho HS quan sát tranh ảnh và trả lời câu hỏi:



Quan sát các bức tranh và cho biết *Đây là ai không? Ông có đóng góp gì?*

GV nhận xét, chốt ý, dẫn dắt vào bài mới: Từ năm 1792, ngày Cô-lôm-bô (12 - 10) được ăn mừng ở nhiều nơi trên khắp nước Mỹ và trở thành ngày kỉ niệm cho đến tận bây giờ. Vậy Cô-lôm-bô đã có những đóng góp gì cho lịch sử mà được tôn vinh như vậy? Những nhà phát kiến địa lí khác, với tinh thần quả cảm và lòng kiên trung, đã khám phá ra những con đường hàng hải mới, những đại dương mới, tạo ra bước ngoặt trong lịch sử nhân loại. Vậy những phát kiến đó là gì? Hệ quả của nó ra sao? Chủ nghĩa tư bản đã được hình thành trong lòng xã hội phong kiến như thế nào?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH KIẾN THỨC

1. Các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.

a. Sơ lược về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lý

Mục 1. Các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới

- a. Mục tiêu:** HS hiểu Các cuộc phát kiến và hệ quả địa lí tiêu biểu:
b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

NỘI DUNG

Hoạt động 1:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

Phát vấn:

GV cho HS quan sát hình 1 và đọc thông tin trong SGK, trả lời câu hỏi: *Kể tên các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới? (Gv chú thích lược đồ)*



Hình 1. Lược đồ một số cuộc phát kiến địa lí lớn

- + B. Đi-a-xơ: đường mũi tên màu tím đậm.
 - + V. Ga-ma: đường mũi tên màu xanh lá cây.
 - + C. Cô-lôm-bô: đường mũi tên màu tím nhạt. (HSKT)
 - + Ph. Ma-gien-lăng: đường mũi tên màu hồng.
- GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận 3 phút và hoàn thành nội dung theo mẫu.

ST T	Tên nhà thám hiểm	Quốc gia	Thời gian và hướng đi	Kết quả
1	Đi-a-xơ			
2	Colômbô			
3	Vax-cô-đơ Ga-ma			
4	Ph. Ma- gen-lăng			

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi đại diện HS trả lời trước lớp, các HS khác lắng nghe, bổ sung và mở rộng thêm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

1, Các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới

a, Sơ lược về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn

- Các cuộc phát kiến địa lí tiêu biểu:

+ Năm 1487: B. Đi-a-xơ đến được mũi Hảo Vọng (mũi cực Nam châu Phi).

+ Năm 1492: C. Cô-lôm-bô đi về phía tây, vượt Đại Tây Dương tìm ra châu lục mới (hiểu nhầm đó là Tây Ấn Độ).

+ Năm 1497: V. Ga-ma cũng đi vòng qua điểm cực Nam châu Phi, cập bến Ca-li-cút (Ấn Độ).

+ Từ năm 1519 đến năm 1522: Đoàn thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới bằng đường biển.

GV giới thiệu: Hình 2. Đài tưởng niệm những nhà phát kiến địa lí Bồ Đào Nha ở thành phố Li-xbon:

- **Phát vấn:** Theo em, cuộc phát kiến nào là quan trọng nhất? Vì sao?

*** GV mở rộng:**

Đài tưởng niệm là một bảo tàng, phòng triển lãm và nhiều phòng rộng khác. Ngày nay, Đài tưởng niệm này đã trở thành niềm tự hào của người dân nơi đây.

GV chốt lại nội dung chính và kể thêm một số câu chuyện minh họa sinh động về hành trình khó khăn, lòng quả cảm và sự hi sinh của thủy thủ trên những con tàu đi khám phá miền đất mới.

Hoạt động 2:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK quan sát Hình 3. Mô phỏng hình ảnh con tàu buôn bán nô lệ thời trung đại:

GV giới thiệu: Những con tàu này mang lại lợi nhuận khổng lồ cho các thương nhân. Các nô lệ bị xích chân và trói tay rồi bị xếp ngổn ngang trong các khoang tàu đến nỗi không thể nhúc nhích được, thậm chí không đủ không khí để thở. Các khoang tàu ẩm mốc, hôi hám, mất vệ sinh, do đó tỉ lệ nô lệ bị chết vì dịch bệnh trước khi đến được đất liền là khá cao (khoảng 15% - 20%).

Thảo luận cặp đôi: Trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi đại diện từng cặp đôi trả lời trước lớp, các cặp đôi khác lắng nghe, bổ sung và mở rộng thêm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

GV chốt lại ý chính. GV có thể sử dụng tư liệu minh họa thêm về chế độ buôn bán nô lệ da đen để HS hiểu đó là một chế độ “người bóc lột người” dã man, đáng lên án.

b. Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

- Mở ra con đường mới, tìm ra vùng đất mới, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.

- Đem về cho châu Âu khối lượng vàng, bạc, nguyên liệu, thúc đẩy nền sản xuất và thương nghiệp phát triển

- làm nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen và quá trình xâm chiếm, cướp bóc thuộc địa...

Mục 2. Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản và những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu

a. Mục tiêu: HS hiểu được sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản và những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS		NỘI DUNG						
Hoạt động 3 Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm: 3 phút GV tổ chức cho HS đọc tư liệu và thông tin trong SGK, hoàn thành phiếu học tập sau:		2. Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản và những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu a. Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản - Quá trình tích lũy vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu làm nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu được tiến hành thông qua các hình thức: + Đây mạnh cướp bóc của cải, tài nguyên từ các nước thuộc địa châu Á, châu Phi, châu Mỹ đem về châu Âu. + Dùng bạo lực và nhiều thủ đoạn để tước đoạt ruộng đất của nông nô, tư liệu sản xuất của thợ thủ công,... như “rào đất cướp ruộng”. + Bán nô lệ da đen từ châu Phi cho các chủ đồn điền, hầm mỏ ở châu Âu, châu Mỹ làm nhân công. - Biểu hiện của sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu: + Giai cấp tư sản ra sức mở rộng kinh doanh, lập các công trường thủ công, những đồn điền quy mô lớn và cả các công ti thương mại. + Hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa: quan hệ bóc lột giữa chủ (giai cấp tư sản) với thợ (giai cấp vô sản).						
<table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr><tr><td>Câu 1. Hãy cho biết quá trình tích lũy vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu?</td><td></td></tr><tr><td>Câu 2. Nêu những biểu hiện của sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu.</td><td></td></tr></table>	Yêu cầu		Sản phẩm	Câu 1. Hãy cho biết quá trình tích lũy vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu?		Câu 2. Nêu những biểu hiện của sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu.		
Yêu cầu	Sản phẩm							
Câu 1. Hãy cho biết quá trình tích lũy vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu?								
Câu 2. Nêu những biểu hiện của sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu.								
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.								
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi đại diện nhóm trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung và mở rộng thêm.								
Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới. * GV mở rộng:								
<table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Sản phẩm</th></tr><tr><td>Câu 1. Hãy cho biết quá trình tích lũy vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu?</td><td>- Quá trình tích lũy vốn: + Thương nhân châu Âu đẩy mạnh cướp bóc của cải, tài nguyên từ các nước thuộc địa châu Á, châu Phi, châu Mỹ đem về châu Âu. + Ở trong nước: dùng bạo lực và nhiều thủ đoạn để tước đoạt ruộng đất của nông nô, tư liệu sản xuất của thợ thủ công,... - Quá trình tập trung nhân công: + Hàng triệu người da đen ở châu Phi bị bắt để bán cho các chủ đồn điền, hầm mỏ ở châu Âu, châu Mỹ</td></tr></table>	Yêu cầu	Sản phẩm	Câu 1. Hãy cho biết quá trình tích lũy vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu?	- Quá trình tích lũy vốn: + Thương nhân châu Âu đẩy mạnh cướp bóc của cải, tài nguyên từ các nước thuộc địa châu Á, châu Phi, châu Mỹ đem về châu Âu. + Ở trong nước: dùng bạo lực và nhiều thủ đoạn để tước đoạt ruộng đất của nông nô, tư liệu sản xuất của thợ thủ công,... - Quá trình tập trung nhân công: + Hàng triệu người da đen ở châu Phi bị bắt để bán cho các chủ đồn điền, hầm mỏ ở châu Âu, châu Mỹ				
Yêu cầu	Sản phẩm							
Câu 1. Hãy cho biết quá trình tích lũy vốn và tập trung nhân công của giai cấp tư sản trong giai đoạn đầu?	- Quá trình tích lũy vốn: + Thương nhân châu Âu đẩy mạnh cướp bóc của cải, tài nguyên từ các nước thuộc địa châu Á, châu Phi, châu Mỹ đem về châu Âu. + Ở trong nước: dùng bạo lực và nhiều thủ đoạn để tước đoạt ruộng đất của nông nô, tư liệu sản xuất của thợ thủ công,... - Quá trình tập trung nhân công: + Hàng triệu người da đen ở châu Phi bị bắt để bán cho các chủ đồn điền, hầm mỏ ở châu Âu, châu Mỹ							

	làm nhân công. + Thực hiện phong trào “rào đất cướp ruộng”, tước đoạt ruộng đất của nông nô và biến họ trở thành người làm thuê cho các công xưởng của tư bản.	
Câu 2. Nêu những biểu hiện của sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu.	- Xuất hiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa: quan hệ chủ - thợ được hình thành giữa chủ công trường thủ công, chủ đồn điền,... với những người lao động làm thuê => + Quan hệ bóc lột giai cấp. + Hình thức bóc lột: bóc lột giá trị thặng dư. Người lao động không được sở hữu bất cứ tài sản nào trong xã hội. Toàn bộ nhà xưởng, ruộng đất, công cụ và nguyên liệu,... đều là của chủ, công nhân phải bán sức lao động của mình và nhận về đồng lương ít ỏi. - Các hình thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: Trong công nghiệp: xuất hiện các công trường thủ công dưới nhiều hình thức (công trường thủ công phân tán, công trường thủ công tập trung và công trường thủ công hỗn hợp). Trong nông nghiệp: xuất hiện các trang trại của phú nông, nông trang của địa chủ phong kiến, trại ấp của tư sản nông nghiệp.	
+ GV có thể cung cấp thêm đoạn tư liệu để HS hiểu rõ hơn: “Việc tìm thấy những vùng có mỏ vàng và mỏ bạc ở châu Mỹ việc tuyệt diệt những người bản xứ, bắt họ làm nô lệ và chôn vùi họ trong các hầm mỏ; việc bắt đầu đi chinh phục và cướp bóc miền Đông Ấn; việc biến châu Phi thành khu cấm để săn bắt, buôn bán người da đen - đó là buổi bình minh của thời đại sản xuất tư bản chủ nghĩa”. (Theo C. Mác, <i>Tư bản, Quyển thứ nhất, Tập III, NXB Sự thật, 1975, tr. 330</i>). Đoạn tư liệu trên là khái quát của C. Mác về những hình thức tích lũy ban đầu để tạo ra vốn và nhân công nhiều nhất, nhanh nhất, đưa đến sự xác lập của chủ		

nghĩa tư bản. Mác có viết thêm: “Chủ nghĩa tư bản ngay từ khi mới ra đời, khắp mọi lỗ chân lông của nó đã đâm đũa những máu và bùn nhơ”.

Nhiệm vụ 4:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

Thảo luận nhóm: 3 phút

- GV tổ chức cho HS đọc, phân tích thông tin từ sơ đồ hình 4 để hoàn thành phiếu học tập sau:

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Những giai cấp mới nào được hình thành trong xã hội Tây Âu	
Câu 2: Những giai cấp đó trước đây xuất thân từ giai cấp, tầng lớp nào?	
Câu 3: Địa vị của họ trong xã hội phong kiến như thế nào?	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi đại diện từng nhóm trả lời trước lớp, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung và mở rộng thêm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

*** GV mở rộng:**

Yêu cầu	Sản phẩm
Câu 1: Những giai cấp mới nào được hình thành trong xã hội Tây Âu ?	Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản
Câu 2: Những giai cấp đó trước đây xuất thân từ giai cấp, tầng lớp nào?	Giai cấp tư sản vốn là những người thợ cả đứng đầu phường hội, những thương nhân hoặc thị dân giàu có,..giai cấp vô sản vốn là những người lao động làm thuê, bị bóc lột thậm tệ
Câu 3: Địa vị của họ trong xã hội phong kiến như thế nào?	Giai cấp tư sản dù nắm giữ nhiều của cải nhưng chưa có địa vị chính trị trong xã hội phong kiến, bị quý tộc phong kiến khinh miệt; giai cấp vô sản

b. Sự biến đổi của xã hội Tây Âu

- Hình thành các giai cấp mới trong xã hội:

+ Giai cấp tư sản: Những người thợ cả đứng đầu phường hội, những thương nhân hoặc thị dân giàu có,... trở thành chủ công trường thủ công, chủ đồn điền hoặc nhà buôn lớn,...

Nắm giữ nhiều của cải, có thể lực kinh tế, nhưng chưa có địa vị chính trị trong xã hội.

+ Giai cấp vô sản: Gồm những người lao động làm thuê cho chủ tư bản.

Trong thời gian đầu, họ đi theo giai cấp tư sản để làm cách mạng chống chế độ phong kiến lỗi thời.

- Mối quan hệ: tư sản bóc lột vô sản.

không có của cải, địa vị trong xã hội

GV chuyển ý: Những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu chính là sự thay đổi giai cấp trong lòng xã hội phong kiến, xuất hiện giai cấp mới: tư sản và vô sản. Mâu thuẫn giữa hai giai cấp này sẽ ngày càng tăng lên khi sản xuất phát triển.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về những cuộc phát kiến địa lí.

b. Tổ chức thực hiện: tổ chức trò chơi Bảo vệ rừng xanh bằng cách trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS trả lời.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi đại diện từng HS trả lời trước lớp, các HS khác lắng nghe, bổ sung và mở rộng thêm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức và có cái nhìn đúng đắn về xu thế phát triển của xã hội, xây dựng khối đoàn kết các dân tộc trên thế giới

b. Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện trả lời câu hỏi ở nhà và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào tiết sau: *Hãy giới thiệu với bạn bè về cuộc thám hiểm của Ma-gien-lăng?*

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

- Học bài theo câu hỏi trong sách giáo khoa.
- Chuẩn bị bài mới
- Lập bảng thống kê về những thành tựu văn hóa phục hưng

-----HẾT-----

Ngày soạn: 15/9/2023

Ngày dạy: 22/9/2023

Tiết 6,7: Bài 3: PHONG TRÀO VĂN HOÁ PHỤC HƯNG VÀ CẢI CÁCH TÔN GIÁO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Những biến đổi tình hình kinh tế - xã hội Tây Âu từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XVI.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá phục hưng. Ý nghĩa và tác động của phong trào văn hóa phục hưng.
- Nêu và giải thích nguyên nhân phong trào cải cách tôn giáo, những nội dung và tác động của phong trào cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.
- **HSKT: Nắm được một trong tổng số các thành tựu văn hóa phục hưng. Ý nghĩa của phong trào văn hóa phục hưng. Nêu được một trong số các nội dung cơ bản của phong trào cải cách tôn giáo.**

2. Năng lực

Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: khai thác được tranh ảnh, lược đồ, tư liệu phục vụ cho quá trình học tập.
- Nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được các cuộc chiến, đánh giá được nhân vật lịch sử.
- Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: rút ra bài học cho bản thân từ những sự vật sự việc trong cuộc sống.
- Nhận thức và tư duy lịch sử: HS nêu được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hóa Phục hưng, giải thích được nguyên nhân và trình bày được tác động của phong trào Cải cách tôn giáo.

3. Phẩm chất: Khâm phục, ngưỡng mộ sự lao động nghệ thuật và sáng tạo của các nhà văn hoá thời Phục hưng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Video về phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo.
- Bích họa của Mi-ken-lăng-giơ trên vòm nhà thờ Xích – xtin (Va-ti-căng) – một kiệt tác đương thời.

- Hình ảnh tượng Đan-te người mở đầu cho văn hóa Phục hưng.
- Phiếu học tập.

2. Học sinh:

- Đọc trước sách giáo khoa, quan sát mô tả H1,2,3,4 trả lời các câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- **Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức trò chơi: Lật mảnh ghép

GV lần lượt gọi HS chọn câu hỏi và bức tranh lần lượt được mở ra

Câu hỏi 1: Ai là người đầu tiên tìm ra châu Mỹ? **Cô Lôm Bô.**

Câu hỏi 2: Ai là người đầu thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới? **Ph. Ma-gien-lăng.**

Câu hỏi 3: Các cuộc phát kiến địa lý do tầng lớp nào tiến hành? **Thương nhân, quý tộc.**

Câu hỏi 4: Các cuộc phát kiến địa lý chủ yếu hướng về đâu? **Án Độ và các nước phương Đông.**

Câu hỏi 5: Chủ nghĩa tư bản ở châu Âu được hình thành trên cơ sở nào? **Vốn và nhân công làm thuê.**

Câu hỏi 6: Vì sao người nông nô phải làm thuê trong các xí nghiệp của tư bản? **Họ bị tư bản và phong kiến cướp hết ruộng đất.**

Bức tranh: Bích họa của Mi-ken-lăng-giơ trên vòm nhà thờ Xích-xtin (Va – li căng _ một kiệt tác đương thời

Em có biết ai là tác giả của kiệt tác nghệ thuật này không? Người nghệ sĩ đó đã phải lao động nghệ thuật như thế nào để có thể tạo ra một bức họa tuyệt vời như thế này trên vòm nhà thờ Xích-xtin ở Va-ti-căng? Tại sao người ta nói: Muốn biết sự sáng tạo của con người vĩ đại đến đâu, hãy đến nhà thờ Xích-xtin? Các nhà văn hoá thời Phục hưng đã tạo nên “cuộc cách mạng” văn hoá như thế nào để Ăng-ghe-nơ vinh danh họ là “những con người khổng lồ”? Để trả lời được các câu hỏi này hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Những biến đổi về kinh tế- xã hội Tây Âu từ thế kỉ XIII đầu thế kỉ XVI

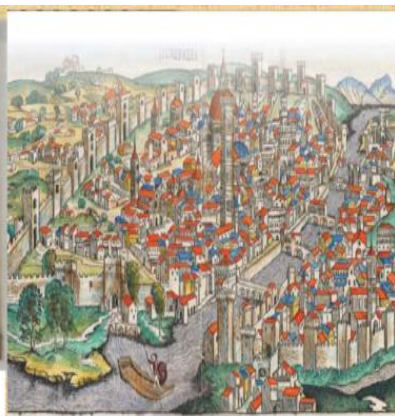
Mục tiêu: Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: GV yêu cầu HS đọc thông tin sgk và quan sát hình ảnh bên để trả lời các câu hỏi: ? Từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI kinh tế- xã hội Tây Âu có biến đổi như thế nào? ? Vì sao có sự biến đổi đó? Thảo luận cặp đôi: Giải thích vì sao giai cấp tư sản đứng lên đấu tranh chống giai cấp quý tộc phong kiến?	1. Những biến đổi về kinh tế- xã hội Tây Âu từ thế kỉ XIII đầu thế kỉ XVI - Từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI kinh tế- xã hội Tây Âu có biến đổi: + Các công trường thủ công, công ty thương mại, đồn điền ra đời ngày càng mở rộng quy mô.



Chiếc ghế dài dùng để làm quầy đổi tiền
(tranh vẽ, Phi-ren-xe, Ý, thế kỉ XIV)



Phi-ren-xe (tranh vẽ, năm 1492)



Người da đen ở châu Phi bị bắt bán sang châu Âu và Mỹ



Quý tộc Anh rảo ruộng cướp đất của nông nô



Công nhân Pháp làm việc trong các hầm mỏ ở Pháp



Cảnh khai thác khoáng sản của người dân Tây Ban Nha

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc bằng các câu hỏi gợi mở:

- Cùng với sự phát triển về kinh tế xã hội, Tây Âu trong khoảng thế kỉ XIV XV có gì thay đổi?

- Vị trí của giai cấp tư sản trong xã hội phong kiến như thế nào?

- Để thay đổi và khẳng định vị trí của mình giai cấp tư sản đã làm gì?

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện cặp đôi trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh

+ Quan hệ sản xuất tư bản xuất hiện

- Giai cấp tư sản ra đời có tiềm năng về kinh tế nhưng chưa có địa vị xã hội tương ứng.

- Giai cấp tư sản không chấp nhận những giáo lí lỗi thời, muốn xây dựng một nền văn hóa mới đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân, coi trọng KHKT

=> Mở đường cho CNB phát triển.

Hoạt động 2. Phong trào Văn hoá Phục hưng.

a. Những thành tựu tiêu biểu

- **Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm, nguyên nhân, thành tựu phong trào Văn hoá Phục hưng; rèn luyện kỹ năng trình bày và giải thích một vấn đề

- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc SGK, làm việc nhóm và hoàn thành các nội dung sau: + <i>Nhóm 1: Khái niệm phong trào văn hóa phục hưng. Phong trào Văn hóa Phục hưng khởi đầu ở quốc gia nào?</i> + <i>Nhóm 2: Nguyên nhân xuất hiện “Phong trào văn hóa phục hưng?”</i> + <i>Nhóm 3: Những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng?</i> + <i>Nhóm 4: Ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Cho hs xem video và giới thiệu tiểu sử một số nhân vật tiêu biểu https://drive.google.com/file/d/1DEanwfKlt4ExXQzn6XDirqK4QmQ-8YYz/view?usp=sharing	2. Phong trào Văn hoá Phục hưng. * <i>Khái niệm:</i> Là khôi phục những tinh hoa văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma, đồng thời phát triển nó ở tầm cao mới * <i>Nguyên nhân.</i> - Chế độ phong kiến kìm hãm sự phát triển của xã hội. - Giai cấp tư sản có thể lực kinh tế nhưng không có địa vị xã hội * <i>Những thành tựu tiêu biểu:</i> - Ph. Ra-bơ-le là nhà văn, nhà y học. - R. Đê-các-tơ là nhà toán học và là nhà triết học xuất sắc. - N. Cô-péc-ních là nhà thiên văn học. - U. Sếch-xpia nhà soạn kịch vĩ đại. - Lê-ô-na đơ Vanh-xi là họa sĩ đồng thời là kỹ sư nổi tiếng. - Đan-tê là nhà văn, được coi là “người cha của thi ca Italia - Thời Phục hưng đã xuất hiện nhiều nhà khoa học dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm, bảo thủ. Tiêu biểu là N. Cô-péc-ních (người Ba Lan), G. Brunô và G. Ga-li-lê (người I-ta-li-a),

b. Ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá phục hưng đối với xã hội Tây Âu

- **Mục tiêu:** Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.

- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc tư liệu 1, 2 sgk thảo luận cặp đôi trả lời	b. Ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá phục

các câu hỏi sau: ? Từ liệu 1,2 phản ánh quan điểm của các nhà văn hoá phục hưng về vấn đề gì? Phát vấn: ? Trình bày nội dung chống phong kiến của giai cấp tư sản thông qua phong trào văn hoá phục hưng? ? Phong trào văn hoá phục hưng có ý nghĩa tác động đến xã hội Tây Âu như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - Đại diện HS báo cáo, các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	hưng đối với xã hội Tây Âu + Lên án Giáo hội Thiên Chúa, đả phá trật tự phong kiến lỗi thời, lạc hậu, kìm hãm con người. + Đề cao giá trị con người và tự do cá nhân. + Đề cao tinh thần dân tộc (nhiều tác phẩm văn học được viết bằng tiếng của dân tộc mình). + Đề cao khoa học duy vật, phê phán quan điểm duy tâm, mở đường cho khoa học tự nhiên phát triển. Tác động: • Là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hoá - tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại giai cấp phong kiến. • Mở đường cho văn hoá Tây Âu phát triển trong những thế kỷ tiếp theo
---	---

Hoạt động 3 : Phong trào cải cách tôn giáo.

- **Mục tiêu:** HS nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo
- + Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo.
- + Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.
- + Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu
- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS dựa thông tin trong SGK, chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện yêu cầu sau: + Nhóm 1,2: Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo. + Nhóm 3,4: Khái quát nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. + Nhóm 5,6: Tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập và gọi mở các câu hỏi:	3. Phong trào cải cách tôn giáo. a. Nguyên nhân: SGK / 21 b.Nội dung: + Phê phán những hành vi không chuẩn mực của Giáo hoàng. + Chỉ trích mạnh mẽ nung giáo lí

- Ai là người khởi xướng phong trào Cải cách tôn giáo? - Nội dung tư tưởng trong cải cách của người đó? - Em biết gì về Mác-tin Lu thơ - Theo em, tại sao Lu-thơ và những nhà cải cách tôn giáo đề xuất những nội dung cải cách như vậy? <i>(Những nội dung của Cải cách tôn giáo chủ yếu tập trung đến phê phán, chỉ trích Giáo hoàng và Giáo hội vì thời trung đại, Thiên Chúa giáo là chỗ dựa vững chắc nhất của chế độ phong kiến, chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội châu Âu. Hơn nữa, Giáo hội Thiên Chúa giáo ngày càng có xu hướng cản trở sự phát triển của giai cấp tư sản).</i> Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - GV chọn 1 nhóm để trình bày (mỗi nội dung), các nhóm khác phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	giả dối của Giáo hội. + Đòi bỏ bớt những lễ nghi phiền toái, tốn kém,... + ủng hộ việc làm giàu của giai cấp tư sản. c.Tác động: SGK / 22
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về phong trào văn hóa phục hưng và phong trào cải cách tôn giáo.

- **Tổ chức thực hiện:** GV giao nhiệm vụ cho HS – HS tiến hành thảo luận và của đại diện trình bày- các nhóm khác bổ sung

1.Lập bảng theo mẫu sau và điền những nội dung phù hợp

Các nhà văn hóa Phục hưng	Lĩnh vực	Tác phẩm tiêu biểu
Ph-Ra bơ le		
Lê- ô na đơ van xi		
N cô pec ních		
M. Xec van téc		
U sêch xpia		
R đề các tơ		

2.Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Tại sao nói phong trào Văn hóa Phục hưng đã sản sinh ra "những con người khổng lồ".

+ Các nhóm tiến hành thảo luận trong thời gian 3 phút.

+ Đại diện các nhóm trả lời - các nhóm bổ sung – GV nhận xét, chốt ý.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng trong cuộc sống

- **Tổ chức thực hiện:** GV giao cho HS về nhà hoàn thành nội dung yêu cầu.

Vẽ sơ đồ tư duy (Hoặc lập bảng thống kê) thể hiện những nét chính của Phong trào Cải cách tôn giáo.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC: Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.

- Xem trước bài 4: Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.
- Suu tầm tư liệu về Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 19/9/2023

Ngày giảng: 29/9/2023 và 04/10/2023

CHƯƠNG 2. TRUNG QUỐC VÀ ÁN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI

Tiết 8,9: Bài 4: TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

I/ MỤC TIÊU:

1/Kiến thức:

- Tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX
- Trung Quốc dưới thời Đường
- Sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh
- Những thành tựu lớn về văn hoá, khoa học kĩ thuật của Trung Quốc.
- **HSKT: Biết được thời Đường là thời kì phát triển thịnh vượng của Trung Quốc. Năm được một số thành tựu chủ yếu về văn hóa hoặc khoa học kĩ thuật của Trung Quốc.**

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, thực hành bộ môn lịch sử, vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

3. Về phẩm chất:

- Giáo dục lòng Yêu nước: có tinh thần đoàn kết gắn bó giữa 2 nước xóa bỏ những hiềm khích trước đây. Tuy nhiên vẫn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác
- Giáo dục tính chăm chỉ: tìm hiểu và thu thập các thông tin, hình ảnh trong bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ Trung Quốc thời phong kiến (treo tường), Lược đồ Trung Quốc hiện nay (treo tường)
- Tranh ảnh một số công trình kiến trúc TQ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa, quan sát mô tả H9,10 trả lời các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- *Mục tiêu:* HS quan sát hình ảnh v kết nối kiến thức, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu chương mới bài mới.
- *Tổ chức thực hiện:*
- + B1: Giao nhiệm vụ: GV chiếu cho HS quan sát hình 1 (SGK trang 24).



GV phát vấn: Hình ảnh trên là công trình kiến trúc gì? Của đất nước nào? Em biết gì về công trình này?

+ B2: HS quan sát và trình bày

+ B3: HS khác nhận xét, bổ sung.

+ B4: Giáo viên nhận xét và kết nối vào bài học:

GV vào bài: Trung Quốc thời phong kiến: Từ 2000 TCN, người Trung Quốc đã xây dựng được nhà nước và nền văn minh của mình. Trải qua các triều đại Hạ, Thương, Chu, người Trung Quốc đã phát triển nền văn minh cổ đại rực rỡ. Là một trong những quốc gia ra đời sớm và phát triển nhanh. TQ đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị thời phong kiến. Vậy bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tiến trình phát triển của Lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

- **Mục tiêu:** Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong SGK và hoàn thành nội dung sau: <i>Vẽ trục thời gian thể hiện tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV lần lượt chiếu các lược đồ Trung Quốc thời phong kiến, mở rộng (sự ra đời, nối tiếp của các triều đại Trung Quốc): <i>Cuối nhà Tùy, tình hình rối ren. Sau khi Tùy Dạng Đế chết, năm 618 Lý Uyên xưng Hoàng đế, đặt tên nước là Đường. Năm 847, cuộc khởi nghĩa nông dân do Hoàng Sào lãnh đạo làm nhà Đường suy sụp. Đến năm 960, Triệu Khuông Dẫn dẹp tan các thế lực phong kiến đối lập, lập ra nhà Tống. Đầu thế kỷ XIII, trên thảo nguyên Mông Cổ, Thành Cát Tư Hãn lên ngôi Đại Hãn (tiếng Mông Cổ tức là "vua của cả thế giới"), tiến đánh Bắc Trung Quốc. Sau đó Hốt Tất Liệt diệt Nam Tống, lên ngôi Hoàng đế, thiết lập triều</i>	1. Tiến trình phát triển của Lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX. - Lịch sử Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX đó là sự thành lập, phát triển và suy vong của các triều đại phong kiến: - Thời Đường (618 - 907); - Thời kì Ngũ đại (907 - 960); - Thời Tống (960 – 1279); - Thời Nguyên (1271 – 1368); - Thời Minh (1368 – 1644); nhà Thanh (1644 – 1911) – triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc.

Nguyên ở Trung Quốc vào năm 1279. Giữa thế kỷ XIV, Chu Nguyên Chương, lãnh tụ của phong trào nông dân, lật đổ nhà Nguyên, lên ngôi hoàng đế lập ra nhà Minh vào năm 1368. Năm 1644 tộc người Mãn ở phương Bắc kéo vào xâm lược nước Minh, lập ra nhà Thanh (1644 - 1911). Vua, quan Nhà Thanh cưỡng bức nhân dân phải theo phong tục của người Mãn, đưa ra nhiều chính sách áp bức dân tộc tàn bạo. Do đó, các cuộc khởi nghĩa, chống đối ngày một nhiều, làm cho triều đại ngày càng suy yếu. Nhân cơ hội đó, tư bản phương Tây đua nhau nhòm ngó, xâm lược Trung Quốc. Nhà Thanh bất lực, dẫn đến sự suy sụp của chế độ phong kiến.

Hoạt động 2. Trung Quốc dưới thời Đường.

- **Mục tiêu:** Hiểu được sự thịnh vượng nhà Đường được thể hiện qua: Quá trình xây dựng bộ máy nhà nước, tình hình phát triển kinh tế.

- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
- Bước 1: GV Chia thành 6 nhóm. Các nhóm đọc mục 3 SGK (4 phút), thảo luận và thực hiện các yêu cầu sau: Nhóm 1+ 2: Trình bày tổ chức bộ máy nhà nước dưới thời Đường? Nhóm 3+ 4: Trình bày chính sách đối ngoại dưới thời Đường? Nhóm 5+ 6: Nêu đặc điểm kinh tế dưới thời Đường? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV giới thiệu cho HS về “Chế độ quân điền và “Con đường tơ lụa”. GV cần nhấn mạnh điểm mới trong việc tuyển chọn quan lại thời Đường là thông qua việc mở các khoa thi để chọn người giỏi. Điều này thể hiện sự tiến bộ và chính sách trọng dụng người tài dưới thời Đường. - GV nhấn mạnh đến các cuộc xâm lược nước ta của	2. Trung Quốc dưới thời Đường. - Năm 618, Lý Uyên lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Đường. - Về chính trị: + Bộ máy nhà nước được hoàn chỉnh, mở khoa thi chọn người tài để tuyển dụng làm quan. + Các hoàng đế thời Đường tiếp tục chính sách bành trướng, mở rộng lãnh thổ, ... - Về kinh tế: SGK/25

phong kiến Trung Quốc là phi nghĩa và cuối cùng đều thất bại.

Hoạt động 3. Trung Quốc thời Minh – Thanh.

- **Mục tiêu:** HS trình bày và nêu được dẫn chứng chứng minh cho bước phát triển trong nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Minh - Thanh. Thành tựu nổi bật nhất thời Minh – Thanh.

- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò		Nội dung								
- Bước 1: GV giới thiệu về sự thành lập nhà Minh và nhà Thanh. - GV cho HS đọc thông tin, thảo luận nhóm để hoàn thành Phiếu học tập: <i>Trình bày những biểu hiện nổi bật về sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh?</i> Phiếu học tập <table><tr><td>Các lĩnh vực</td><td>Biểu hiện nổi bật</td></tr><tr><td>Nông nghiệp</td><td></td></tr><tr><td>Thủ công nghiệp</td><td></td></tr><tr><td>Thương nghiệp</td><td></td></tr></table> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng kiến thức: Nhiều thành thị ở Trung Quốc thời Minh - Thanh vừa là trung tâm kinh tế, vừa là trung tâm chính trị lớn, có dân số đông như Bắc Kinh, Nam Kinh. - Đến thời Minh - Thanh, mầm mống quan hệ tư bản chủ nghĩa bắt đầu xuất hiện ở Trung Quốc, xuất hiện các cơ sở sản xuất (công trường thủ công) với quy mô tương đối lớn, thuê nhiều nhân công, quan hệ giữa chủ xưởng với người làm thuê thể hiện ở việc “chủ xuất vốn”, “thợ xuất sức”; thương nghiệp phát triển, thành thị được mở rộng.		Các lĩnh vực	Biểu hiện nổi bật	Nông nghiệp		Thủ công nghiệp		Thương nghiệp		3. Trung Quốc thời Minh – Thanh. <i>* Chính trị.</i> - 1368 nhà Minh thành lập. - 1644 nhà Thanh thống trị Trung Quốc. <i>* Kinh tế.</i> - Nông nghiệp có những bước tiến về kỹ thuật gieo trồng, diện tích trồng trọt vượt xa thời kỳ trước, sản lượng lương thực tăng nhiều. - Thủ công nghiệp: Hình thành những xưởng thủ công tương đối lớn, thuê nhiều nhân công và sản phẩm rất đa dạng. - Thương nghiệp: Nhiều thành thị trở nên phồn thịnh. Bắc Kinh, Nam Kinh. Nhiều thương cảng lớn đã trở thành những trung tâm buôn bán sầm uất. - Đến thời Minh - Thanh, mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất, chi phối mạnh mẽ đối với nền kinh tế - xã hội Trung Quốc.
Các lĩnh vực	Biểu hiện nổi bật									
Nông nghiệp										
Thủ công nghiệp										
Thương nghiệp										

Hoạt động 4. Những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX

- **Mục tiêu:** HS nắm được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIX?

- **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò		Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong sgk và hoàn thành bảng thống kê về những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến thế kỷ XI.		4. Những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX
Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu	
Tư ưởng - Tôn giáo		
Sử học		
Văn học		
Kiến trúc - Điêu khắc		
Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.		
Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.		
Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Nội dung của "Tam cương, Ngũ thường" là Đó là quan hệ giữa vua - tôi, cha - con, vợ - chồng; về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín,... được coi là giường mối, kỷ cương của đạo đức phong kiến. Nho giáo trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc bởi nó giúp ổn định trật tự xã hội trên cơ sở nguyên tắc mà bắt buộc mọi tầng lớp trong xã hội phải tuân theo. Tư tưởng Nho giáo ảnh hưởng không chỉ với Trung Quốc mà còn ảnh hưởng đến nhiều nước ở châu Á như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam. Chi phối các lĩnh vực, chính trị, xã hội văn hóa nghệ thuật. - GV giới thiệu thêm về Hình 4 sgk trang 27: Một trang trong Kinh Kim Cương được thực hiện từ năm 868 chứng tỏ nghề in đã phát triển ở Trung Quốc từ hơn 1000 năm trước. Ấy chính là cuốn sách in xưa nhất còn tồn tại đến ngày nay. Cuốn Kinh Kim Cương có độ dài 5 m với chiều rộng 17 cm, là một trong những bài kinh quan trọng nhất của Phật giáo Đại thừa. - Ở lớp 6, các em đã biết về Tư Mã Thiên với bộ Sử kí, đến đời Đường, các hoàng đế lập cơ quan biên soạn lịch sử gọi là "Sử quán". Đây là bước tiến mới và góp phần dẫn đến sự ra đời nhiều bộ sử lớn có giá trị đến ngày nay. - GV nhấn mạnh hai thành tựu tiêu biểu về văn học có ảnh hưởng		

lớn đến sáng tác và thưởng thức văn học hiện nay, đó là thơ Đường và tiểu thuyết chương hồi. - GV phát vấn: Em có nhận xét gì những thành tựu văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX? Văn hóa Trung Quốc đã có những đóng góp quan trọng nào cho lịch sử nhân loại? -> <i>Văn hóa Trung Quốc đã có những đóng góp trọng cho lịch sử nhân loại:</i> - <i>Các tác phẩm văn sử học, công trình nghệ thuật ngoài việc có ảnh hưởng đến bên ngoài, còn được giữ gìn đến tận ngày nay và được chuyển thể thành các bộ phim có giá trị</i>	
--	--

Nội dung

Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu
Tư tưởng tôn giáo	Nho giáo đã trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc. Phật giáo tiếp tục thịnh hành nhất dưới thời Đường.
Sử học	Từ thời Đường, các cơ quan chép sử được thành lập, nhiều bộ sử lớn được ban hành.
Văn học	Thời Đường xuất hiện nhiều nhà thơ nổi tiếng như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị. Từ thời Nguyên xuất hiện nhiều tiểu thuyết đồ sộ, có ảnh hưởng sâu sắc đến văn học của các nước khác.
Kiến trúc điêu khắc	Nhiều cung điện cổ kính nổi tiếng với phong cách đặc sắc như Cố Cung, Viên Minh Viên, Tử Cấm Thành. Những bức họa đạt tới đỉnh cao tượng Phật được chạm khắc tinh xảo, sinh động đã chứng tỏ sự tài hoa và sáng tạo của các nghệ nhân Trung Quốc.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

- **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và hoàn thành yêu cầu sau:

1. Tại sao nói thời Đường là thời kì thịnh vượng của chế độ phong kiến Trung Quốc ?
2. Kinh tế dưới thời Minh – Thanh có điểm gì mới so với thời Đường ?

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng.

- **Tổ chức thực hiện:** GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tìm hiểu thông tin qua Internet, sách báo để trả lời câu hỏi: *Liên hệ với lịch sử Việt Nam, em hãy tìm hiểu thêm và chia sẻ: từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX triều đại phong kiến Trung Quốc nào đã xâm lược nước ta?*

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV kiểm tra ở tiết sau.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- Tiết sau giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn học sinh tự học:

- Học bài cũ, soạn bài và chuẩn bị bài mới: Ấn Độ từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 01/10/2023

Ngày giảng: 6, 11/10/2023

Tiết 10,11: Bài 4: ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
 - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.
 - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

- **HSKT:** Biết được thời kì vương triều Gupta là thời kì hoàng kim nhất của Ấn Độ.

- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hóa của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Bước đầu biết vận dụng phương pháp lịch sử để phân tích và hiểu giá trị của các chính sách xã hội của mỗi triều đại cùng những thành tựu văn hóa.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các sự kiện và nhân vật lịch sử.
- Nhân ái: Tôn trọng văn hóa, tự do tín ngưỡng của dân tộc khác.
- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.
- Trung thực: Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.
- Trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong những thành tựu tiêu biểu của Ấn Độ. Liên hệ được ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ Ấn Độ thời phong kiến; Lược đồ Ấn Độ ngày nay (treo tường).
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Suu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức đưa học sinh tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới thông qua trò chơi “Mảnh ghép”.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2 : HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3 : HS báo cáo kết quả

- *Mảnh ghép 1:* Trung Quốc trở thành quốc gia phong kiến cường thịnh nhất châu Á dưới triều đại

A. nhà Hán. **B. nhà Đường.** C. nhà Nguyên. D. nhà Thanh.

- *Mảnh ghép 2:* Chính sách lấy ruộng đất công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân dưới thời Đường, được gọi là chế độ

A. công điền. B. tịch điền. **C. quân điền.** D. doanh điền.

- *Mảnh ghép 3:* Thương cảng nào trong thời Minh – Thanh trở thành trung tâm buôn bán sầm uất với nước ngoài?

A. Tô Châu. B. Tùng Giang. **C. Quảng Châu.** D. Thượng Hải.

- *Mảnh ghép 4:* Phật giáo được thịnh hành nhất dưới thời

A. Đường. B. tiêu thuyết. C. Minh. D. Thanh.

* Câu hỏi về bức tranh (nếu học sinh chưa trả lời được khi 4 mảnh ghép được lật mở): Đây là chân dung 1 vị vua kiệt xuất của Ấn Độ thời phong kiến?

- Em biết gì về vị vua này. (*Vua A-cơ-ba* là vị vua thứ ba của Vương triều Mô-gôn trong lịch sử Ấn Độ. Ông trị vì từ năm 1556 đến năm 1605 và được đánh giá là vị vua kiệt xuất của lịch sử Ấn Độ thời phong kiến. Ông lên ngôi lúc mới 13 tuổi, mở nhiều cuộc chinh phạt để củng cố quyền lực và sáp nhập các vùng đất ở miền Bắc và Trung Ấn vào lãnh thổ của mình)

Bước 4: GV nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới: Nền văn hoá Ấn Độ được ví như một dòng sông dài bắt nguồn từ dãy núi Hi-

ma-lay-a vượt qua những dải rừng, vùng đất hoang vu xóm làng và thành phố tiếp nhận thêm nhiều chi lưu... Do vậy trong dòng chảy văn hoá Ấn Độ có sự thống nhất trong đa dạng, có cả sự tiếp nối lẫn thay đổi. Từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX lịch sử Ấn Độ trải qua nhiều vương triều, đã hoà nhập nhiều yếu tố văn hoá từ các nguồn gốc khác nhau, nhưng không đứt đoạn mà vẫn dự được bản sắc Ấn Độ. Em có biết gì về đất nước Ấn Độ thời phong kiến?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 1. Ấn Độ dưới các triều đại phong kiến

a. Mục tiêu: Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ. Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Đê-li và đế quốc Mô-gôn.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS		Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm: 3 phút và hoàn thành yêu cầu sau:		1. Ấn Độ dưới các triều đại phong kiến a. Vương triều Gúp-ta : - Đầu thế kỉ IV, San-đra Gúp-ta I lên ngôi, thống nhất được đất nước, lập ra Vương triều Gúp-ta. - Kinh tế Ấn Độ có những tiến bộ vượt bậc. - Đời sống nhân dân được ổn định, sung túc vì vậy thời kì này được gọi là thời hoàng kim. - Từ giữa thế kỉ V, Vương triều Gúp ta dần suy yếu và đến thế kỉ VI được thay thế bằng Vương triều Hác-sa. b. Vương triều Hồi giáo Đê-li - Thế kỉ XII, Ấn Độ bị Thổ Nhĩ Kỳ xâm lược, lập ra triều đại Hồi giáo Đê-li, thi hành chính sách cướp đoạt ruộng đất và cấm đoán đạo Hin-đu, mâu thuẫn dân tộc căng thẳng. c. Vương triều Ấn Độ Mô-gôn - Thế kỉ XVI, người Mông Cổ chiếm đóng Ấn Độ, lập Vương triều Mô-gôn, xóa bỏ
Nhóm	Câu hỏi	
1,2	Trình bày khái quát sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Gupta	
3,4	Trình bày khái quát sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Delhi	
5,6	Trình bày khái quát sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mogul.	
* Thảo luận cặp đôi: - Em hãy so sánh sự giống và khác nhau giữa Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn? - Tại sao Vương triều Mô-gôn đạt được đỉnh cao nhưng cuối cùng vẫn sụp đổ? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. * Thảo luận cặp đôi: Sự giống và khác nhau giữa Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn * Giống nhau: - Cả hai vương triều đều do đế quốc bên ngoài xâm chiếm và xây dựng nên		

- Tạo điều kiện cho văn hóa phát triển - Áp bức thống trị nhân dân Ấn Độ -> sự mâu thuẫn giai cấp và dân tộc, làm cho cả 2 triều đại đều suy yếu và sụp đổ * Khác nhau: * Vương triều Hồi giáo Đê-li - Chính sách cai trị: + Truyền bá, áp đặt đạo hồi, tự dành cho mình quyền ưu tiên trong ruộng đất và địa vị quan lại + Tôn giáo: thi hành chính sách mềm mỏng nhưng vẫn xuất hiện phân biệt tôn giáo * Vương triều Mô-gôn. - Chính sách cai trị: các vua ra sức củng cố theo hướng Ấn Độ hóa, xây dựng đất nước, đưa Ấn Độ đạt đến bước phát triển mới dưới thời vua A – Cơ - Ba(1556-1605) + Xây dựng chính quyền mạnh dựa trên liên kết quý tộc, không phân biệt nguồn gốc + Xây dựng khối hòa hợp dân tộc, hạn chế sự phân biệt chủng tộc và tôn giáo, hạn chế sự bóc lột của chủ đất và quý tộc + đo đạc lại ruộng đất để định ra mức thuế đúng đắn và hợp lí, thống nhất đơn vị đo lường * Do mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo,... lâu đời ở Ấn Độ làm cho mâu thuẫn trong xã hội ngày càng thêm sâu sắc. Các quý tộc Ấn Độ ra sức chiếm đất đai và củng cố thế lực của mình. Vì vậy, sau thời kỳ trị vì của vua A-cơ-ba, Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, suy yếu và trở thành miếng mồi béo bở của các nước tư bản phương Tây.	sự kì thị tôn giáo, khôi phục kinh tế và phát triển văn hoá Ấn Độ. - Giữa thế kỉ XIX, Ấn Độ trở thành thuộc địa của nước Anh. + Chính trị, Kinh tế, Xã hội: SGK/31.
---	---

Hoạt động 2: 2. Thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

a. Mục tiêu: Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm: 3 phút Dựa vào kênh chữ trong SGK, hoàn thành phiếu học tập sau:	2. Thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. - Tôn giáo: + Đạo Bà La Môn dần dần trở thành Hindu giáo + Phật giáo có sự phân hoá thành hai giáo phái và tiếp tục được phát

Lĩnh vực	Thành tựu
Tôn giáo:	
Chữ viết - văn học:	
Kiến trúc - điêu khắc:	
Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. Giáo viên đặt câu hỏi gợi mở: - <i>Vì sao nói Ấn Độ là quê hương của tôn giáo?</i> - <i>Chữ viết có ảnh hưởng đến sự phát triển của văn học Ấn Độ thời kì này không?</i> - <i>Nội dung chính của các tác phẩm văn học là gì?</i> - <i>Cho biết những thành tựu văn hóa có ảnh hưởng đến Đông Nam Á và Việt Nam như thế nào?</i> GV mở rộng: Những thành tựu văn hoá mà người Ấn Độ đạt được rất toàn diện và rực rỡ trên cơ sở kế thừa những di sản văn hoá từ các thế kỉ trước. Những thành tựu văn hoá Ấn Độ tiếp tục có sự ảnh hưởng lớn đến các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.	
triển mạnh trong thời Gúp-ta. + Hồi giáo cũng phát triển, trở thành một tôn giáo lớn dưới thời Vương triều Hồi giáo Đê-li. - Chữ viết - văn học: + Chữ Phạn đạt đến mức hoàn chỉnh, đồng thời là nguồn gốc chữ viết Hin-đi ngày nay. + Văn học Ấn Độ hết sức phong phú, đa dạng với nội dung thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao cả, đề cao tư tưởng tự do, ca ngợi tình yêu lứa đôi và trong chừng mực nhất định đã chống lại quan niệm về sự phân biệt đẳng cấp. - Kiến trúc - điêu khắc: Kiến trúc Ấn Độ chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo lớn: Hồi giáo, Phật giáo và Hindu giáo.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

- HS hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, trong quá trình hoạt động có thể trao đổi với bạn bè và thầy cô.

1. Ấn Độ được thống nhất vào thời gian nào?

A. 2 500 năm TCN.

B. 1 500 năm TCN.

C. Cuối thế kỉ III TCN.

D. Đầu thế kỉ IV.

2. Sau thời kì phân tán (thế kỉ III TCN – thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất dưới thời Vương triều

A. Gúp-ta.

B. Đê-li.

C. Mô-gôn.

D. Hác-sa.

3. Ấn Độ bị thực dân Anh xâm lược vào

A. giữa thế kỉ XVIII.

B. cuối thế kỉ XVIII.

C. giữa thế kỉ XIX.

D. cuối thế kỉ XIX.

4. Vương triều Gúp-ta được gọi là thời kì hoàng kim của Ấn Độ vì

A. kinh tế có những tiến bộ vượt bậc; đời sống của người dân ổn định, sung túc.

B. xã hội ổn định, đạo Phật tiếp tục phát triển mạnh.

C. nhiều công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo được xây dựng.

D. hoạt động thương mại trong nước được đẩy mạnh và Ấn Độ có quan hệ buôn bán với nhiều nước.

5. Điểm chung nổi bật về sự thành lập của hai Vương triều Đê-li và Mô-gôn đó là

A. đều do người Hồi giáo lập nên.

B. đều do người Thổ Nhĩ Kỳ thống trị.

C. đều do người Mông Cổ thống trị.

D. đều do các vương triều của người nước ngoài và theo Hồi giáo lập nên.

6. Dưới sự trị vì của mình, A-cơ-ba (1566 – 1605) đã thi hành những biện pháp tiến bộ. Đó là biện pháp gì?

A. Xoá bỏ Hồi giáo.

B. Giành nhiều đặc quyền cho quý tộc gốc Mông Cổ.

C. Xoá bỏ sự kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo; khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá Ấn Độ.

D. Xây dựng chính quyền vững mạnh.

7. Ý nào không đúng về chữ Phạn của Ấn Độ.

A. Là ngôn ngữ – văn tự để sáng tác văn học, thơ ca.

B. Là nguồn gốc của ngôn ngữ và chữ viết Hin-đu thông dụng hiện nay ở Ấn Độ.

C. Trở thành ngôn ngữ – văn tự sáng tạo các bộ kinh “khổng lồ” của Ấn Độ.

D. Trở thành chữ viết của các quốc gia Đông Nam Á.

8. Đặc điểm nổi bật về kiến trúc Ấn Độ là

A. chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo là Hin-đu giáo, Phật giáo và Hồi giáo.

B. tiếp thu những nét tiêu biểu của kiến trúc phương Tây.

C. các công trình kiến trúc được xây dựng chủ yếu bằng gạch.

D. chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo là Hin-đu giáo, Phật giáo.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: Bài tập 2,3/33 vào vở. GV kiểm tra ở tiết sau.

Hướng dẫn học sinh tự học:

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.

- Xem trước bài 6: Các vương quốc phong kiến ĐNA từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI.

- Suu tầm tư liệu về Các vương quốc phong kiến ĐNA từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 01/10/2023

Ngày dạy: 13,18 /10/2023

Tiết 12,13: Bài 6: CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
- Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
- **HSKT: Biết được một số vương quốc phong kiến Đông Nam Á được hình thành từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.**

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Bước đầu biết vận dụng phương pháp lịch sử để phân tích và hiểu giá trị của các chính sách xã hội của mỗi triều đại cùng những thành tựu văn hóa.
- + Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

3. Phẩm chất

- Giáo dục lòng yêu nước: có tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các nước.
- Giáo dục tinh thần sống có trách nhiệm trong khu vực Nhận thức được lịch sử sự gắn bó lâu đời giữa các dân tộc Đông Nam Á, trong lịch sử các quốc gia Đông Nam Á cũng có những thành tựu đóng góp cho văn minh nhân loại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ Đông Nam Á thời phong kiến; Tranh, ảnh về một số công trình kiến trúc, văn hoá của Đông Nam Á.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Suu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- GV giới thiệu sơ lược nội dung chương 3.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới thông qua trò chơi “Mảnh ghép”.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu.

Bước 3 : HS báo cáo.

- *Mảnh ghép 1:* Sau thời kì phân tán (thế kỉ III TCN – thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất dưới thời Vương triều

A. Gúp-ta. B. Đê-li. C. Mô-gôn. D. Hác-sa.

- *Mảnh ghép 2:* Ấn Độ bị thực dân Anh xâm lược vào

A. giữa thế kỉ XVIII. B. cuối thế kỉ XVIII.

C. giữa thế kỉ XIX. D. cuối thế kỉ XIX.

- *Mảnh ghép 3:* Vương triều Gúp-ta được gọi là thời kì hoàng kim của Ấn Độ vì

A. kinh tế có những tiến bộ vượt bậc; đời sống của người dân ổn định, sung túc.

B. xã hội ổn định, đạo Phật tiếp tục phát triển mạnh.

C. nhiều công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo được xây dựng.

D. hoạt động thương mại trong nước được đẩy mạnh và Ấn Độ có quan hệ buôn bán với nhiều nước.

- *Mảnh ghép 4:* Điểm chung nổi bật về sự thành lập của hai Vương triều Đê-li và Mô-gôn đó là

A. đều do người Hồi giáo lập nên.

B. đều do người Thổ Nhĩ Kỳ thống trị.

C. đều do người Mông Cổ thống trị.

D. đều do các vương triều của người nước ngoài và theo Hồi giáo lập nên.

* Câu hỏi về bức tranh *Đây là 1 ngôi chùa nổi tiếng của Mianma? Em biết gì về ngôi chùa này?* (Chùa Vàng (Mi-an-ma): Là chùa tháp lớn nhất và đẹp nhất Mi-an-ma, được hình thành từ 2500 năm trước và được các triều đại phong kiến tu bổ, mở rộng dần. Chùa tọa lạc trên một quả đồi cao, rộng, trên đỉnh tháp gắn nhiều kim cương, hồng ngọc, bích ngọc và các loại đá quý, chùa được dát vàng nên lấp lánh dưới ánh mặt trời vào ban ngày và ánh điện về ban đêm. Trong chùa có nhiều tượng Phật được chạm khắc tinh xảo, thể hiện trình độ điêu khắc của người dân Đông Nam Á xưa kia.

Bước 4: Giáo viên nhận xét và và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 1. Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI

a. Mục tiêu: Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - <i>Hoạt động cá nhân:</i> Quan sát lược đồ H2/sgk viết ra giấy tên các vương quốc phong kiến. Và lên bảng chỉ trên lược đồ tên các vương quốc đó. - <i>Thảo luận cặp đôi :</i> Trình bày sự hình thành, phát triển của các vương quốc phong kiến trong thế kỉ X đến XVI (quá trình	1. Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI

hình thành, phát triển, kinh tế, bộ máy nhà nước,...)? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV phát vấn: + Em có nhận xét gì về hoạt động kinh tế của vương quốc Ma-lắc-ca? + Em có nhận xét gì về sự phát triển của các vương quốc Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI? - GV mở rộng: Hoạt động kinh tế của Vương quốc Ma-lắc-ca rất phát triển, được thể hiện qua các mặt hàng được trao đổi buôn bán: hàng hóa Trung Quốc (đồ sứ, tơ lụa), Ấn Độ (ngọc trai, vải), Gia – va và Xu-ma-tra (thóc, gia vị, trâu bò)... Điều này chứng tỏ Ma-lắc-ca là trung tâm kinh tế và giao lưu buôn bán quốc tế ở Đông Nam Á lúc bấy giờ.	- Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến thế kỉ XIII, các vương quốc phong kiến bước vào giai đoạn phát triển: Vương quốc Mi-an-ma, Đại Việt, Chăm – pa.... - Đến thế kỉ XIII, khi quân Mông Nguyên mở rộng xâm lược xuống Đông Nam Á. Do nhu cầu chống giặc ngoại xâm đã dẫn đến sự ra đời của một số vương quốc phong kiến mới như: Lang Xang, Mô-giô-pa-hít... - Quyền lực nhà vua được củng cố, luật pháp được hoàn thiện.
---	---

Hoạt động 2: 2. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

a. Mục tiêu: Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phát vấn: Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI thể hiện trên những lĩnh vực nào? - Hoạt động cá nhân 2 phút: Nêu một số thành tựu về tín ngưỡng, tôn giáo, chữ viết – văn học biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI? - Thảo luận cặp đôi 2 phút: Nêu một số thành tựu về kiến trúc – điêu khắc biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI? - Thảo luận nhóm (3 phút): Việc ra đời chữ viết có ý nghĩa như thế nào? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ	2. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu - Tín ngưỡng - tôn giáo: + Phật giáo Tiểu thừa được truyền bá và phổ biến ở Đông Nam Á (Lan Xang, Cam-pu-chia,...) + Hồi giáo cũng theo chân thương nhân Ả Rập, Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á với nhiều tiểu quốc Hồi giáo ra đời và Hồi giáo trở thành quốc giáo. - Chữ viết - văn học:

- HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV phát vấn: + <i>Em có nhận xét gì về những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?</i> - GV mở rộng: Trên cơ sở tiếp thu và chọn lọc, các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đã xây dựng được một nền văn hóa truyền thống riêng của dân tộc mình, và đóng góp vào kho tàng văn hóa nhân loại những giá trị tinh thần độc đáo. - Việc nhiều quốc gia Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng đó là một quá trình lao động công phu, sáng tạo và là thành tựu đáng kể của văn hóa dân tộc, có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển văn học, luật pháp sau này.	Nhiều nước ở Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình (chữ Thái, chữ Lào, chữ Nôm,...). Dòng văn học viết xuất hiện và phát triển nhanh với nhiều tác phẩm nổi tiếng. - Kiến trúc - điêu khắc: Khu đền Ăng-co (Cam-pu-chia), chùa Vàng (Mi-an-ma),... thể hiện sự ảnh hưởng, chi phối của tín ngưỡng, tôn giáo đến đời sống văn hoá, tinh thần phong phú của người dân Đông Nam Á.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện: GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong quá trình thực hiện có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè.

1. Vương quốc phong kiến nào ở Đông Nam Á được hình thành và phát triển từ thế kỉ VII đến nửa đầu thế kỉ X không còn tiếp tục phát triển trong giai đoạn này?

A. Vương quốc Pa-gan.

B. Vương quốc Chăm-pa.

C. Vương quốc Ha-ri-pun-giay-a.

D. Vương quốc Phù Nam.

2. Vào thế kỉ XIII, có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự ra đời một số vương quốc phong kiến mới và sự thống nhất một số vương quốc phong kiến nhỏ thành vương quốc lớn hơn ở Đông Nam Á, **ngoại trừ**

A. quân Mông – Nguyên mở rộng xâm lược xuống Đông Nam Á.

B. nhiều tộc người bị quân xâm lược dồn đẩy xuống phía nam.

C. do nhu cầu liên kết các tộc người để lao động sản xuất.

D. do nhu cầu liên kết các quốc gia nhỏ, các tộc người để kháng chiến chống ngoại xâm.

3. Sau khi quân Mông – Nguyên mở rộng xâm lược xuống Đông Nam Á (thế kỉ XII), trừ nhiều vương quốc mới đã được thành lập ở khu vực này, **ngoại trừ**

A. Vương quốc Su-khô-thay.

B. Vương quốc A-út-thay-a.

C. Vương quốc Lan Xang (Lào ngày nay).

D. Vương quốc Chăm-pa.

4. Ý nào sau đây không phản ánh đúng tình hình chính trị của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?

A. Bộ máy nhà nước dần được củng cố với sự tăng cường quyền lực của nhà vua.

B. Đất nước được chia thành nhiều tỉnh.

C. Hệ thống quan lại các cấp dần được hoàn chỉnh.

D. Luật pháp ngày càng hoàn thiện với sự xuất hiện của nhiều bộ luật.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: Bài tập 2/38
- GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh ở tiết học sau.

Hướng dẫn HS tự học:

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.
- Xem trước bài 7: Vương quốc Lào, chuẩn bị bài tập nhóm theo yêu cầu sau.
 - + Nhóm 1,2: Mô tả quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào?
 - + Nhóm 3,4: Sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang (tổ chức bộ máy nhà nước, kinh tế xã hội, ngoại giao)?
 - + Nhóm 5,6: Một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào (tín ngưỡng, tôn giáo, chữ viết, ca múa)?
- Suru tầm tư liệu về Vương quốc Lào.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 10/10/2023

Ngày dạy: 20/10/20223

TIẾT 14: BÀI 7: VƯƠNG QUỐC LÀO

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Về kiến thức

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.
- **HSKT: Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.**

2. Về năng lực

- Năng lực chung

- + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- + Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Năng lực chuyên biệt

- + Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- + Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.
- + Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.
- + Bước đầu biết phân tích và hiểu giá trị của những thành tựu văn hóa của vương quốc Lào.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Chăm học, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.
- Nhân ái: Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu đời của các dân tộc ở Đông Nam Á.
- Trách nhiệm: Trân trọng, giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Lào.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ Các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á.
- Tranh, ảnh về một số công trình kiến trúc, văn hoá của Lào.

2. Đối với học sinh

- Suu tầm tư liệu về một số công trình kiến trúc, văn hoá của Lào.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua trò chơi mảnh ghép, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép (HS trả lời đúng ghi điểm cho các em)

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2 : HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3 : HS báo cáo kết quả

- **Mảnh ghép 1:** Chữ Nôm của người Việt được cải biến từ loại chữ nào?

A. Chữ Phạn của Ấn Độ.

B. Chữ Bra-mi của Ấn Độ.

C. Chữ Hán của Trung Quốc.

D. Chữ Hán của Trung Quốc và chữ Chăm cổ.

- **Mảnh ghép 2:** Từ thế kỉ XII, các tôn giáo được truyền bá và phổ biến ở Đông Nam Á là

A. Phật giáo tiểu thừa, Hồi giáo.

B. Đạo giáo, Phật giáo.

C. Đạo giáo, Hồi giáo.

D. Phật giáo và Ki-tô giáo.

- **Mảnh ghép 3:** Vương quốc phong kiến nào ở Đông Nam Á được hình thành và phát triển từ thế kỉ VII đến nửa đầu thế kỉ X không còn tiếp tục phát triển trong giai đoạn nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI?

A. Vương quốc Pa-gan.

B. Vương quốc Chăm-pa.

C. Vương quốc Ha-ri-pun-giay-a.

D. **Vương quốc Phù Nam.**

- **Mảnh ghép 4:** Nhiều công trình kiến trúc đền, tháp nổi tiếng đã được xây dựng ở các quốc gia Đông Nam Á giai đoạn nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI **ngoại trừ**

A. khu đền tháp Ăng-co (Cam-pu-chia).

B. chùa Vàng (Thái Lan).

C. chùa Vàng (Mi-an-ma).

D. **đền Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a).**

* **Nội dung bức tranh:** Thạt Luồng.

Bước 4 (đánh giá): Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới: Hình ảnh trên là Thạt Luồng là một công trình văn hoá tiêu biểu cho khả năng sáng tạo của người Lào. Công trình này được xây dựng vào thời kì vương quốc Lang Xang – thời kì phát triển thịnh vượng nhất của vương quốc Lào. Vậy vào thời kì vương quốc Lang Xang, đất nước Lào phát triển như thế nào? Trong bài học này chúng ta sẽ cùng khám phá.

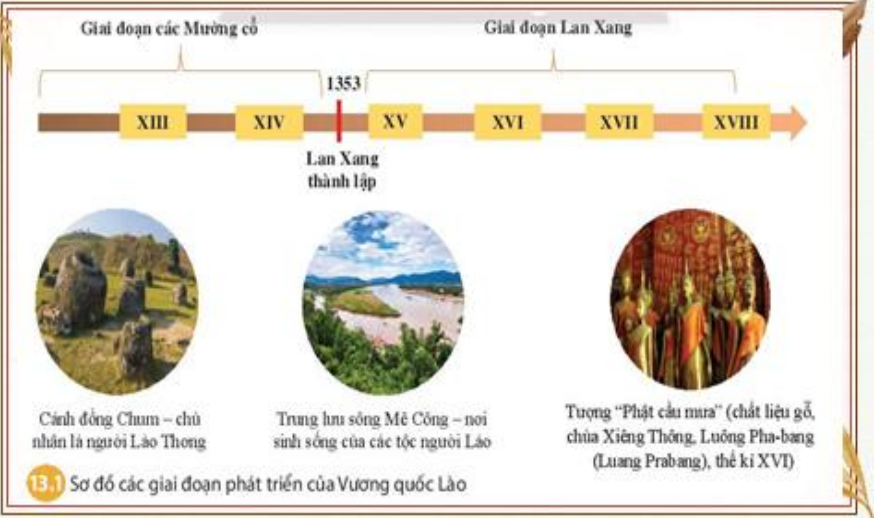
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động chung:

1. Quá trình hình thành, phát triển của vương quốc.**2. Vương quốc Lào thời Lang Xang.****3. Một số nét tiêu biểu về văn hóa****a. Mục tiêu:**

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.

b. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm (đã giao nhiệm vụ chuẩn bị trước ở nhà) + Nhóm 1,2: <i>Mô tả quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào?</i> + Nhóm 3,4: <i>Sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang (tổ chức bộ máy nhà nước, kinh tế xã hội, ngoại giao)?</i> + Nhóm 5,6: <i>Một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào (tín ngưỡng, tôn giáo, chữ viết, ca múa)?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Sơ đồ các giai đoạn hình thành và phát triển của Vương quốc Lào để HS nắm rõ hơn.	1. Quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Lào - Chủ nhân của nước Lào là người Lào Thương. Đến thế kỉ XIII, một nhóm người nói tiếng Thái di cư đến đất Lào, gọi là người Lào Lùm. - Tổ chức xã hội sơ khai của người Lào là các mừng cổ. - Năm 1353, Pha Ngừm đã tập hợp và thống nhất các mừng Lào, lên ngôi vua, đặt tên nước là Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi). - Vương quốc Lào từng bước phát triển và đạt tới sự thịnh vượng trong các thế kỉ XV - XVII.
 13.1 Sơ đồ các giai đoạn phát triển của Vương quốc Lào	2. Vương quốc Lào thời Lan Xang - Được thành lập từ giữa thế kỉ XIV, Vương quốc Lan Xang bước vào giai đoạn phát triển thịnh vượng ở các thế kỉ XV - XVII. + Bộ máy nhà nước, kinh tế, xã hội, đối



- GV nhấn mạnh : Vương quốc Lào thời Lan Xang có các sản vật như: tê, voi, sáp trắng, vải bông, chiêng đồng, thóc gạo, gà, trâu,...và quốc gia này đã có mối quan hệ trao đổi, giao lưu, buôn bán với nước láng giềng như Đại Việt.

+ Những biểu hiện về tình hình chính trị, kinh tế, ngoại giao thời Lan Xang chứng tỏ đây là thời kì phát triển đỉnh cao của Vương quốc Lào trên tất cả các lĩnh vực.

+ GV giới thiệu cho Hs về điệu múa Lăm vông – một điệu múa truyền thống của cộng đồng dân tộc Lào.

+ GV cho HS xem video về văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Lào.

ngoại: SGK

3. Một số nét tiêu biểu về văn hoá

- Người Lào đã sáng tạo hệ thống chữ viết riêng, được xây dựng trên cơ sở vận dụng các nét chữ cong của Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

- Họ thích ca múa nhạc nên đã sáng tạo ra những điệu múa vui tươi, cởi mở như điệu múa hoa Chăm-pa,...

- Nhiều công trình kiến trúc Phật giáo được xây dựng, tiêu biểu nhất là Thạt Luồng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện: HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, trong quá trình hoạt động có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè.

1. Cư dân sống trên đất Lào là

A. người Lào Thương.

B. người Khơ-me.

C. người Lào Thương và người Lào Lùm.

D. người Lào Lùm.

2. Người thống nhất các mường Lào (1353), đặt tên nước là Lan Xang, mở ra thời kì phát triển thịnh vượng của Vương quốc Lào là

A. Pha Ngừm.

B. Khún Bolom.

C. Giay-a-vác-man II.

D. Giay-a-vác-man VII.

3. Vương quốc Lan Xang phát triển thịnh vượng vào khoảng thời gian thành

A. thế kỉ X – XV.

B. thế kỉ XV – XVI.

C. thế kỉ XV – XVII.

D. thế kỉ XVI – XVIII

4. Ý nào **không** phản ánh đúng tình hình Vương quốc Lan Xang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt?

A. Là quốc gia cường thịnh nhất trong khu vực Đông Nam Á.

B. Đứng đầu vương quốc là vua, dưới vua có một phó vương và 7 và 7 quan đại thần kiêm tổng đốc 7 tỉnh.

C. Cuộc sống của cư dân sung túc, thanh bình.

D. Luôn giữ quan hệ hoà hiếu với các nước láng giềng nhưng cũng cương quyết chống lại sự xâm lược.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện: Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: Bài tập 2/41, Gv kiểm tra phần bài tập của HS ở tiết học sau.

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Xem trước bài 8: Vương quốc Cam-pu-chia.

+ Chuẩn bị nội dung đã phân công vào giấy A0.

+ Nhóm 1,2: *Mô tả quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia?*

+ Nhóm 3,4: *Sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời kì Angko (tổ chức bộ máy nhà nước, kinh tế xã hội, ngoại giao)?*

+ Nhóm 5,6: *Một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia (tín ngưỡng, tôn giáo, chữ viết, ca múa, kiến trúc)?*

- Suru tầm tư liệu về Vương quốc Cam-pu-chia.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 10/10/2023

Ngày dạy: 25/10/2023

TIẾT 15: BÀI 8: VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Về kiến thức

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.

- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.

- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.

- HSK: Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.

2. Về năng lực

- Năng lực chung

+ Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

+ Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Năng lực chuyên biệt

+ Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

+ Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

+ Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.

+ Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Angkor.

+ Bước đầu biết phân tích và hiểu giá trị của những thành tựu văn hóa của vương quốc Cam-pu-chia.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Chăm học, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.
- Nhân ái: Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu đời của các dân tộc ở Đông Nam Á.
- Trách nhiệm: Trân trọng, giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Cam-pu-chia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ Các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á.
- Tranh, ảnh về một số công trình kiến trúc, văn hoá của Cam-pu-chia.

2. Đối với học sinh

- Nội dung bài tập đã được giao ở tiết học trước.
- Suru tâm tư liệu về một số công trình kiến trúc, văn hoá của Cam-pu-chia.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức qua trò chơi mảnh ghép, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép (HS trả lời đúng ghi điểm cho các em)

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

- Mảnh ghép 1: Cư dân sống trên đất Lào là

A. người Lào Thương.

B. người Khơ-me.

C. người Lào Thương và người Lào Lùm.

D. người Lào Lùm.

- Mảnh ghép 2: Người thống nhất các miền Lào (1353), đặt tên nước là Lan Xang, mở ra thời kì phát triển thịnh vượng của Vương quốc Lào là

A. Pha Ngừm.

B. Khún Bolom.

C. Giay-a-vác-man II.

D. Giay-a-vác-man VII.

- Mảnh ghép 3: Vương quốc Lan Xang phát triển thịnh vượng vào khoảng thời gian thành

A. thế kỉ X – XV.

B. thế kỉ XV – XVI.

C. thế kỉ XV – XVII.

D. thế kỉ XVI – XVIII

- Mảnh ghép 4: Ý nào **không** phản ánh đúng tình hình Vương quốc Lan Xang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt?

A. Là quốc gia cường thịnh nhất trong khu vực Đông Nam Á.

B. Đứng đầu vương quốc là vua, dưới vua có một phó vương và 7 và 7 quan đại thần kiêm tổng đốc 7 tỉnh.

C. Cuộc sống của cư dân sung túc, thanh bình.

D. Luôn giữ quan hệ hoà hiếu với các nước láng giềng nhưng cũng cương quyết chống lại sự xâm lược.

* **Nội dung bức tranh:** Đền Bay-on nằm trong quần thể đền Ăng-co Thom.

Bước 4 (đánh giá): Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức

tranh để dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động chung:

1. Quá trình hình thành, phát triển của vương quốc
2. Sự phát triển của vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co
3. Một số nét tiêu biểu về văn hóa

a. Mục tiêu:

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm (đã giao nhiệm vụ chuẩn bị trước ở nhà) + Nhóm 1,2: <i>Mô tả quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia?</i> + Nhóm 3,4: <i>Sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor (chính trị, kinh tế, đối ngoại)?</i> + Nhóm 5,6: <i>Một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia (tín ngưỡng, chữ viết, văn học, kiến trúc...)?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV: giới thiệu về vị trí địa lý của đất nước Cam pu chia trên bản đồ. Nhắc lại sự hình thành nhà nước Phù Nam, Chân Lạp. - GV vẽ trục thời gian thể hiện sự phát triển của vương quốc Cam pu chia.	1. Quá trình hình thành, phát triển của vương quốc. - Năm 802, Vua Giay-a-vác-man II thống nhất lãnh thổ, đổi tên nước là Cam-pu-chia. - Từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV: Thời kì Ăng-co - thời kì phát triển rực rỡ nhất của Vương quốc Cam-pu-chia. - Đến thế kỉ XV Vương quốc Cam-pu-chia suy yếu. 2. Sự phát triển của vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co - Về chính trị - xã hội - Về kinh tế - Đối ngoại SKG/42,43. 3. Một số nét tiêu biểu về văn hóa - Về tín ngưỡng - tôn giáo: Cư dân Kho me có nhiều tín ngưỡng dân gian như: tín ngưỡng phồn thực, tục cầu mưa,... Hin đu giáo và Phật giáo được đề cao và tôn thờ, được thể hiện ở những công trình kiến trúc đều mang dấu ấn Phật giáo. - Chữ viết - văn học: chữ viết của người Khơ-me ngày càng được hoàn chỉnh hơn. - Dòng văn học dân gian và văn học viết với các truyện thần thoại, truyện cười, truyện thơ,... rất phong phú. - Kiến trúc - điêu khắc: Nghệ thuật

TK VI TK IX-XV TK XIII Hình thành vương quốc Thời kỳ Ăng-co (Thịnh vượng) Thời kỳ bắt đầu suy yếu - HSK: Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia. - GV phát vấn: Em có nhận xét gì về sự phát triển của vương quốc Cam pu chia thời kỳ Ăng co? * Nhận xét: Thời kì Ăng-co là thời kì phát triển thịnh đạt nhất của Vương quốc Cam-pu-chia. Dưới thời kì này, Vương quốc Cam-pu-chia trở thành một trong những quốc gia hùng mạnh ở Đông Nam. - GV mở rộng: Cung cấp cho HS kiến thức về đền Bay-on trong quần thể đền Ăng-co Thom: <i>nội dung có trong Sách giáo viên.</i>	kiến trúc, điêu khắc ở Cam-pu-chia thời kì này rất phát triển trên cơ sở chịu ảnh hưởng đậm nét của Phật giáo, tiêu biểu là crnàn thể kiến trúc Ăng co Vát, Ăng-co Thom kì vĩ, độc đáo.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện: HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, trong quá trình thực hiện có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè.

1. Vương quốc Cam-pu-chia được hình thành từ

- A. thế kỉ V. B. thế kỉ VI. C. thế kỉ IX. D. thế kỉ XIII.

2. Thời kì phát triển nhất của Vương quốc Cam-pu-chia là

- A. thời kì kinh đô Cam-pu-chia đóng ở Ăng-co (802 – 1432).

- B. thời kì trị vì của vua Giay-a-vác-man II.

- C. thế kỉ XIII.

- D. từ khi kinh đô chuyển về phía nam Biển Hồ.

3. Ý nào không phản ánh đúng sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co?

- A. Vương triều tăng cường củng cố quyền lực.

B. Nhà vua quan tâm đến đời sống nhân dân, thực hiện nhiều hoạt động công ích như lập cơ sở khám, chữa bệnh; mở đường giao thông...

- C. Nhiều hồ, kênh mương được xây dựng tạo cơ sở cho nông nghiệp phát triển.

D. Người Khơ-me đã giành chiến thắng trước sự tấn công của người Thái vào thế kỉ XV.

4. Các vị vua Cam-pu-chia thời Ăng-co đã tiến hành nhiều cuộc tấn công ra bên ngoài nhưng không bao gồm lãnh thổ nào?

- A. Vùng hạ lưu sông Chao Phray-a (Lào ngày nay).

C. Chăm-pa Kh (Thái Lan ngày nay).

B. Vùng trung lưu sông Mê Công

D. Trung Quốc.

5. Nét nổi bật nhất của văn hoá Lào và văn hoá Cam-pu-chia là

A. đều chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ.

B. đều có hệ thống chữ viết riêng.

C. biết tiếp đặc sáng tạo những thành tựu văn hoá từ bên ngoài, kết hợp truyền thống địa phương để nền văn hoá riêng rất đặc sắc.

D. có nhiều công trình kiến trúc đền, tháp nổi tiếng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: Bài tập 2/43. GV kiểm tra ở tiết sau.

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, xem lại tất cả nội dung kiến thức để ôn tập.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 14 /10 / 2023

Ngày dạy: 27/ 10 / 2023

Tuần 8

TIẾT 16: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Giúp HS biết

- Quá trình hình thành và phát triển của chế độ PK ở Tây Âu

- Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.

- Phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo.

- Tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ thứ VII đến giữa thế kỉ XIX, đặc biệt là sự phát triển thịnh vượng nhất của Trung Quốc dưới thời Đường...cũng như các thành tựu văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ thứ VII đến giữa thế kỉ XIX.

- Các Vương triều Gúp- ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn và cũng như các thành tựu văn hoá Ấn Độ từ thế kỉ thứ IV đến giữa thế kỉ XIX.

- Sự ra đời các vương quốc phong kiến Đông Nam Á và các thành tựu văn hóa tiêu biểu của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI.

- HSKT: Nắm được hai mục tiêu kiến thức trong tổng số các mục tiêu kiến thức trên.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực + Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin có trong các loại tư liệu cấu thành nên bài học.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip so sánh, nhận xét, đánh giá, quan sát tranh ảnh lịch sử, nhận xét nhân vật lịch sử, sử dụng

lược đồ lịch sử. Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin có trong các loại tư liệu cấu thành nên bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tìm hiểu thông tin về quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu và các Vương triều của Ấn Độ
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy những thành tựu của nền văn minh châu Âu, Ấn Độ để lại cho nhân loại.
- Các em trân trọng những thành tựu của phong kiến ở Tây Âu và các Vương triều của Ấn Độ
- Giúp các em có kiến thức cơ bản nhất của lịch sử của phong kiến ở Tây Âu và các Vương triều của Ấn Độ... để làm cơ sở học tập phân lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của Giáo viên:

- Giáo án, sách giáo khoa, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của Học sinh:

- Sách giáo khoa, chuẩn bị bài.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Ôn tập chương 1, chương 3

b. Tổ chức thực hiện

GV giới thiệu bài mới chương 1 của lịch sử 7 đã trình bày những nét biến đổi chính của lịch sử Tây Âu từ thế kỉ thứ V đến nửa đầu thế kỉ XVI. Chương 2 đã trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gúp- ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn và cũng như các thành tựu văn hoá Ấn Độ từ thế kỉ thứ IV đến giữa thế kỉ XIX, Sự ra đời các vương quốc phong kiến Đông Nam Á và các thành tựu văn hóa tiêu biểu của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI Đó chính là nội dung chính của tiết ôn tập hôm nay .

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới: Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI

b. Nội dung:

- Quá trình hình thành của XHPK ở Tây Âu...
- Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới... sự biến đổi lớn nhất của XHPK Tây Âu.
- Những biến đổi về kinh tế - xã hội Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu...
- Các Vương triều Gúp- ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn và cũng như các thành tựu văn hoá Ấn Độ từ thế kỉ thứ IV đến giữa thế kỉ XIX.
- Sự ra đời các vương quốc phong kiến Đông Nam Á và các thành tựu văn hóa tiêu biểu của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI

c. Sản phẩm: tiếp thu chương 1 và 2, 3 của HS

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

A. Nội dung ôn tập

a. GV chia HS làm 6 nhóm thảo luận nội dung:

*** Nhóm 1:**

Câu 1: Hãy cho biết những nét chính về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu?

Câu 2: Sau khi tràn vào lãnh thổ La Mã, người Giéc - Man đã làm gì? Những việc làm đó có tác động như thế nào đến xã hội Tây Âu?

Câu 3: Em hãy cho biết lãnh chúa phong kiến và nông nô được hình thành từ những tầng lớp nào? Mối quan hệ của các giai cấp đó?

*** Nhóm 2:**

Câu 1: Em hiểu thế nào là Lãnh địa phong kiến? trình bày những đặc điểm chính của lãnh địa phong kiến ở Tây Âu?

Câu 2: Em hãy cho biết đặc điểm của nền kinh tế lãnh địa là gì? Nêu nhận xét của em về nền kinh tế đó?

Câu 3: Trình bày mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến? Mối quan hệ đó sẽ dẫn tới hệ quả gì?

*** Nhóm 3:**

Câu 1. Nêu những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới? Theo em, cuộc phát kiến địa lý nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Câu 2: Nêu hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới?

*** Nhóm 4**

- GV yêu cầu HS quan sát câu hỏi thảo luận theo nhóm vào phiếu học tập số 4

Câu 1: Phong trào Văn hoá Phục hưng diễn ra đầu tiên ở đâu? Người được mệnh danh là cha đẻ của phong trào văn hoá phục hưng là ai?

Câu 2: Hãy trình bày một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá phục Hưng

Câu 3: Tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu như thế nào?

*** Nhóm 5:**

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm hoàn thành vào phiếu học tập số 5:

Câu 1: Lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh)?

Câu 2: Trình bày những biểu hiện chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường về chính trị, kinh tế?

Câu 3: Những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX?

*** Nhóm 6:**

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm hoàn thành vào phiếu học tập số 6:

Câu 1: Trình bày khái quát sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế xã hội của Ấn Độ thời Vương triều Gupta, Hồi Giáo Đê-li, Môn Gô?

Câu 2: Thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV gọi đại diện nhóm trả lời, HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

* GV phát vấn: Nêu sự ra đời các vương quốc phong kiến Đông Nam Á và các thành tựu văn hóa tiêu biểu của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động ôn tập chương 1 và 2

b.Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c.Sản phẩm: đáp án câu trả lời của học sinh

d.Tổ chức thực hiện:

GV sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Năm 476, đế quốc La Mã bị diệt vong đã đánh dấu

A. Chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã chấm dứt, chế độ phong kiến ở Tây Âu bắt đầu.

B. Chế độ phong kiến chấm dứt, thời kì tư bản chủ nghĩa bắt đầu ở Tây Âu.

C. Chế độ dân chủ cổ đại chấm dứt, chế độ phong kiến bắt đầu ở Tây Âu.

D. Thời kì đấu tranh của nô lệ chống chế độ chiếm hữu nô lệ bắt đầu ở Tây Âu.

Câu 2: Ở Tây Âu thời trung đại, lãnh chúa phong kiến được hình thành từ những lực lượng nào?

A. Quý tộc người Rô-ma.

B. Nô lệ được giải phóng.

C. Quý tộc quân sự và tăng lữ.

D. Nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

Câu 3: Ý nào sau đây không đúng khi nói về lãnh địa phong kiến?

A. Lãnh địa là trung tâm giao lưu buôn bán thời phong kiến.

B. Lãnh địa là vùng đất thuộc quyền sở hữu của các lãnh chúa phong kiến.

C. Lãnh địa là đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền ở châu Âu.

D. Nông nô là lao động chủ yếu trong các lãnh địa.

Câu 4: Nguyên nhân hình thành các thành thị trung đại ở châu Âu?

A. Sản xuất bị đình trệ.

B. Các lãnh chúa cho xây dựng các thành thị trung đại.

C. Sự ngăn cản giao lưu buôn bán của các lãnh địa.

D. Nghề thủ công phát triển nảy sinh nhu cầu trao đổi buôn bán.

Câu 5: Đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong xã hội phong kiến phân quyền ở Tây Âu là

A. Thành thị trung đại.

B. Lãnh địa phong kiến.

C. Pháo đài quân sự.

D. Nhà thờ giáo hội.

Câu 6: Đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến ở Tây Âu cho đến thế kỉ IX là

- A. Trang trại. **B. Lãnh địa.** C. Phường hội. D. Thành thị.

Câu 7: Ý nào sau đây không đúng khi nói về lãnh địa phong kiến?

A. Trong lãnh địa, hoạt động trao đổi, buôn bán diễn ra tấp nập.

- B. Là vùng đất thuộc quyền sở hữu của các lãnh chúa phong kiến.
C. Trong lãnh địa, kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo.
D. Nông nô là lực lượng lao động chủ yếu trong các lãnh địa.

Câu 8: Đặc điểm nổi bật về kinh tế của lãnh địa phong kiến Tây Âu là gì?

A. Mỗi lãnh địa là một cơ sở kinh tế đóng kín, tự cấp tự túc.

- B. Mỗi lãnh địa có quân đội, luật pháp, toà án riêng,...
C. Trong lãnh địa có sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp.
D. Thường xuyên có sự trao đổi hàng hoá với bên ngoài lãnh địa.

Câu 9: Các cuộc phát kiến địa lí vào thế kỉ XV được thực hiện bằng con đường nào?

- A. Đường bộ. **B. Đường biển.** C. Đường hàng không. D. Đường sông.

Câu 10: Người đầu tiên thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới bằng đường biển là

- A. B. Đi-a-xơ. B. C. Cô-lôm-bô. C. V. Ga-ma. **D. Ph. Ma-gien-lăng.**

Câu 11: Các cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu?

- A. Tầng lữ, quý tộc. B. Nông dân, quý tộc.
C. Thương nhân, quý tộc. D. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc

Câu 12: Các cuộc phát kiến địa lí đã đem lại sự giàu có cho những tầng lớp nào ở châu Âu?

- A. Quý tộc và công nhân làm thuê. B. Tướng lĩnh quân sự và quý tộc.
C. Công nhân giàu có và nhà tư bản. **D. Quý tộc và thương nhân.**

Câu 13: Người đầu tiên phát hiện ra châu Mỹ là

- A. B. Đi-a-xơ. **B. C. Cô-lôm-bô.** C. V. Ga-ma. D. Ph. Ma-gien-lăng.

Câu 14: Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở châu Âu được hình thành với những giai cấp cơ bản nào?

- A. Lãnh chúa và nông nô B. Địa chủ và nông dân tá điền
C. Tư sản và vô sản D. Quý tộc và công nhân

Câu 15: Cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến là

- A. Cách mạng tri thức sau phát kiến địa lí.
B. Phong trào Văn hoá Phục hưng ở Tây Âu.

- C. Các cuộc chiến tranh nông dân ở Tây Âu.
D. Trào lưu “Triết học Ánh sáng” của Pháp.

Câu 16: Trong các thế kỉ XIV - XVII, giai cấp tư sản đang lên ở châu Âu đã chống lại giáo lí của tôn giáo nào?

- A. Hồi giáo. **B. Thiên Chúa giáo.** C. Phật giáo. D. Ấn Độ giáo.

Câu 17: “Quê hương” của phong trào Văn hoá Phục hưng là

- A. Pháp. B. Anh. **C. I-ta-li-a.** D. Đức.

Câu 18: Phong trào Văn hóa Phục hưng được khởi nguồn từ quốc gia nào?

- A. Đức. B. Thụy Sĩ. **C. Italia.** D. Pháp.

Câu 19: Ý nghĩa của phong trào Văn hoá Phục hưng là

- A. Đề cao độc lập, chủ quyền và tự do của các dân tộc.
- B. Đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân.**
- C. Đề cao giáo lí của Giáo hội nhà thờ Thiên Chúa giáo.
- D. Đề cao giá trị văn hoá Tây Âu thời sơ kì trung đại.

Câu 20: Một trong những danh họa nổi tiếng thời Phục hưng là

- A. Sếch-xpia. B. Ga-li-lê. C. Xéc-van-téc. **D. Lê-ô-na đơ Vanh-xi.**

Câu 21: Trung Quốc trở thành quốc gia phong kiến cường thịnh nhất châu Á dưới triều đại

- A. Nhà Hán. **B. Nhà Đường.** C. Nhà Nguyên. D. Nhà Thanh.

Câu 22: Dưới thời Đường, tình hình nông nghiệp của Trung Quốc như thế nào?

- A. Phát triển mạnh mẽ.**
- B. Sa sút, thường xuyên mất mùa.
- C. Không có gì thay đổi so với trước đó.
- D. Kém phát triển, nạn đói xảy ra thường xuyên.

Câu 23: Chính sách lấy ruộng đất công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân dưới thời Đường, được gọi là chế độ

- A. Công điền. B. Tịch điền. **C. Quân điền.** D. Doanh điền.

Câu 24: Biểu hiện khẳng định những mầm mống của kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện ở Trung Quốc thời Minh - Thanh là

- A. Nhiều xưởng thủ công có quy mô lớn đã đạt tới trình độ chuyên môn hoá trong sản xuất và thuê nhiều nhân công.**
- B. Xuất hiện người thuê nhân công, người thợ làm thuê lấy tiền công.
- C. Ngoại thương phát triển, có quan hệ buôn bán với nhiều nước.
- D. Hoạt động buôn bán trong nước phát triển.

Câu 25: Hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc là

- A. Phật giáo. **B. Nho giáo.** C. Thiên Chúa giáo. D. Hồi giáo.

Câu 26: Phật giáo được thịnh hành nhất dưới thời

- A. Đường.** B. Tống. C. Minh. D. Thanh.

Câu 27: Nhận xét nào dưới đây đúng với sự phát triển của Trung Quốc dưới thời kì cai trị của nhà Đường?

- A. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- B. Trung Quốc đối mặt với nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.
- C. Bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương.**
- D. Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện và phát triển.

Câu 28: Nghề luyện kim thời Vương triều Gúp-ta đã phát triển đến trình độ cao thông qua biểu hiện nào?

- A. Đúc được tượng Phật bằng sắt cao tới 2m và không gỉ.
- B. Chế tạo kim hoàn và các tác phẩm nghệ thuật khắc trên ngà voi.
- C. Dệt được những tấm vải mềm và nhẹ, nhiều màu sắc và không phai.
- D. Đúc được cột sắt không gỉ và những bức tượng Phật bằng đồng cao tới 2m.**

Câu 29: Sau thời kì phân tán (thế kỉ III TCN - thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất dưới thời Vương triều

- A. Gúp-ta.** B. Đê-li. C. Mô-gôn. D. Hác-sa.

Câu 30: Các công trình kiến trúc như: Đền, chùa, lâu đài, tháp, lăng... ở Ấn Độ đều chịu ảnh hưởng của

- A. Tôn giáo. B. Văn học.
C. Văn hóa Trung Quốc. D. Văn hóa phương Tây.

Câu 31: Vương triều Gúp-ta được gọi là thời kì hoàng kim của Ấn Độ vì

- A. Kinh tế có những tiến bộ vượt bậc; đời sống của người dân ổn định, sung túc.
B. Xã hội ổn định, đạo Phật tiếp tục phát triển mạnh.
C. Nhiều công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo được xây dựng.
D. Hoạt động thương mại trong nước được đẩy mạnh và Ấn Độ có quan hệ buôn bán với nhiều nước.

Câu 32: Điểm chung nổi bật về sự thành lập của hai Vương triều Đê-li và Mô-gôn đó

- A. Đều do người Hồi giáo lập nên.
B. Đều do người Thổ Nhĩ Kỳ thống trị.
C. Đều do người Mông Cổ thống trị.
D. Đều do các vương triều của người nước ngoài và theo Hồi giáo lập nên.

Câu 33: Đặc điểm nổi bật về kiến trúc Ấn Độ là

- A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo là Hin-đú giáo, Phật giáo và Hồi giáo.
B. Tiếp thu những nét tiêu biểu của kiến trúc phương Tây.
C. Các công trình kiến trúc được xây dựng chủ yếu bằng gạch.
D. Tất cả các đặc điểm trên.

Câu 34: Trong lịch sử trung đại Ấn Độ, vương triều nào được coi là giai đoạn thống nhất, phục hưng và phát triển?

- A. Vương triều Gúp-ta. B. Vương triều Hồi giáo Đê-li.
C. Vương triều Mô-gôn. D. Vương triều Hác-sa

Câu 35: Ý nào không đúng về chữ Phạn của Ấn Độ?

- A. Là ngôn ngữ - văn tự để sáng tác văn học, thơ ca.
B. Là nguồn gốc của ngôn ngữ và chữ viết Hin-đú thông dụng hiện nay ở Ấn Độ.
C. Trở thành ngôn ngữ - văn tự sáng tạo các bộ kinh “khổng lồ” của Ấn Độ.
D. Trở thành chữ viết của các quốc gia Đông Nam Á.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã được ôn tập để làm 1 số bài tập mở rộng .

*Đối với tiết học này: các em về nhà ôn tập toàn bộ nội dung bài học.

*Đối với tiết học tiếp theo: Chuẩn bị kiểm tra giữa kì 1.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ : 6.5 ĐIỂM

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu	2		1*		6.6%
		2. Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu	1	1*	1*	1*	3.3%
		3. Phong trào văn hoá Phục hưng và cải cách tôn giáo	1	1			23,3%
2	TRUNG QUỐC VÀ ÁN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI	1. Trung Quốc từ TK VII đến giữa TK XIX	2		½*	½*	6.6%
		2. Ấn Độ từ TK IV đến giữa TK XIX	1		½ a	½ b	18.3%

3	ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	2	1*			6.6%
Tổng câu			9 HSKT: 5 câu TN (Đạt)	1	1/2	1/2	11
Tổng điểm			3	2	1	0.5	6.5
Tỉ lệ %			30%	20%	10%	5%	65%

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ : 3.5 ĐIỂM

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC				TỔNG		% TỔNG ĐIỂM
			NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG THẤP	VẬN DỤNG CAO	SỐ CÂU HỎI		
							TNKQ	TL	
1	Châu Âu	- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên – Đặc điểm dân cư, xã hội – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	1 TN 2 TN 2TN* * HSKT: ĐẠT 3 TN	1TL	-1TL (a)	- 1TL (b)	1TN 2TN*	1TL, 1TL (a,b)	35%

<i>Tỉ lệ</i>			<i>10%</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>	<i>5%</i>	<i>20%</i>	<i>15%</i>	<i>35%</i>
<i>Tổng hợp chung</i>			<i>40%</i>	<i>30%</i>	<i>20%</i>	<i>10%</i>			<i>100%</i>

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023- 2024
MÔN: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 7

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu 2. Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu 3. Phong trào văn hoá Phục hưng và cải cách tôn giáo	Nhận biết: – Kê lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng. – Nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo Thông hiểu: – Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. – Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo – Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. – Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. – Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.	4	1*		

		– Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo – Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. – Xác định được những biên giới chính trong		1		
--	--	---	--	---	--	--

			xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu Vận dụng: – Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. – Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới – Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu Vận dụng cao: -Liên hệ được tác động của các cuộc phát kiến địa lí đến ngày nay.				1*
2	TRUNG QUỐC VÀ ÁN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI	1. Trung Quốc từ TK VII đến giữa TK XIX 2. Ấn Độ từ TK IV đến giữa TK XIX	Nhận biết: – Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường – Nêu được thời gian Ấn Độ bị thực dân xâm lược. – Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul. Thông hiểu: – Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh - Thanh – Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ	3		1*	

			VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) - Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.		1		
--	--	--	---	--	---	--	--

		Vận dụng: – Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). - Những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) - Những thành tựu chủ yếu của văn hoá Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) Vận dụng cao: - Liên hệ được 1 số thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) có ảnh hưởng đến hiện nay. - Liên hệ được 1 số thành tựu chủ yếu của văn hóa Ấn Độ từ thế kỉ VI đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) có ảnh hưởng đến hiện nay.				1* 1	1* 1
--	--	--	--	--	--	----------------------------------	----------------------------------

3	ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI 2. Vương quốc Campuchia 3. Vương quốc Lào	Nhận biết: – Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. Thông hiểu: – Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.	2			
---	--	--	---	---	--	--	--

		– Đặc điểm dân cư, xã hội – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	– Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu: phân hóa bắc nam; các khu vực ven biển với bên trong lục địa. Nhận biết: Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. Vận dụng – Vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu Vận dụng cao – Liên hệ bản thân trong việc bảo vệ môi trường.			1TL (a)	1TL(b)
Tổng hợp chung: Số câu Điểm				12 TN 4	2 TL 3	1 TL 2	1TL 1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1: Lĩnh vực nào đạt thành tựu rực rỡ nhất trong phong trào Văn hoá Phục hưng?

- A. Văn học, Triết học. B. Khoa học, Kỹ thuật.
C. Nghệ thuật, Toán học. D. Văn học, Nghệ thuật.

Câu 2: Các cuộc phát kiến địa lí đã để lại hệ quả tiêu cực nào cho loài người?

- A. Mở ra con đường mới.
B. Thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.
C. Thúc đẩy nền sản xuất và thương nghiệp ở châu Âu phát triển.
D. Làm nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen, cướp bóc thuộc địa.

Câu 3: Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến châu Âu là

- A. lãnh chúa phong kiến và nông nô. B. tư sản và vô sản.
C. chủ nô và nô lệ. D. địa chủ và nông dân.

Câu 4: Thời Đường loại hình văn học phát triển nhất là

- A. ca múa. B. tiểu thuyết. C. thơ. D. kịch nói.

Câu 5: Sau khi thôn tính miền Bắc Ấn Độ, người Thổ Nhĩ Kỳ đã lập ra vương triều nào?

- A. Gúp - ta. B. Hồi giáo Đê - li.
C. Mô - gôn. D. Hác - sa.

Câu 6: Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, Trung Quốc phát triển thịnh vượng nhất dưới triều đại nào?

- A. Tống. B. Đường. C. Minh. D. Thanh.

Câu 7: Chữ Nôm của người Việt được cải tiến từ loại chữ nào?

- A. Chữ Phạn - Ấn Độ. B. Chữ Bami - Ấn Độ.
C. Chữ Hán - Trung Quốc D. Chữ Chăm cổ

Câu 8: Đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến ở Tây Âu cho đến thế kỉ IX là

- A. trang trại. B. lãnh địa. C. phường hội. D. thành thị.

Câu 9: Từ sau thế kỉ X đến thế kỉ XIII, các vương quốc Đông Nam Á phát triển mạnh mẽ dựa trên cơ sở nào?

- A. Quá trình xâm lược của quân Mông - Nguyên.
B. Tác động của quá trình giao lưu với văn hóa Trung Quốc.
C. Sự di dân của tộc người Thái xuống khu vực Đông Nam Á.
D. Các vương quốc phong kiến đã hình thành ở giai đoạn trước.

Câu 10. Châu Âu tiếp giáp với các biển, đại dương nào?

- A. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Địa Trung Hải.
B. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.
C. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.
D. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.

Câu 11. Cơ cấu dân cư ở châu Âu là:

- A. tỉ lệ người dưới 15 tuổi và người từ 65 tuổi trở lên đều cao.
- B. tỉ lệ người dưới 15 tuổi và người từ 65 tuổi trở lên đều thấp.
- C. tỉ lệ người dưới 15 tuổi thấp, tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên cao.
- D. tỉ lệ người dưới 15 tuổi cao và tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên thấp.

Câu 12. Đô thị hóa ở châu Âu không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tỉ lệ dân thành thị thấp.
- B. Dân thành thị ngày càng tăng.
- C. Đô thị hóa nông thôn ngày càng phát triển.
- D. Các thành phố nối tiếp nhau thành dải đô thị.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Nêu tác động của phong trào cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu?

Câu 2: (1,5 điểm)

a. Trình bày những thành tựu về tôn giáo, kiến trúc – điêu khắc của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX?

b. Hãy lựa chọn một thành tựu văn hóa Ấn Độ từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX có ảnh hưởng đến Việt Nam trong giai đoạn này?

Câu 3: (1,0 điểm) Trình bày đặc điểm khí hậu ôn đới hải dương của Châu Âu?

Câu 4: (1,5 điểm)

a. Em hãy nêu nguyên nhân, giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí ở Châu Âu?

b. Em hãy đề xuất những giải pháp để bảo vệ môi trường không khí nơi em đang sinh sống?

.....**HẾT**.....

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1: Đất nước nào là quê hương của phong trào Văn hóa Phục hưng?

- A. I - ta - li - a. B. Pháp. C. Anh. D. Mĩ.

Câu 2: Ở Trung Quốc, tôn giáo nào trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước thời phong kiến?

- A. Nho giáo. B. Đạo giáo. C. Phật giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 3: Cư dân sống trong các thành thị trung đại Tây Âu chủ yếu là

- A. thợ thủ công, thương nhân. B. thợ thủ công, nông dân.
C. lãnh chúa, quý tộc. D. lãnh chúa, thợ thủ công.

Câu 4: Người đầu tiên phát hiện ra Châu Mĩ là

- A. B. Đì-a-xơ. B. V. Ga-ma. C. C. Cô-lôm-bô. D. Ph. Ma-gien-lăng.

Câu 5: Từ sau thế kỉ X đến thế kỉ XIII, các vương quốc Đông Nam Á phát triển mạnh mẽ dựa trên cơ sở nào?

- A. Quá trình xâm lược của quân Mông - Nguyên.
B. Tác động của quá trình giao lưu với văn hóa Trung Quốc.
C. Sự di dân của tộc người Thái xuống khu vực Đông Nam Á.
D. Các vương quốc phong kiến đã hình thành ở giai đoạn trước.

Câu 6: Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, Trung Quốc phát triển thịnh vượng nhất dưới triều đại nào?

- A. Tống. B. Đường. C. Minh. D. Thanh.

Câu 7: Thế kỉ XIII, các tôn giáo được truyền bá và phổ biến ở các vương quốc phong kiến Đông Nam Á là

- A. Phật giáo tiểu thừa, Hồi giáo. B. Đạo giáo, Phật giáo.
C. Đạo giáo, Hồi giáo. D. Phật giáo, Ki-tô giáo.

Câu 8: Giai cấp giữ vai trò sản xuất chính trong lãnh địa phong kiến ở Tây Âu là

- A. nông nô. B. nông dân. C. nông dân tự canh D. nô lệ.

Câu 9: Sau khi thôn tính miền Bắc Ấn Độ, người Hồi giáo tự nhận là dòng dõi Mông Cổ ở Ấn Độ đã lập ra vương triều nào?

- A. Gúp - ta. B. Hồi giáo Đê - li.
C. Mô - gôn. D. Hác - sa.

Câu 10: Châu Âu tiếp giáp với Châu Á qua dãy núi

- A. Cát pát B. An-pơ C. Apalat D. U-Ran

Câu 11: Ý nào không phải là đặc điểm cơ cấu dân cư châu Âu?

- A. Cơ cấu dân số già. B. Cơ cấu dân số trẻ.
C. Trình độ học vấn cao. D. Tỷ lệ nữ nhiều hơn nam.

Câu 12: Đô thị hóa ở châu Âu có đặc điểm nào sau đây?

- A. Trình độ đô thị hoá thấp. B. Dân thành thị ngày càng giảm.
C. Tốc độ đô thị hóa chậm. D. Tỷ lệ dân thành thị cao

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Nêu hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí?

Câu 2: (1,5 điểm)

a. Trình bày những thành tựu về tư tưởng – tôn giáo, kiến trúc – điêu khắc của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX?

b. Hãy lựa chọn một thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX có ảnh hưởng đến Việt Nam trong giai đoạn này?

Câu 3: (1,0 điểm) Trình bày đặc điểm khí hậu ôn đới lục địa của Châu Âu?

Câu 4. (1,5 điểm):

a. Em hãy nêu nguyên nhân, giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường nước ở Châu Âu?

b. Em hãy đề xuất những giải pháp để bảo vệ môi trường nước nơi em đang sinh sống?

.....**HẾT**.....

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 7

ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) (Mỗi câu đúng được 0.33 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/A	D	D	A	C	B	B	C	B	D	B	C	A

***HSKT: Đạt 8/12 câu TN**

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1. (2 điểm)	- Phong trào cải cách tôn giáo xuất hiện do những nguyên nhân sau: + Thiên Chúa giáo là chỗ dựa vững chắc nhất của chế độ phong kiến, chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội châu Âu.	0,75
	+ Đến đầu thế kỉ XVI, Giáo hội Thiên Chúa giáo ngày càng có xu hướng cản trở sự phát triển văn hóa-khoa học và cản trở sự phát triển của giai cấp tư sản.	0,75
	=> Vì vậy, giai cấp tư sản đòi thay đổi và cải cách tổ chức, giáo lí của Giáo hội Thiên Chúa giáo.	0,5
Câu 2. (1,5 điểm)	Những thành tựu chủ yếu của văn hoá Ấn Độ từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX	
	- Tôn giáo: + Đạo Bà La Môn dần dần trở thành Hindu giáo. + Phật giáo có sự phân hoá thành hai giáo phái. + Hồi giáo cũng phát triển.	0,25 0,25 0,25
	- Kiến trúc - điêu khắc: + Kiến trúc Ấn Độ chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo lớn: Hồi giáo, Phật giáo và Hindu giáo....nhiều công trình kiến trúc tiêu biểu...	0,25
Câu 3 (1 điểm)	Hãy lựa chọn một thành tựu văn hóa Ấn Độ từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX có ảnh hưởng đến Việt Nam trong giai đoạn này? HS liên hệ lấy 1 ví dụ ở một số lĩnh vực: (tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc,...) HS chỉ cần nêu một lĩnh vực	0,5
	Khí hậu ôn đới hải dương: - Ôn hoà, mùa đông ấm, mùa hạ mát - Mưa quanh năm, lượng mưa khoảng 800 - 1000 mm/năm trở lên	0,5 0,5
Câu 4 (1,5 điểm)	* Ô nhiễm không khí: - Nguyên nhân ô nhiễm: hoạt động sản xuất công	0,25

Câu 2. (1,5 điểm)	Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX - Tư tưởng - tôn giáo: + Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống. + Phật giáo tiếp tục phát triển. + Vua cho xây dựng nhiều chùa, đúc tượng, in kinh... - Kiến trúc - điêu khắc: + Nhiều công trình tiêu biểu: Cố cung, Viên Minh Viên, Tử Cấm Thành... Nhiều bức họa đạt đỉnh cao.	0,25 0,25 0,25 0,25
	Ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX đến Việt Nam? HS liên hệ lấy 1 ví dụ ở một số lĩnh vực: (tôn giáo, kiến trúc,...) <i>HS chỉ cần nêu một lĩnh vực.</i>	0,5
Câu 3 (1 điểm)	Khí hậu ôn đới lục địa: - Mùa đông khô và lạnh, mùa hạ nóng và ẩm. - Lượng mưa nhỏ, mưa chủ yếu vào mùa hạ, lượng mưa trung bình năm trên dưới 500 mm.	0,5 0,5
Câu 2 (1,5 điểm)	* Ô nhiễm nước: - Nguyên nhân ô nhiễm: Chất thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt. - Giải pháp: + Tăng cường kiểm tra đầu ra nguồn rác thải, hóa chất độc hại từ nông nghiệp. + Đảm bảo xử lí rác thải, nước thải từ sinh hoạt, công nghiệp trước khi thải ra môi trường. + Kiểm soát, xử lí các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động kinh tế biển. + Nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường nước, ... * Một số giải pháp hạn chế ô nhiễm nước nơi em đang sinh sống: Không xả rác bừa bãi, xử lí nước thải của nhà máy trước khi thải ra môi trường.... <i>(HS có thể trả lời câu khác nhưng đúng nội dung yêu cầu)</i>	0,25 0,75 0,5

.....**HẾT**.....

Ngày soạn: 18/10/2023

Ngày kiểm tra: 04/11/2023

TIẾT 17 – TUẦN 9: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

I. Mục tiêu

- Đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 3 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng các kiến thức:
 - + Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu.
 - + Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất TBCN ở Tây Âu.
 - + Phong trào văn hóa phục hưng và cải cách tôn giáo.
 - + Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.
 - + Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.
 - + Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

II. Hình thức kiểm tra:

*** Phần Lịch sử:**

- Trắc nghiệm + Tự luận: 9 câu TN (3 điểm) + 3 câu tự luận (3,5 điểm).

III. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

- Có file PDF riêng bao gồm ma trận+ bảng đặc tả + đề + hướng dẫn chấm.

Ngày soạn: 17/10/2023

Ngày dạy: 01/11/2023

TUẦN 10 TIẾT 18: BÀI 9: ĐẤT NƯỚC BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP (939-987)

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Về kiến thức

- Nêu được những nét chính về thời Ngô.
- Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.
- **HSKT: Biết được một trong các việc làm của Ngô Quyền sau khi giành được độc lập. Biết được Đinh Bộ Lĩnh là người dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất đất nước.**

2. Về năng lực

- Năng lực chung

+ Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

+ Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Năng lực chuyên biệt

+ Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

+ Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Giáo dục ý thức độc lập tự chủ của dân tộc, thống nhất đất nước của mọi người dân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ 12 sứ quân.
- Một số tranh, ảnh (như đền thờ của Vua Đinh, Vua Lê,...).

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tư liệu về một số tranh, ảnh (như đền thờ của Vua Đinh, Vua Lê,...).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- GV giới thiệu sơ lược nội dung chương 4.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua trò chơi mảnh ghép, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV cho HS nghe đoạn nhạc trong bài hát: *Ngô Quyền*

<https://www.youtube.com/watch?v=uIjeVNoFkqE>

và yêu cầu HS cho biết đoạn nhạc trên đang nhắc đến nhân vật nào? Em biết gì về công lao của nhân vật đó?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả.

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 1. Ngô Quyền dựng nền độc lập.

a. Mục tiêu: Nêu được những nét chính về thời Ngô.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhắc lại ý nghĩa chiến thắng Bạch Đằng 938. - Phát vấn: <i>Sau khi đánh bại quân Nam Hán, Ngô Quyền đã làm gì?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng: trình bày cho HS sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Ngô: Sơ đồ bộ máy nhà nước thời Ngô <pre> graph TD Vua[Vua] --> QuanVan[Quan văn] Vua --> QuanVo[Quan võ] QuanVan --- TrungUong QuanVo --- TrungUong QuanVan --- Thuso[Thư sử các Châu (Châu Hoan, Châu Phong,...)] QuanVo --- Thuso </pre> + GV phát vấn: <i>Tiết độ sứ là chức quan gì? Trong lịch sử, những nhân vật nào đã từng xưng là Tiết độ sứ?</i> + <i>Quyết định bỏ chức Tiết độ sứ, thiết lập chính quyền độc lập của Ngô Quyền có ý nghĩa gì?</i> GV nhấn mạnh : tuy là tổ chức còn đơn giản, sơ khai nhưng đã thể hiện được ý thức độc lập, tự chủ giúp đất nước yên bình và đặt nền móng cho một quốc gia độc lập, thống nhất.	1. Ngô Quyền dựng nền độc lập. - Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, bỏ chức Tiết độ sứ, đóng đô ở Cổ Loa. - Tổ chức bộ máy nhà nước: + Vua đứng đầu triều đình, quyết định mọi công việc chính trị, ngoại giao, quân sự. + Đặt ra các chức quan văn võ. + Ở địa phương, vua giao các tướng lĩnh trấn giữ các châu quan trọng. - Đất nước được yên bình, văn hoá dân tộc được khôi phục.

Hoạt động 2: 2. Công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh

a. Mục tiêu: Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phát vấn: <i>Tình hình nước ta sau khi Ngô Quyền mất như thế nào?</i>	2. Công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự

- Yêu cầu HS theo dõi Hình 1 sgk và các nhóm hoàn thành phiếu học tập:

STT	Tên các sứ quân	Địa điểm đóng quân

- **Thảo luận cặp đôi:** Trình bày công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và thành lập nhà Đinh?

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt: Tình hình nước ta sau khi Ngô Quyền mất rơi vào rối ren, nhà Tống đang có mưu đồ xâm lược nước ta, tình hình đó đã đặt nước ta trước nguy cơ ngoại xâm mới, đòi hỏi tầng lớp thống trị trong nước phải nhanh chóng thống nhất lực lượng, và đó cũng là nguyện vọng của nhân dân. Bằng các biện pháp vừa mềm dẻo vừa cứng rắn, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp yên các sứ quân, chấm dứt tình trạng cát cứ, thống nhất đất nước và sau đó lập ra nhà Đinh.

thành lập nhà Đinh

- Năm 944, Ngô Quyền mất chính quyền nhà Ngô suy yếu. Đất nước rơi vào tình trạng loạn 12 sứ quân

- Với tài năng của mình, lại được nhân dân ủng hộ Đinh Bộ Lĩnh đã chấm dứt được các cát cứ, thống nhất đất nước và sau đó lập ra nhà Đinh.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Ý nào không phản ánh đúng việc làm của Ngô Quyền để khôi phục nền độc lập dân tộc?

A. Bỏ chức tiết độ sứ của phong kiến phương Bắc.

B. Xung vương.

C. Đóng đô ở Cổ Loa.

D. Đặt tên nước.

2. Những việc làm của Ngô Quyền đã thể hiện điều gì?

A. Tư tưởng cát cứ.

B. Tinh thần độc lập, tự chủ.

C. Sự thần phục đối với nhà Nam Hán.

D. Sự phục hưng mạnh mẽ của dân tộc.

3. Những việc làm của Ngô Quyền có ý nghĩa như thế nào đối với đất nước?

A. Đánh dấu quá trình dựng nước bắt đầu.

B. Nền độc lập dân tộc được khẳng định.

C. Tạo ra nền tảng cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

D. Nền độc lập dân tộc được khẳng định và tạo ra nền tảng căn bản cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

4. Sau khi Ngô Quyền mất, đất nước rơi vào tình trạng cát cứ của 12 sứ quân vì

A. sự xúi giục và hỗ trợ của nhà Nam Hán.

B. chính quyền trung ương nhà Ngô suy yếu.

C. đời sống khổ cực nên nhân dân các nơi đã nổi dậy đấu tranh.

D. các quan lại ngoại thích lộng quyền

5. Để dẹp yên các sứ quân, chấm dứt tình trạng cát cứ, Đinh Bộ Lĩnh đã áp dụng biện pháp nào?

A. Biện pháp vừa mềm dẻo vừa cứng rắn.

B. Biện pháp cứng rắn.

C. Biện pháp thuyết phục.

D. Biện pháp mềm dẻo.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: *Có ý kiến cho rằng, Ngô Quyền quyết định đóng đô ở Cổ Loa là để tiếp nối truyền thống cha ông. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?*

- GV kiểm tra ở tiết sau.

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.

- Xem trước bài 10 Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968-1009) và soạn các câu hỏi trong bài vào vở soạn.

- Suu tầm tư liệu về Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968-1009).

-----**HẾT**-----

Ngày soạn: 23/10/2023

Ngày dạy: 8, 13 / 11 / 2023

TUẦN 10, 11 TIẾT 19, 20: BÀI 10: ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐÌNH VÀ TIỀN LÊ (968-1009)

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.

- Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.

- Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.

- **HSKT: Biết được Lê Hoàn là người có công đánh bại quân Tống, lập nên nhà Tiền Lê.**

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.

+ Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

3. Phẩm chất

- Giáo dục ý thức độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh về đền thờ Vua Đinh, Vua Lê tại Ninh Bình.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế

cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới thông qua trò chơi “Mảnh ghép”.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo.

- *Mảnh ghép 1:* Những việc làm của Ngô Quyền sau khi giành độc lập đã thể hiện điều gì?

A. Tư tưởng cát cứ.

B. Tinh thần độc lập, tự chủ.

C. Sự thần phục đối với nhà Nam Hán.

D. Sự phục hưng mạnh mẽ của dân tộc.

- *Mảnh ghép 2:* Những việc làm của Ngô Quyền có ý nghĩa như thế nào đối với đất nước?

A. Đánh dấu quá trình dựng nước bắt đầu.

B. Nền độc lập dân tộc được khẳng định.

C. Tạo ra nền tảng cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

D. Nền độc lập dân tộc được khẳng định và tạo ra nền tảng căn bản cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

- *Mảnh ghép 3:* Sau khi Ngô Quyền mất, đất nước rơi vào tình trạng cát cứ của 12 sứ quân vì

A. sự xúi giục và hỗ trợ của nhà Nam Hán.

B. chính quyền trung ương nhà Ngô suy yếu.

C. đời sống khổ cực nên nhân dân các nơi đã nổi dậy đấu tranh.

D. các quan lại ngoại thích lộng quyền

- *Mảnh ghép 4:* Để dẹp yên các sứ quân, chấm dứt tình trạng cát cứ, Đinh Bộ Lĩnh đã áp dụng biện pháp nào?

A. Biện pháp vừa mềm dẻo vừa cứng rắn.

B. Biện pháp cứng rắn.

C. Biện pháp thuyết phục.

D. Biện pháp mềm dẻo.

* GV giới thiệu về *Cột kinh Phật thời Đinh nằm trong khuôn viên Di tích cấp quốc gia chùa Nhất Trụ (Hoa Lư, Ninh Bình ngày nay)*: Chùa Nhất Trụ là ngôi chùa cổ có từ thế kỉ X, lưu giữ nhiều cổ vật gắn với lịch sử hình thành kinh đô Hoa Lư. Vua Lê Đại Hành đã cho dựng cột kinh (trụ đá) để khắc kinh dâng nhà Phật và xây dựng theo kiểu chữ Đinh, hướng chính tây, gồm có cột kinh, chính điện, nhà tổ, phòng khách, nhà ăn, tháp,... Chùa có tên Nhất Trụ vì trước chùa có cột đá cao hơn 3 m, tiết diện hình bát giác. Trên thân cột ngoài ba phần chữ khắc gồm có Lạc khoản, Kệ, Kinh còn có các chữ “Đệ tử Thăng Bình Hoàng đế tả đạo” (“Hoàng đế Thăng Bình” tức vua Lê Hoàn).

Bước 4: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

- Ở tiết 2:

+ Tổ chức thực hiện: GV yêu cầu HS xem một đoạn video về phim hoạt hình: Vua Lê Đại Hành và kháng chiến chống Tống - Năm 981:

<https://www.youtube.com/watch?v=MMCMrYdzGlo>. Và trả lời câu hỏi: Cuộc kháng chiến nào đang được nhắc tới trong đoạn phim hoạt trên? Ai là người lãnh đạo nhân dân ta chống giặc?

+ HS xem video và trả lời, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

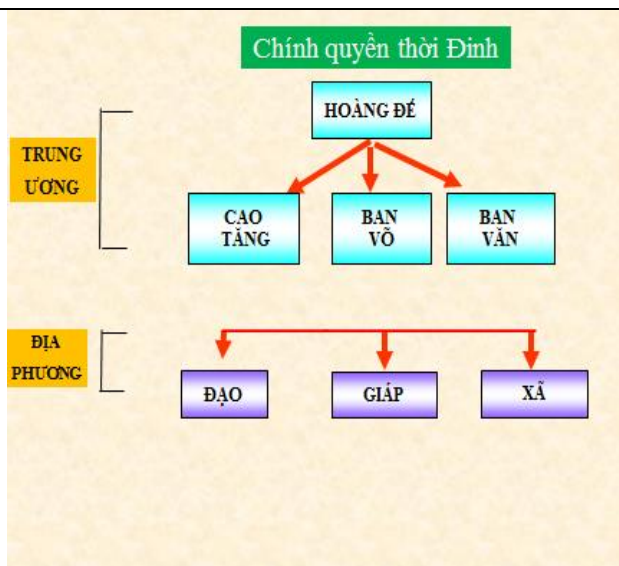
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: 1. Công cuộc xây dựng chính quyền và bảo vệ đất nước thời Đinh - Tiền Lê

a. Mục tiêu: Nắm được sự thành lập chính quyền thời Đinh, mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: Sau khi chấm dứt tình trạng cát cứ của 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì? Thảo luận cặp đôi: 2 phút - Việc nhà Đinh đặt tên nước và không dùng niên hiệu của hoàng đế Trung Quốc nói lên điều gì? - Vì sao Đinh Bộ Lĩnh lại chọn Hoa Lư làm nơi đóng đô? Phát vấn: - Trình bày tổ chức chính quyền thời Đinh? - Em có nhận xét gì về tổ chức chính quyền thời Đinh? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV phân tích: Đinh Bộ Lĩnh là người Việt đầu tiên xưng đế (Hoàng đế là tước hiệu của vua nước lớn mạnh, có nhiều nước thần phục; vương là tước hiệu của vua nước nhỏ), đặt niên hiệu và đặt tên nước, phong vương cho các hoàng tử nhằm khẳng định người Việt có giang sơn, bờ cõi riêng, nước Đại Cồ Việt độc lập và ngang hàng với Trung Quốc chứ không phải là nước phụ thuộc.	1. Công cuộc xây dựng chính quyền và bảo vệ đất nước thời Đinh - Tiền Lê a. Chính quyền thời Đinh: - Sau khi thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình). - Sơ đồ tổ chức chính quyền. <pre> graph TD HD[HOÀNG ĐẾ] --> CT[CAO TĂNG] HD --> BV[BAN VÕ] HD --> BVN[BAN VĂN] BVN --> D[ĐẠO] BVN --> G[GIÁP] BVN --> X[XÃ] </pre> - Phong vương cho hoàng tử, cử tướng lĩnh nắm giữ chức vụ quan trọng. - Đức tiên để lưu hành trong nước. - Tổ chức quân đội gồm 10 đạo, sai sứ sang giao hảo với nhà Tống. => Khẳng định vị thế độc lập của Đại Cồ Việt.



* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát vấn:

+ GV cho HS quan sát lược đồ Cuộc kháng chiến chống Tống 981, yêu cầu HS trình bày lại diễn biến cuộc kháng chiến chống Tống trên lược đồ?

+ Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Tống 981?

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

- **GV mở rộng:** Trước tình thế nguy ngập, vua Đinh vừa mất, người kế vị còn nhỏ tuổi, quân Tống lại ngấp ghé xâm lược, thì hành động của Thái hậu Dương Vân Nga là đúng đắn và đáng ca ngợi. Bà đã biết hi sinh vì quyền lợi của dòng họ, vượt lên quan niệm của chế độ phong kiến để bảo vệ lợi ích của cả dân tộc.

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát vấn:

+ Sau khi đánh bại quân Tống, Lê Hoàn đã làm gì ?

- Thảo luận nhóm : 3 phút

+ Vẽ sơ đồ tổ chức chính quyền thời Tiền Lê?

b. Cuộc kháng chiến chống Tống (năm 981)

- Cuối năm 979, nhà Tống âm mưu xâm lược Đại Cồ Việt. Lê Hoàn được suy tôn lên làm vua.

- Đầu năm 981, quân Tống tiến đánh Đại Cồ Việt. Lê Hoàn trực tiếp tổ chức, lãnh đạo kháng chiến. Quân Tống đại bại, buộc phải rút quân về nước.

- Ý nghĩa: bảo vệ vững chắc nền độc lập, chứng tỏ bước phát triển mới của Đại Cồ Việt.

c. Chính quyền thời Tiền Lê:

- Lập nên nhà Tiền Lê, đổi niên hiệu là Thiên Phúc, tiếp tục xây dựng quốc gia độc lập.

- Chính quyền trung ương do vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành. Giúp việc cho vua có thái sư, đại sư. Dưới vua có quan văn, quan võ.

- Ở địa phương: cả nước chia thành 10 đạo. Năm 1002 vua đổi đạo thành lộ, phủ, châu.

Phát vấn:

+ Nhìn vào sơ đồ em có nhận xét gì về tổ chức bộ máy thời Tiền Lê?

+ Quân đội thời Tiền Lê được tổ chức như thế nào?

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

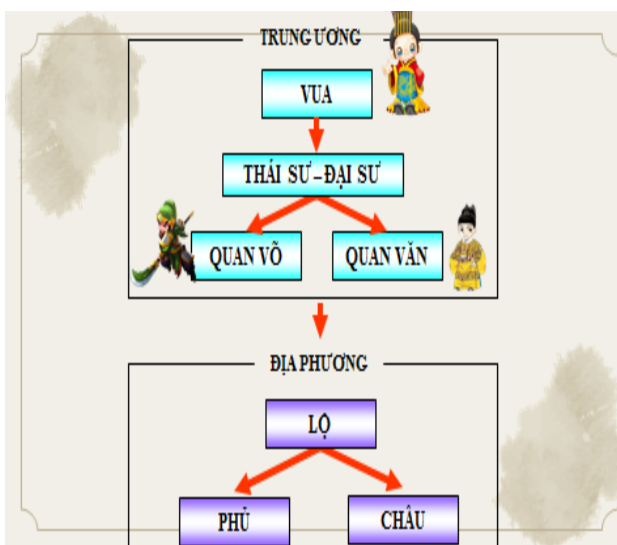
Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

- GV mở rộng:

+ Giới thiệu về Lê Hoàn: Lê Hoàn sinh năm 941 ở Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hoá trong một gia đình nghèo khổ, bố là Lê Mịch, mẹ là Đặng Thị Sen. Lớn lên, ông đi theo Nam Việt Vương Đinh Liễn và lập được nhiều chiến công khi Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, lập nên cơ nghiệp Nhà Đinh. Ông được Đinh Tiên Hoàng phong làm Thập Đạo tướng quân lúc vừa tròn 30 tuổi. Vì lợi ích của dân tộc, Thái hậu Dương Vân Nga đã trao ngôi vua cho Lê Hoàn. Lê Hoàn lên ngôi vua lấy niên hiệu là Lê Đại Hành.

- Sơ đồ bộ máy nhà nước thời Tiền Lê.



+ Bộ máy nhà nước hoàn thiện hơn. GV liên hệ thực tiễn hiện nay...

- Quân đội gồm 2 bộ phận: Cấm quân và quân địa phương.

+ GV nêu vai trò của quân đội trong việc bảo vệ độc lập, hòa bình của đất nước. Liên hệ ngày nay.....	
---	--

Hoạt động 2: 2. Đời sống xã hội và văn hoá thời Đinh - Tiền Lê

a. Mục tiêu: Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Đinh – Tiền Lê.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận cặp đôi: 2 phút + Trình bày những nét chính về tình hình xã hội thời Đinh – Tiền Lê? Phát vấn: + Vì sao nhà sư lại được trọng dụng? + Đời sống văn hóa thời Đinh – Tiền Lê có điểm gì nổi bật? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV mở rộng: Lúc này, đạo Phật có điều kiện truyền bá rộng rãi hơn trước, giáo dục chưa phát triển nên số người được đi học rất ít, mà phần lớn người đi học là các nhà sư nên họ được nhân dân và nhà nước rất quý trọng. Đây là lý do vì sao nhà sư thuộc tầng lớp thống trị, hay nói cách khác nhà sư được trọng dụng. + Vào những ngày vui, vua cũng thích đi chân đất, cầm chiếc xiên lụi ao đầm cá. Hành động này chứng tỏ thời đó sự phân biệt giàu – nghèo chưa sâu sắc, quan hệ vua tôi còn chưa có khoảng cách lớn. + Vùng nào cũng có lò vật, trai gái đều chuộng võ, ca hát nhảy múa phát triển...Điều này chứng tỏ nhân dân ta không những có tinh thần thượng võ mà còn thích ca hát, nhảy múa và từng bước tạo nên nghệ thuật sân khấu chèo của mình.	2. Đời sống xã hội và văn hoá thời Đinh - Tiền Lê a. Tình hình xã hội - Chia thành hai bộ phận là thống trị và bị trị. - Bộ phận thống trị gồm vua, quan; bị trị chủ yếu là người dân lao động (nông dân, thợ thủ công, thương nhân, nô tì). - Nông dân có số lượng đông đảo nhất, cày cấy ruộng đất công làng xã. Nô tì có địa vị thấp kém nhất, số lượng không nhiều. b. Đời sống văn hoá: - Thời Đinh - Tiền Lê, giáo dục chưa phát triển. Nho giáo chưa có ảnh hưởng sâu rộng. Phật giáo được truyền bá rộng rãi, chùa được xây dựng ở nhiều nơi. - Văn hoá dân tộc bước đầu đạt được một số thành tựu. Nhiều loại hình văn hoá dân gian tiếp tục được giữ gìn trong đời sống như ca hát, nhảy múa. đua thuyền, đấu võ, đấu vật,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

- Cho học sinh tham gia **trò chơi Hộp quà may mắn**, thông qua câu hỏi trắc nghiệm để củng cố và kiểm tra kiến thức của học sinh.

- GV giới thiệu luật chơi, chiếu câu hỏi.

1. Ý nào sau đây không phải việc làm của Đinh Bộ Lĩnh sau khi hoàn thành thống nhất đất nước?

- A. Lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng).
 B. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình.
 C. Đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội).
 D. Kiện toàn thêm một bước chính quyền ở trung ương và địa phương.
2. Người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 981 là
 A. Đinh Bộ Lĩnh. B. Đinh Toàn. **C. Lê Hoàn.** D. Lý Thường Kiệt.
3. Ý nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 981 là
 A. Thể hiện ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt.
B. Làm cho nhà Tống và các triều đại phong kiến phương Bắc sau này ở Trung Quốc không dám sang xâm lược nước ta nữa.
 C. Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.
 D. Chứng tỏ bước phát triển mới của quốc gia Đại Cồ Việt.
4. Ý nào sau đây không đúng về tổ chức chính quyền thời Tiền Lê?
 A. Vua đứng đầu chính quyền trung ương, nắm mọi quyền hành quân sự và dân sự.
 B. Dưới vua là các quan đại thần (văn, võ).
 C. Các con vua được phong vương và trấn giữ các vùng hiểm yếu.
D. Các quan lại ở địa phương đã được sắp xếp hoàn chỉnh.
5. Ý nào sau đây không phải là việc làm của Lê Hoàn (Lê Đại Hành) sau khi lập ra nhà Tiền Lê?
 A. Đổi niên hiệu là Thiên Phúc, tiếp tục công cuộc xây dựng quốc gia độc lập.
B. Đổi tên nước là Đại Việt.
 C. Định ra luật lệnh. Xin
 D. Tăng cường quan hệ ngoại giao với nhà Tống.
6. Bộ phận thống trị gồm những tầng lớp nào?
 A. Vua, nông dân B. Thợ thủ công, nô tì
C. Vua, quan lại D. Quan lại, nông dân
7. Tầng lớp nào trong thời Đinh – Tiền Lê được triều đình đề cao, nhân dân quý trọng?
 A. Nông dân **B. Nhà sư** C. Thợ thủ công D. Nô tì
8. Xã hội thời Đinh - Tiền Lê được chia làm mấy bộ phận?
 A. 1 **B. 2** C. 3 D. 4

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: ***Em có nhận xét gì về vai trò của Lê Hoàn trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 981?***

+ Đóng vai là Lê Hoàn, em có chọn cố đô Hoa Lư không? Vì sao?

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Học bài, làm bài tập ở phần vận dụng đã được giao.
- Xem trước bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225). Và soạn các câu hỏi của bài vào vở soạn.
- Suru tầm tư liệu về Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225).

-----**HẾT**-----

Ngày soạn: 14/11/2023

Ngày dạy: 20, 22 / 11 / 2023

TIẾT 21, 22, 23: BÀI 11: NHÀ LÝ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC (1009-1225)

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.
- Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý.
- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).
- **HSKT: Nắm được sự kiện 1009 Lý Công Uẩn lập nên nhà Lý. Biết được một thành tựu trong tổng số các thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý.**

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
 - + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

3. Phẩm chất

- Lòng tự hào dân tộc.
- Ý thức chấp hành pháp luật và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Video, tranh ảnh về kinh thành Thăng Long, những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám...)
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

- a. Mục tiêu:** Kết nối kiến thức thông qua trò chơi “Mảnh ghép” nhằm tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài mới..
- b. Tổ chức thực hiện:** Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

- *Mảnh ghép 1:* Ý nào sau đây không phải việc làm của Đinh Bộ Lĩnh sau khi hoàn thành thống nhất đất nước?

A. Lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng).

B. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình.

C. Đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội).

D. Kiện toàn thêm một bước chính quyền ở trung ương và địa phương.

- *Mảnh ghép 2:* Người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 981 là

A. Đinh Bộ Lĩnh.

B. Đinh Toàn.

C. Lê Hoàn.

D. Lý Thường Kiệt.

- *Mảnh ghép 3:* Ý nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 981 là

A. Thể hiện ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt.

B. Làm cho nhà Tống và các triều đại phong kiến phương Bắc sau này ở Trung Quốc không dám sang xâm lược nước ta nữa.

C. Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

D. Chứng tỏ bước phát triển mới của quốc gia Đại Cồ Việt.

- *Mảnh ghép 4:* Ý nào sau đây không đúng về tổ chức chính quyền thời Tiền Lê?

A. Vua đứng đầu chính quyền trung ương, nắm mọi quyền hành quân sự và dân sự.

B. Dưới vua là các quan đại thần (văn, võ).

C. Các con vua được phong vương và trấn giữ các vùng hiểm yếu.

D. Địa phương gồm các cấp lộ (phủ/châu), giáp, xã.

E. Các quan lại ở địa phương đã được sắp xếp hoàn chỉnh.

* Câu hỏi về bức tranh: Đây là tượng đài của 1 vị vua thời Lý? Em biết gì về vị vua này? (*Tượng đài vua Lý Thái Tổ (Hà Nội)*): Đây là công trình văn hoá trọng đại chào mừng 50 năm giải phóng Thủ đô và kỉ niệm 1030 năm ngày sinh Lý Thái Tổ, khắc hoạ hình tượng người có công khởi lập và tạo dựng nên mảnh đất ngàn năm văn hiến, vua Lý Thái Tổ, đầu đội mũ bình thiên, tay phải cầm *Chiếu dời đô*, tay trái chỉ xuống nơi định đô.....)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long

a. Mục tiêu: Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: - Nhà Lý được thành lập như thế nào? - Trình bày những hiểu biết của em về vua Lý Công Uẩn? Thảo luận cặp đôi: - Đánh giá sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Đại diện một cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV phân tích: - Sau khi Lê Hoàn mất, Lê Long Việt lên ngôi. Long Việt lên ngôi được 3 ngày, Long Đinh tự lập làm vua. Long Đinh là một ông vua càn rỡ, dâm dăng, tàn bạo khiến cho trong và ngoài triều ai ai cũng căm giận và gọi là Lê Ngọa Triều. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho nhà Tiền Lê sụp đổ. Mùa đông năm 1009, Lê Long Đinh qua đời. Giới sư sãi và đại thần chán ghét triều Tiền Lê và đã tôn Lý Công Uẩn lên làm vua, thành lập nhà Lý. - Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô về Đại La và đổi tên thành Thăng Long => Đây là việc làm sáng suốt của Lý Công Uẩn, đã chuyển vị thế đất nước từ phòng thủ sang thế phát triển lâu dài, đặt nền móng cho việc xây dựng kinh đô Thăng Long thành đô thị phát triển thịnh vượng, là trung tâm của đất nước về sau, mở ra bước ngoặt mới cho sự phát triển dân tộc.	1. Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long * Sự thành lập nhà Lý: - Cuối năm 1009, Lê Long Đinh mất. Giới sư sãi và các đại thần. trong triều đã tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý được thành lập. - Năm 1010, Lý Công Uẩn đặt niên hiệu là Thuận Thiên và quyết định dời đô về Đại La (Hà Nội ngày nay), đổi tên là Thăng Long; năm 1054 đổi tên nước là Đại Việt. * Đánh giá: - Đây là quyết định sáng suốt của Lý Công Uẩn, mở ra bước ngoặt mới cho sự phát triển của dân tộc.

Hoạt động 2: 2. Tình hình chính trị

a. Mục tiêu: Mô tả được những nét chính về chính trị, tổ chức quân đội, chính sách đối nội, đối ngoại thời Lý.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* GV dẫn dắt: Sau khi thành lập, các vua Lý đã xây dựng hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: - Trình bày những nét chính về tổ chức chính quyền thời Lý? Thảo luận cặp đôi: - So sánh bộ máy chính quyền thời Lý với bộ máy chính quyền thời Đinh – Tiền Lê?	2. Tình hình chính trị a. Tổ chức chính quyền + Đứng đầu là vua, dưới có các quan đại thần (quan văn, quan võ) giúp việc.

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Đại diện một cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng: + Tổ chức chính quyền thời Lý khá hoàn chỉnh, thể hiện sự chăm lo củng cố chính quyền của triều Lý. + Dưới thời Lý, khi một hoàng tử được chọn nối ngôi, vua Lý bắt người đó phải ra ngoài thành để tìm hiểu cuộc sống nhân dân. Ở trước điện Long Trì, vua Lý sai treo chuông lớn, cho phép dân có gì oan ức thì đánh chuông xin vua xét xử. Nhà Lý luôn quan tâm đến đời sống nhân dân, lấy dân là gốc rễ lâu bền. * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: - Thời Ngô – Đinh – Tiền Lê nước ta đã xây dựng được bộ luật nào chưa? - Trình bày những nét chính về tổ chức quân đội thời Lý? Thảo luận cặp đôi: - Nhà Lý ban hành bộ luật Hình thư đã chứng tỏ điều gì? Luật pháp nhà Lý có điểm gì tiến bộ? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện một cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng: + Năm 1042 nhà Lý ban hành bộ luật Hình thư. Trước đó nước ta chưa từng có bộ luật nào. Hình thư là bộ luật thành văn đầu tiên của nhà nước quân chủ Việt Nam. Việc xây dựng một bộ luật với những quy định rõ ràng làm căn cứ cho việc xét xử là điều cần thiết. Điều này chứng tỏ tình hình chính trị nhà Lý ngày càng ổn định và chế độ quân chủ trung ương tập quyền được xây dựng và củng cố. + Điểm tiên bộ của luật pháp thời Lý: bảo vệ nhà vua và giai cấp thống trị, chú ý phát triển sản xuất và quyền lợi của nhân dân, nghiêm cấm giết mổ trâu bò và bảo vệ sản xuất, người phạm tội bị xử phạt nghiêm khắc..... + Chính sách ngụ binh ư nông của nhà Lý là một chính sách hài hòa giữa quân sự và nông nghiệp, thể hiện sự sáng suốt	+ Chia cả nước thành 24 lộ, phủ, ở miền núi gọi là châu. Dưới lộ (phủ, châu) là hương, huyện. Đơn vị cấp cơ sở là xã. b. Xây dựng luật pháp và quân đội + Ban hành bộ <i>Hình thư</i> + Quân đội được huấn luyện chu đáo với hai bộ phận là cấm quân và quân địa phương. Nhà Lý thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”.
--	---

của các vị vua thời Lý. Nhờ chính sách này, triều đình có quân đội hùng mạnh, đông đảo trong khi sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển

* **Bước 1.** Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Thảo luận cặp đôi:

- Ngay từ khi mới lên ngôi, Lý Công Uẩn đã rất chú trọng việc củng cố khối đoàn kết các dân tộc, theo em vì sao nhà Lý lại làm như vậy?

Phát vấn:

- Tìm hiểu Tư liệu 2 và cho biết chính sách của nhà Lý đối với các tù trưởng miền núi?

- Trình bày chính sách đối ngoại thời Lý?

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.

B3: Đại diện một cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng:

+ Truyền thống đoàn kết các dân tộc là cội nguồn sức mạnh trong xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, là việc làm góp phần củng cố sự thống nhất quốc gia.

+ Chính sách của nhà Lý đối với tù trưởng miền núi là biện pháp liên kết bằng hôn nhân nhằm thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo để thu phục các tù trưởng. Nhưng nhà Lý cũng kiên quyết trấn áp những thế lực có ý định tách khỏi Đại Việt. Thông qua những chính sách trên, vua Lý nắm đất, nắm dân miền biên ải, đồng thời thắt chặt khối đoàn kết dân tộc, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của triều đình.

c. Chính sách đối nội, đối ngoại

- Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

- Mềm dẻo, khôn khéo song cũng kiên quyết trấn áp kẻ thù.

Hoạt động 3: 3. Tình hình kinh tế, xã hội

a. Mục tiêu: Mô tả được những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội thời Lý.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm: + <i>Nhóm chẵn:</i> Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế thời Lý? + <i>Nhóm lẻ:</i> Trình bày những nét chính về tình hình xã hội thời Lý? Phát vấn: + <i>Em có nhận xét gì về các chính sách phát triển</i>	3. Tình hình kinh tế, xã hội a. Tình hình kinh tế - Nông nghiệp: thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, mùa màng bội thu... - Thủ công nghiệp: Khá phát triển. - Thương nghiệp: Hình thành

<i>kinh tế thời Lý? Những chính sách đó có tác dụng gì?</i> B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện một cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng: Các chính sách phát triển kinh tế thời Lý khẳng định đó là những chính sách tiên bộ, có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Đời sống nhân dân ổn định cùng với điều kiện độc lập, tự chủ của đất nước và ý thức dân tộc thúc đẩy sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp đương thời. => Sự phát triển kinh tế nước ta thời Lý đã chứng tỏ nhân dân ta có đủ tài năng, sức lực để xây dựng một nền kinh tế tự chủ, phát triển.	các chợ, các trung tâm trao đổi hàng hoá. Quan hệ buôn bán giữa Đại Việt với Trung Quốc khá phát triển. b. Tình hình xã hội + Tầng lớp quý tộc (vua, quan) có nhiều đặc quyền. + Một số ít dân thường có nhiều ruộng đất trở thành địa chủ. + Nông dân chiếm đa số trong dân cư. + Thợ thủ công và thương nhân khá đông đảo. + Nô tì có địa vị thấp kém nhất, phục vụ trong triều đình và gia đình quan lại.
---	--

Hoạt động 4: 4. Tình hình văn hoá, giáo dục thời Lý

a. Mục tiêu: Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về tôn giáo, văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm: + Nhóm 1,2: Trình bày những nét chính về tôn giáo thời Lý? + Nhóm 3,4: Trình bày những nét chính về văn học, nghệ thuật thời Lý? + Nhóm 5,6: Trình bày những nét chính về giáo dục thời Lý? Phát vấn: + Nêu ý nghĩa của bài thơ Nam quốc sơn hà? + Việc xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám và mở khoa thi đầu tiên có ý nghĩa gì? + Suy nghĩ của em về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển đất nước hiện nay? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện một cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.	4. Tình hình văn hoá, giáo dục thời Lý - Tôn giáo: Phật giáo được tôn sùng và truyền bá rộng rãi. Nho giáo bắt đầu được mở rộng và ngày càng có vai trò trong xã hội. Đạo giáo cũng khá thịnh hành, được kết hợp với các tín ngưỡng dân gian. - Văn học, nghệ thuật: + Văn học chữ Hán bước đầu phát triển (<i>Chiếu dời đô, Nam quốc sơn hà,...</i>) + Hát chèo, múa rối nước đều phát triển. Các trò chơi dân gian rất được ưa chuộng.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV bổ sung: Việc xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám và mở khoa thi đầu tiên đánh dấu sự ra đời của nền giáo dục Đại Việt, đã chứng tỏ ý thức đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, thể hiện truyền thống hiếu học của nhân dân ta. Từ đó góp phần quan trọng để giữ gìn và củng cố độc lập cho quốc gia, xây dựng văn hóa dân tộc. - GV kết bài: Sự phát triển đồng đều của các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật của nhân dân ta thời Lý đã khẳng định khả năng xây dựng nền độc lập: sự phát triển nền văn hóa dân tộc – <i>văn hóa Thăng Long</i>.	+ Một số công trình kiến trúc có quy mô tương đối lớn và độc đáo được xây dựng. - Giáo dục: Chú ý đến việc học tập, thi cử để tuyển chọn những người tài. Năm 1070, nhà Lý cho dựng Văn Miếu; năm 1075, cho mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại. Năm 1076, Quốc Tử Giám được thành lập.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, trong quá trình làm việc, có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè.

1. Người sáng lập ra nhà Lý là

A. Lê Hoàn. B. Lý Thường Kiệt. C. Sư Vạn Hạnh. **D. Lý Công Uẩn.**

2. Ý nào dưới đây không phải là việc làm của Lý Công Uẩn sau khi thành lập triều Lý?

A. Đặt niên hiệu là Thuận Thiên.

B. Quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La (Thăng Long, Hà Nội).

C. Xây dựng các cung điện ở khu vực trung tâm của kinh thành.

D. Đổi tên nước là Đại Việt.

3. Kinh thành Thăng Long gồm

A. Cẩm thành, Hoàng thành, La thành. B. Cẩm thành, Hoàng thành.

C. La thành, Cẩm thành.

D. Tử Cẩm thành, Hoàng thành, La thành.

4. Ý nào không phản ánh đúng ý nghĩa sự kiện dời đô từ Hoa Lư về Đại La của Lý Công Uẩn?

A. Khẳng định vị thế của Thăng Long – Hà Nội trong lịch sử dân tộc.

B. Tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.

C. Mở ra thời kì mới trong sự phát triển của dân tộc.

D. Góp phần xây dựng quốc gia thống nhất.

5. Ý nào dưới đây không phải là chính sách của nhà Lý trong việc xây dựng quân đội?

A. Xây dựng quân đội với kỉ luật nghiêm minh, huấn luyện chu đáo

B. Xây dựng quân đội với hai bộ phận: cấm quân và quân địa phương.

C. Quân đội được trang bị nhiều vũ khí hiện đại.

D. Thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”..

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn

đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: Bài tập 3/57 GV kiểm tra ở tiết học sau.

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.
- Xem trước bài 12: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077).
- Sưu tầm tư liệu về Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077).
- Hoàn thành phiếu học tập sau:

Câu hỏi	Trả lời	Minh chứng
Đánh giá những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống		
Vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077)		

-----HẾT-----

Ngày soạn: 20/12/2023

Ngày dạy: 11/12/ 2023 và 06/01 / 2024

TIẾT 24 và TIẾT 27: Bài 12: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075-1077)

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Đánh giá được những nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống.
- Đánh giá được vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống(1075 - 1077).
- Tích hợp GDMT: Sự sáng tạo của tổ tiên ta trong việc dựa vào điều kiện tự nhiên để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.
- **HSKT: Biết được nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống. Và biết được Lý Thường Kiệt là người lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống Tống giai đoạn 1075 – 1077.**

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
 - + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng

lực nhận thức và tư duy lịch sử.

3. Phẩm chất

- Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc trước nguy cơ bị xâm lược.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh và tư liệu về cuộc kháng chiến chống Tống.
- Phiếu học tập.
- Lược đồ kháng chiến chống Tống năm 1075, 1077.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, qua đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới thông qua trò chơi “Mảnh ghép”.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

- *Mảnh ghép 1:* Người sáng lập ra nhà Lý là

A. Lê Hoàn. B. Lý Thường Kiệt. C. Sư Vạn Hạnh. **D. Lý Công Uẩn.**

- *Mảnh ghép 2:* Kinh thành Thăng Long gồm

A. Cẩm thành, Hoàng thành, La thành. B. Cẩm thành, Hoàng thành.

C. La thành, Cẩm thành. D. Tử Cẩm thành, Hoàng thành, La thành.

- *Mảnh ghép 3:* Bộ luật được ban hành năm 1042 dưới thời Lý là

A. Hình thư. B. Quốc triều hình luật.

C. Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

- *Mảnh ghép 4:* Nhà Lý lập nơi trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài ở nhiều nơi, trong đó có

A. kinh thành Thăng Long. **B. cảng biển Vân Đồn.**

C. Phố Hiến. D. Thanh Hà.

* Câu hỏi về bức tranh: (*Khu di tích Lý Thường Kiệt (Bắc Ninh)*). Việc xây dựng tượng đài Lý Thường Kiệt có ý nghĩa đề tri ân và khắc ghi công lao của vị anh hùng nổi tiếng trong lịch sử dân tộc theo đạo lí và văn hoá dân tộc. Đồng thời, đây cũng là công trình văn hoá, mỹ thuật có nhiều giá trị, ý nghĩa lịch sử, phục vụ việc giáo dục truyền thống cho các thế hệ người dân địa phương và du khách về lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm giữ nước của cha ông ta.)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075)

a. Mục tiêu: Trình bày được những âm mưu của nhà Tống. Hiểu và lí giải được cuộc tấn công của ta sang đất Tống để nhằm mục đích tự vệ. Đây là nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: - <i>Nêu âm mưu của nhà Tống khi xâm lược nước ta?</i> - <i>Nhà Tống đã làm gì để thực hiện âm mưu xâm lược Đại Việt?</i> - <i>Trước âm mưu và hành động chuẩn bị xâm lược của nhà Tống, chủ trương đối phó của nhà Lý là gì?</i> - <i>Nêu hiểu biết của em về nhân vật lịch sử Lý Thường Kiệt?</i> - <i>Lý Thường Kiệt đưa ra chủ trương gì để chống quân Tống? Em có nhận xét gì về chủ trương đó?</i> B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng: Đứng trước âm mưu xâm lược của nhà Tống, Vua Lý đã cử Thái úy Lý Thường Kiệt làm Tổng chỉ huy, chủ động tiến hành các biện pháp đối phó (làm thất bại ý đồ tiến công phối hợp của nhà Tống với Chăm-pa),... + Chủ trương đối phó của Lý Thường Kiệt là chủ động tấn công để tự vệ nhằm giành thế chủ động, tiêu hao sinh lực địch ngay từ lúc chưa tiến hành chiến tranh xâm lược. Đây là một chủ trương táo bạo, thể hiện trí tuệ, tầm nhìn của Lý Thường Kiệt và sự chủ động của vua tôi nhà Lý. * Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Nhóm: + <i>Trình bày diễn biến chính, kết quả của cuộc tấn công để tự vệ của LTK trên lược đồ hình 2/ SGK?</i> - Phát vấn: <i>Việc chủ động tấn công để tự vệ của nhà Lý có ý nghĩa như thế nào?</i> - Thảo luận cặp đôi:	1. Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075) a. Âm mưu của nhà Tống - Xâm lược Đại Việt để giải quyết khó khăn trong nước và mở rộng lãnh thổ. + Xúi Châm- pa đánh Đại Việt từ phía Nam + Ngăn cản việc buôn bán của nhân dân 2 nước. + Mua chuộc các tù trưởng miền núi. b. Chủ trương của nhà Lý - Nhà Lý chủ trương: “tiên phát chế nhân” (tiên công trước để tự vệ) chủ động tấn công để tự vệ nhằm giành thế chủ động, tiêu hao sinh lực địch ngay từ lúc chưa tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược. Đây là một chủ trương táo bạo, thể

+ Vì sao nói đây là cuộc tấn công để tự vệ chứ không phải cuộc tấn công để xâm lược? + Chỉ ra những nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075)? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: <i>Ta chỉ tấn công vào căn cứ quân sự, kho lương và vũ khí của quân là những nơi nhà Tống chuẩn bị cho cuộc tấn công xâm lược nước ta.</i> <i>Sau khi thực hiện mục đích của mình, quân ta nhanh chóng rút về nước.</i> <i>Cách đánh độc đáo, sáng tạo của Lý Thường Kiệt đã đẩy địch vào tình thế bị động làm thay đổi kế hoạch và làm chậm bước tấn công của chúng đồng thời tạo thuận lợi cho ta có thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến.</i> GV kết luận: Đây là cuộc tấn công để tự vệ chứ không phải là cuộc tấn công xâm lược, chủ trương đúng đắn và là điểm độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống; đồng thời thể hiện tài năng, vai trò và sự sáng suốt của Lý Thường Kiệt.	hiện trí tuệ, tầm nhìn của Lý Thường Kiệt và sự chủ động của vua tôi nhà Lý + Cử Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy + Đem quân trấn áp Cham-pa. - Diễn biến: + Tháng 10-1075, hơn 10 vạn quân ta chia làm hai đạo dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt cùng Tông Đản tấn công vào đất Tống + Hạ thành Ung Châu quân ta rút về nước - Ý nghĩa: + Cuộc chủ động tấn công để tự vệ có ý nghĩa quan trọng, đó là: đẩy kẻ thù vào thế bị động, tạo ra nhiều điều kiện có lợi để đánh bại kẻ thù khi chúng sang xâm lược nước ta + Làm thay đổi kế hoạch và làm chậm lại cuộc tiến công xâm lược của nhà Tống
---	---

Hoạt động 2: 2. Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ hai (năm 1077)

a. Mục tiêu: Mô tả được phòng tuyến sông Như Nguyệt. Hiểu được nét độc đáo của nhà Lý trong việc chuẩn bị kháng chiến. Trình bày được trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt. Hiểu được những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt và ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý. Rút ra được các bài học từ cuộc kháng chiến chống Tống lần 2.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận cặp đôi: - Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt đã chuẩn bị kháng chiến như thế nào? Qua đó em rút ra điều gì? - Mô tả sông Như Nguyệt và lí giải vì sao Lý Thường Kiệt chọn sông Như Nguyệt để xây dựng phòng tuyến chặn giặc?	2. Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ hai (năm 1077) a. Chuẩn bị kháng chiến (1076- 1077) - Lý Thường Kiệt hạ lệnh cho các địa phương ráo riết chuẩn bị bố phòng.

- Việc xây dựng phòng tuyến thể hiện điều gì?

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.

B3: Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng: Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt đã tích cực chuẩn bị kháng chiến.

+ Việc xây dựng phòng tuyến Như Nguyệt dựa trên sự kết hợp giữa địa hình tự nhiên, bãi chướng ngại vật cùng với lực lượng thủy - bộ được bố trí trọng điểm nên vừa có thể bảo vệ được toàn chiến tuyến, vừa nhanh chóng tập trung tổ chức phản công địch. Đây chính là sự độc đáo, sáng tạo trong cách tổ chức đánh giặc của Lý Thường Kiệt.

*** Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

- Thảo luận nhóm:

- Nhóm 1,2: Trình bày diễn biến, kết quả của cuộc chiến đấu trên phòng tuyến sông Như Nguyệt trên lược đồ H3/sgk/61

- Nhóm 3,4: Nêu những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt?

- Nhóm 5,,6: Nêu ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Tống của Lý Thường Kiệt? Qua cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý các em rút ra được những bài học gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay?

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.

B3: Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV giảng tích hợp với môn Ngữ văn: cho HS nghe

- Cử Lý Kế Nguyên chặn vùng biển Đông Kênh

- Xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt.

+ Đây là một đoạn của sông Cầu (từ ngã ba sông Cà Lồ và sông Cầu trở xuống đến Phả Lại - lúc đó là Vạn Xuân). Dòng sông chặn ngang con đường bộ mà quân Tống có thể vượt qua để tiến về Thăng Long.

+ Lý Thường Kiệt cho xây phòng tuyến sông Như Nguyệt: đắp đê cao như bức tường thành ở mặt nam sông Cầu, bên trên đóng tre làm giậu dày mấy tầng, kiên cố dài gần 10 km từ chân núi Tam Đảo, bao bọc, che đỡ cho cả hai vùng đồng bằng rộng lớn. Thành

b. Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến sông Như Nguyệt.

*** Diễn biến**

- Cuối năm 1076, quân Tống chuẩn bị tiến vào nước ta theo hai đường: thủy và bộ

- Tháng 1-1077, quân Tống vượt ải Nam Quan tiến vào nước ta

- Quân bộ bị chặn đánh và dừng chân ở bờ bắc sông Như Nguyệt.

- Quân thủy bị quân của Lý Kế Nguyên chặn đánh không thể vào sâu hỗ trợ quân bộ.

- Cuối xuân 1077, nhà Lý cho quân vượt sông Như Nguyệt,

nguyên văn bài thơ thần của Lý Thường Kiệt: "**Sông núi nước Nam**" và yêu cầu HS nêu cảm nhận về bài thơ.

*** Phát vấn:**

- Dựa vào kết quả của cuộc chiến đấu trên phòng tuyến sông Như Nguyệt và tư liệu 3 hãy trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về cách kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt?.

- Vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077)?

GV mở rộng: Giáo dục cho học sinh tinh thần nhân đạo, yêu chuộng hòa bình - đây là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Cách kết thúc chiến tranh rất độc đáo của Lý Thường Kiệt - không tiêu diệt toàn bộ quân thù khi chúng đã ở "thế cùng, lực kiệt", mà kết thúc chiến tranh bằng cách giảng hoà để bảo đảm mối quan hệ bang giao, hoà hiếu giữa hai nước sau chiến tranh; không làm tổn thương danh dự của nước lớn, bảo đảm một nền hoà bình lâu dài. Đồng thời, cũng nhằm bảo toàn lực lượng của quân dân ta, tránh những tổn thất, hi sinh không cần thiết. Qua đó chứng tỏ tinh thần nhân đạo của dân tộc ta và vai trò to lớn của Lý Thường Kiệt.

Vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).

- Tiêu diệt thủy quân của địch, không cho thủy quân tiến sâu vào hỗ trợ cánh quân đường bộ.

- Nhận thấy quân địch đã suy yếu, hoang mang Lý Thường Kiệt mở cuộc tấn công quy mô lớn vào trận tuyến của địch.

- Là người chỉ huy cuộc kháng chiến, giữ chức vụ chủ chốt trong quân đội.

- Đưa ra đường lối kháng chiến đúng đắn, dẹp tan quân Tống.

Bài học kinh nghiệm cho công cuộc bảo vệ đất nước hiện nay: có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn, đoàn kết toàn dân, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, mềm dẻo nhưng kiên quyết (mềm dẻo về sách lược, phương pháp, kiên quyết giữ vững nguyên tắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ)...

bất ngờ tấn công vào đồn giặc.

*** Kết quả**

- Quân Tống thua to

- Lý Thường Kiệt giảng hoà kết thúc chiến tranh

*** Ý nghĩa:**

- Là chiến thắng tuyệt vời của quân và dân ta.

- Củng cố nền độc lập dân tộc.

- Nhà Tống đã từ bỏ mộng xâm lược Đại Việt.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện: Cho học sinh tham gia **trò chơi Ai là triệu phú**.

1. Ý nào không phản ánh đúng việc làm của nhà Lý trước âm mưu xâm lược của nhà Tống (Trung Quốc)?

A. Cử Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy cuộc kháng chiến.

B. Chủ động tiến hành các biện pháp đối phó.

C. Đáp tan ý đồ phối hợp tiến công của quân Tống với Chăm-pa.

D. Triệu tập Hội nghị Bình Than (Bắc Ninh) để bàn kế sách đánh giặc.

2. Nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075) là

A. tích cực luyện tập quân sĩ.

B. cho quân mai phục, sẵn sàng chiến đấu.

C. chủ động thực hiện chủ trương “tiên công trước để tự vệ”.

D. chặn các ngã đường mà quân xâm lược có thể tiến vào.

3. Ý nào không phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc tấn công sang đất Tống của quân nhà Lý?

A. Phá được các kho lương thảo, vũ khí của quân Tống.

B. Đẩy kẻ thù vào thế bị động, tạo điều kiện có lợi để đánh bại khi chúng kéo sang xâm lược nước ta.

C. Thể hiện sức mạnh của quân dân Đại Việt.

D. Làm thất bại ý đồ tấn công nước ta của quân Tống.

4. Ý nào sau đây không phải là kế sách của Lý Thường Kiệt khi chuẩn bị kháng chiến ở giai đoạn thứ hai (năm 1077)?

A. Hạ lệnh cho các tù trưởng dân tộc ít người gần biên giới bố trí quân đánh chặn để kiềm chế, tiêu hao sinh lực địch.

B. Bố trí lực lượng thủy binh ở vùng Đông Bắc, phá kế hoạch phối hợp quân thủy – bộ của giặc.

C. Thực hiện kế hoạch “vườn không nhà trống”, quân dân rút khỏi Thăng Long.

D. Xây dựng phòng tuyến kiên cố, bố trí lực lượng đóng giữ ở bờ nam sông Như Nguyệt.

5. Nét độc đáo trong cách kết thúc cuộc kháng chiến của Lý Thường Kiệt là

A. giả thua để cho quân giặc kiêu căng rồi bất ngờ phản công tiêu diệt chúng.

B. giam chân địch ở phía bờ bắc sông Như Nguyệt khiến chúng cạn kiệt gia lương thực, rệu rã tinh thần rồi bất ngờ mở trận tấn công quyết định.

C. kết hợp tấn công quân sự với vận động tâm lý để làm nhụt ý chí xâm Chiếm lược của quân Tống.

D. khi địch lâm vào tình thế hết sức khó khăn, tuyệt vọng thì chủ động đề nghị giảng hoà để kết thúc chiến tranh.

D. Góp phần giữ được mối quan hệ bang giao giữa Đại Việt và Tống.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: Bài tập 3/61: Theo em, cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý đã để lại những bài học gì cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?
- + *Trách nhiệm của bản thân và mọi người cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay*
- GV kiểm tra ở tiết sau.

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.
- Xem trước bài 13: Nước Đại Việt thời Trần (1226-1400).
- Sưu tầm tư liệu về Nước Đại Việt thời Trần (1226-1400).
- Hoàn thành bảng sau: Những thành tựu văn hoá thời Trần:

Lĩnh vực	Thành tựu
Giáo dục	
Khoa học - kĩ thuật	
Văn học	
Kiến trúc và điêu khắc	

-----HẾT-----

Ngày soạn: 10 /12 / 2023

Ngày dạy: 18/ 12 / 2023

Tuần 16 - Tiết 25

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU:**1. Về kiến thức:** Giúp HS biết

- Vương quốc Lào.
- Vương quốc Cam-pu-chia
- Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967)
- Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009)
- Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225)
- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077)

- **HSKT:** **Nắm được hai mục tiêu kiến thức trong tổng số các mục tiêu kiến thức trên.**

2. Về năng lực:

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực. Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin có trong các loại tư liệu cấu thành nên bài học.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip so sánh, nhận xét, đánh giá, quan sát tranh ảnh lịch sử, nhận xét nhân vật lịch sử, sử dụng lược đồ lịch sử. Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin có trong các loại tư liệu cấu thành nên bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Chăm học, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của Giáo viên:

- Giáo án, sách giáo khoa, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của Học sinh:

- Sách giáo khoa, chuẩn bị bài.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Ôn tập chương 3, chương 4, chương 5.

b. Nội dung: Định hướng nội dung kiến thức cơ bản từ bài 7 đến bài 12

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe nội dung kiến thức ôn tập chương 3, chương 4, chương 5.

d. Tổ chức thực hiện.

- GV cho HS nhắc lại nội dung chính của các chương 3,4,5 từ đó dẫn dắt vào nội dung ôn tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Những kiến thức cơ bản của lịch sử Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

b. Nội dung

- Vương quốc Lào.

- Vương quốc Cam-pu-chia

- Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967)

- Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009)

- Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225)

- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077)

c. Sản phẩm: Tiếp thu chương 3 và 4, 5 của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

A. Nội dung ôn tập

a. GV chia HS làm 5 nhóm thảo luận nội dung:

*** Nhóm 1:**

Câu 1: Hãy cho biết một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Lào?

Câu 2: Hãy cho biết một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Campuchia?

***Nhóm 2:**

Câu 1: Trình bày những nét chính về tổ chức chính quyền, đời sống xã hội và văn hóa thời Ngô?

Câu 2: Em hãy đánh giá công lao của Ngô Quyền trong buổi đầu độc lập?

***Nhóm 3:**

Câu 1. Nêu những nét chính về tình hình xã hội văn hóa thời Đinh – Tiền Lê?

Câu 2: Em có nhận xét gì về vai trò của Lê Hoàn trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 981?

***Nhóm 4:**

Câu 1: Trình bày những nét chính về tình hình chính trị thời Lý?

Câu 2: So sánh tổ chức nhà nước thời Lý có gì khác so với thời Đinh – Tiền Lê?

***Nhóm 5:**

Câu 1: Em hãy chỉ ra nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất năm 1075 ?

Câu 2: Trình bày diễn biến và kết quả cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất năm 1075 ?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

-HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

-GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV gọi đại diện nhóm trả lời, HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

- GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động ôn tập chương 3 và 4,5.

b.Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c.Sản phẩm: đáp án câu trả lời của học sinh

d.Tổ chức thực hiện:

GV sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Đây là công trình kiến trúc Phật giáo biểu tượng của Lào, được công nhận là Di sản văn hoá thế giới vào năm 1992?

A. Chùa Vàng.

B. Thạt Luồng.

C. Chùa hang A-gian-ta.

D. Đền Ăng-co-vát.

Câu 2. Người Lào đã sáng tạo ra chữ viết, dựa trên cơ sở vận dụng các nét chữ cong của

- A. Việt Nam và Trung Quốc. B. Trung Quốc và Ấn Độ.
C. Triều Tiên và Việt Nam. **D. Cam-pu-chia và Mi-an-ma.**

Câu 3. Đến thế kỉ XIII, một nhóm người nói tiếng Thái di cư đến Lào sinh sống gọi là người

- A. Lào Lùm.** B. Lào Thong. C. Khơ-me. D. Thái.

Câu 4. Người đã tập hợp và thống nhất các mường Lào, lập ra nhà nước Lan Xang là

- A. Pha Luông. B. Ong Kẹo. C. Pu-côm-bô. **D. Pha Ngừm.**

Câu 5. Người Khome đã sáng tạo ra chữ viết riêng, dựa trên cơ sở

- A. chữ Nôm của Việt Nam. B. chữ Hán của Trung Quốc.
C. chữ Phạn của Ấn Độ. D. chữ La-tinh của La Mã.

Câu 6. Cư dân Cam-pu-chia sử dụng phổ biến các loại chữ nào?

- A. Chữ Phạn và chữ Khơ-me** B. Chữ tượng hình và chữ Nôm
C. Chữ La-tinh và chữ Hán D. Chữ Phạn và Chữ Pa-li

Câu 7: Công trình kiến trúc quần thể Ăng-co Vát và Ăng-co Thom là biểu trưng của tôn giáo nào?

- A. Biểu trưng của Phật giáo B. Biểu trưng của Nho giáo
C. Biểu trưng của Ấn Độ giáo **D. Tất cả các tôn giáo trên hoà quyện lẫn nhau**

Câu 8: Thời kì phát triển huy hoàng của Vương quốc Cam-pu-chia là thời kì nào?

- A. Thời kì huy hoàng B. Thời kì Chân Lạp
C. Thời kì hoàng kim **D. Thời kì Ăng-co**

Câu 9. Sau khi lên ngôi vua, Ngô Quyền đã chọn địa điểm nào làm kinh đô cho nhà nước độc lập?

- A. Đại La. **B. Cổ Loa.** C. Hoa Lư. D. Phong Châu.

Câu 10. Sau chiến thắng Bạch Đằng (938), Ngô Quyền đã

- A. lên ngôi vua, đóng đô ở Cổ Loa.
B. bãi bỏ chức Tiết độ sứ, xưng vương.

- C. lập ra nhà nước Vạn Xuân.
D. lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở cửa sông Tô Lịch.

Câu 11. Công lao to lớn đầu tiên của Đinh Bộ Lĩnh đối với dân tộc Việt Nam là gì?

- A. Chấm dứt tình trạng cát cứ của 12 sứ quân, thống nhất đất nước.**

- B. Chấm dứt thời kì Bắc thuộc, tái thiết nền độc lập của dân tộc.
C. Đánh tan quân xâm lược Tống, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.
D. Là người đầu tiên xưng “đế” sánh ngang với phong kiến phương Bắc.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây không phải nguyên nhân giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn được tình trạng “loạn 12 sứ quân”?

- A. Đinh Bộ Lĩnh là người có tài.
B. Được nhân dân nhiều địa phương ủng hộ.
C. Được sự giúp đỡ của nhà Tống.
D. Liên kết với các sứ quân khác.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây không đúng khi nhận xét về tổ chức nhà nước thời Ngô?

A. Thể hiện ý thức độc lập, tự chủ.

B. Thiết lập chế độ Thái Thượng hoàng.

C. Tổ chức nhà nước còn đơn giản, sơ khai.

D. Đặt cơ sở cho sự phát triển trong giai đoạn sau.

Câu 14. Ai là người đã có công dẹp “Loạn 12 sứ quân”?

A. Ngô Quyền.

B. Lê Hoàn.

C. Lí Công Uẩn.

D. Đinh Bộ Lĩnh.

Câu 15. Đinh Bộ Lĩnh được nhân dân tôn xưng là

A. Bắc Bình Vương.

B. Vạn Thắng Vương.

C. Đông Định Vương.

D. Bố Cái Đại Vương.

Câu 16. Nhận xét dưới đây của nhà sử học Lê Văn Hưu đề cập đến nhân vật nào?

“Tiền Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết”.

A. Đinh Bộ Lĩnh.

B. Ngô Quyền.

C. Lê Hoàn.

D. Nguyễn Huệ.

Câu 17. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu là

A. Đại Việt.

B. Vạn Xuân.

C. Đại Nam.

D. Đại Cồ Việt.

Câu 18. Dưới thời Đinh - Tiền Lê, các nhà sư rất được triều đình trọng dụng, vì

A. quan lại chưa có nhiều, trình độ học vấn thấp.

B. đạo Phật ảnh hưởng sâu rộng, các nhà sư có học vấn uyên bác.

C. các nhà sư và nhà chùa đều có thế lực về kinh tế rất lớn.

D. nho giáo và Đạo giáo bị nhà nước hạn chế phát triển trong xã hội.

Câu 19. Nhà Tiền Lê được thành lập trong hoàn cảnh như thế nào?

A. Đất nước thái bình, kinh tế phát triển thịnh đạt.

B. Cuộc kháng chiến chống Tống đã toàn thắng.

C. Nhà Tống đang lăm le xâm lược Đại Cồ Việt.

D. Đại Cồ Việt đang bị nhà Tống xâm lược, đô hộ

Câu 20. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống (981)?

A. Buộc nhà Tống phải nhún nhường, thần phục Đại Cồ Việt.

B. Thể hiện quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt.

C. Bảo vệ và giữ vững được nền độc lập, tự chủ non trẻ của dân tộc.

D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh sau này.

Câu 21. Kế sách cấm cọc trên sông Bạch Đằng của Lê Hoàn được kế thừa, vận dụng từ cuộc đấu tranh nào trong lịch sử dân tộc?

A. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.

B. Khởi nghĩa chống quân xâm lược Hán của Hai Bà Trưng.

C. Kháng chiến chống quân xâm lược Tống của nhà Lý.

D. Khởi nghĩa chống quân Đường của Mai Thúc Loan.

Câu 22. Để thuận tiện cho lưu thông hàng hoá, thúc đẩy buôn bán trong nước, thời Đinh cho đúc

A. súng đại bác. B. trống đồng. **C. tiền đồng.** D. thuyền chiến.

Câu 23. Nội dung nào dưới đây không mô tả đúng tổ chức bộ máy chính quyền trung ương thời Tiền Lê?

A. Vua đứng đầu đất nước, nắm mọi quyền hành.

B. Giúp việc cho vua có Thái sư và Đại sư.

C. Cả nước được chia thành 15 đạo.

D. Dưới vua là các quan văn, quan võ.

Câu 24. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Tống (năm 981) là do

A. có sự lãnh đạo của các tướng lĩnh tài ba như: Lê Sát, Lê Ngân, Nguyễn Trãi.

B. quân dân Tiền Lê vận dụng thành công kế sách “Tiên phát chế nhân” của nhà Lý.

C. quân dân Tiền Lê có tinh thần yêu nước, kiên quyết đấu tranh chống ngoại xâm.

D. quân Tống liên tiếp thất bại nên chủ động giảng hòa với nhà Tiền Lê.

Câu 25. Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho lập

A. Đô sát viện. **B. Văn Miếu.** C. Quốc Tử Giám. D. Quốc sử quán.

Câu 26. Năm 1054, vua Lý Nhân Tông đổi quốc hiệu thành

A. Đại Việt. B. Đại Nam. C. Đại Ngu. D. Đại Cồ Việt.

Câu 27. Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ luật nào?

A. Hình văn **B. Hình thư.** C. Hình luật. D. Luật Hồng Đức

Câu 28. Lý Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư về Đại La, vì

A. nơi đây có sông Tô Lịch thông ra sông Hồng, nhiều phong cảnh đẹp.

B. Đại La gần với quê hương của ông (Tứ Sơn - Bắc Ninh).

C. nơi đây hội tụ những điều kiện thuận lợi để trở thành trung tâm đất nước.

D. muốn đoạn tuyệt hoàn toàn với nhà Tiền Lê.

Câu 29. Nội dung nào không phản ánh đúng chính sách phát triển nông nghiệp của nhà Lý?

A. Tổ chức cày ruộng tịch điền.

B. Cấm giết mổ trâu bò bừa bãi.

C. Đào đắp kênh mương, đắp đê phòng lụt.

D. Nghiêm cấm nhân dân khai khẩn đất hoang.

Câu 30. Trong việc duy trì mối quan hệ với các nước láng giềng, nhà Lý luôn kiên quyết

A. nhân nhượng để giữ môi trường hòa bình.

B. thần phục nhà Tống một cách tuyệt đối.

C. giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

D. tấn công quân sự ra bên ngoài để mở rộng lãnh thổ.

Câu 31. Năm 1076, nhà Lý thành lập Quốc Tử Giám để

A. biên soạn sử sách cho nhà nước.

B. thờ Không Tử.

C. ghi chép về tông thất hoàng gia.

D. dạy học cho con em quý tộc.

Câu 32. Công trình kiến trúc nào thời nhà Lý có hình dạng mô phỏng bông hoa sen nở trên mặt nước?

A. Chùa Trấn Quốc.

B. Chùa Dâu.

C. Chùa Diên Hựu.

D. Chùa Phật Tích.

Câu 33. Cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân nhà Lý đặt dưới sự lãnh đạo của

A. Lê Long Đĩnh.

B. Lý Thường Kiệt.

C. Lê Lợi.

D. Lê Hoàn

Câu 34. Cách kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt có gì độc đáo?

A. Chủ động đề nghị giảng hoà.

B. Chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng.

C. Tổng tiến công, truy kích kẻ thù đến cùng.

D. Tổ chức Hội thề Đông Quan với đại diện quân Tống.

Câu 35. Nội dung nào không phản ánh đúng âm mưu của nhà Tống khi xâm lược Đại Việt?

A. Lấy Đại Việt làm bàn đạp tấn công Chăm-pa từ phía Bắc.

B. Thỏa mãn tham vọng bành trướng lãnh thổ xuống phía Nam.

C. Tăng vị thế của nhà Tống, khiến hai nước Liêu, Hạ phải kiêng nể.

D. Đánh Đại Việt để góp phần dẹp yên mâu thuẫn trong nội bộ nước Tống.

câu 36. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã có chủ trương gì?

A. Đầu hàng nhà Tống để tránh tổn thất.

B. “Đánh chắc, tiến chắc”.

C. Thực hiện kế “vườn không nhà trống”.

D. “Tiến công trước để tự vệ”.

Câu 37. Căn cứ mạnh nhất của quân Tống, nơi quân Lý tiêu huỷ hết kho lương thực khi tiến công vào đất Tống để tự vệ là

A. Khâm Châu.

B. Ung Châu.

C. Liêm Châu.

D. Đức Châu.

Câu 38. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về để làm gì?

A. Chuẩn bị lực lượng tiến công tiếp.

B. Kêu gọi Chăm-pa cùng đánh Tống.

C. Chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc.

D. Kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã được ôn tập để làm 1 số bài tập mở rộng .

*Đối với tiết học này: các em về nhà ôn tập toàn bộ nội dung bài học

*Đối với tiết học tiếp theo: Chuẩn bị kiểm tra cuối kì 1.

Ngày soạn: 09/1/2024

Ngày dạy: 15,19,22/ 1/ 2024

TIẾT 28, 29, 30: BÀI 13: ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (1226-1400)

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Mô tả được sự thành lập nhà Trần.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá thời Trần.
- **HSKT: Biết được một vài nét về sự thành lập nhà Trần.**

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
 - + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS tinh thần đấu tranh bất khuất chống áp bức bóc lột và tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước.
- Giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên và ý thức kế thừa truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho HS.
- Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh và tư liệu về nước Đại Việt thời Trần (1226-1400).
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới thông qua trò chơi “Mảnh ghép”.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: báo cáo kết quả nhiệm vụ

- *Mảnh ghép 1:* Nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075) là

A. tích cực luyện tập quân sĩ.

B. cho quân mai phục, sẵn sàng chiến đấu.

C. chủ động thực hiện chủ trương “tiên công trước để tự vệ”.

D. chặn các ngã đường mà quân xâm lược có thể tiến vào.

- *Mảnh ghép 2:* Ý nào không phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc tấn công sang đất Tống của quân nhà Lý?

A. Phá được các kho lương thảo, vũ khí của quân Tống.

B. Đẩy kẻ thù vào thế bị động, tạo điều kiện có lợi để đánh bại khi chúng kéo sang xâm lược nước ta.

C. Thể hiện sức mạnh của quân dân Đại Việt.

D. Làm thất bại ý đồ tấn công nước ta của quân Tống.

- *Mảnh ghép 3:* Lý Thường Kiệt quyết định xây dựng phòng tuyến chống quân Tống ở bờ nam sông Như Nguyệt vì

A. sông Như Nguyệt vừa rộng và sâu nên quân giặc khó có thể vượt qua.

B. địa hình bên bờ bắc của sông Như Nguyệt không thuận lợi cho quân ta phòng ngự.

C. sông Như Nguyệt như một chiến hào tự nhiên khó có thể vượt qua.

D. sông Như Nguyệt có vị trí hiểm yếu, chặn ngang con đường bộ tiến vào Thăng Long.

- *Mảnh ghép 4:* Nét độc đáo trong cách kết thúc cuộc kháng chiến của Lý Thường Kiệt là

A. giả thua để cho quân giặc kiêu căng rồi bất ngờ phản công tiêu diệt chúng.

B. giam chân địch ở phía bờ bắc sông Như Nguyệt khiến chúng cạn kiệt gia lương thực, rệu rã tinh thần rồi bất ngờ mở trận tấn công quyết định.

C. kết hợp tấn công quân sự với vận động tâm lý để làm nhụt ý chí xâm lược của quân Tống.

D. khi địch lâm vào tình thế hết sức khó khăn, tuyệt vọng thì chủ động đề nghị giảng hoà để kết thúc chiến tranh.

* Câu hỏi về bức tranh : Em biết gì về khu đền này? (*Đền Trần (Nam Định)*): Khu di tích Đền Trần (Nam Định) là ngôi đền thờ 14 vua Trần cùng các quan lại có công phù tá. Nơi đây còn nổi tiếng với Lễ Khai ấn Đền Trần dịp đầu xuân và hội Đền Trần vào tháng Tám Âm lịch hằng năm. Trải qua chiều dài lịch sử, đến nay, Lễ Khai ấn Đền Trần không chỉ mang đậm giá trị truyền thống mà còn mang ý nghĩa giáo dục lịch sử sâu sắc, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Sự thành lập nhà Trần

a. Mục tiêu: Mô tả được sự thành lập nhà Trần.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: Nhà Trần thành lập trong hoàn cảnh nào? Thảo luận cặp đôi: Em có suy nghĩ gì về việc Nhà Trần lên thay nhà Lý trong thời điểm bấy giờ? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Sự suy yếu của nhà Lý cuối thế kỉ XII qua các biểu hiện: Chính quyền không chăm lo đời sống nhân dân, hầu hết quan lại đều lao vào ăn chơi sa đọa, không chăm lo đời sống cho nhân dân. Nhân dân đói khổ, bất mãn và nổi dậy khởi nghĩa. Các thế lực phong kiến ở các địa phương đánh giết lẫn nhau càng làm cho triều đình nhà Lý thêm suy yếu, xã hội rối loạn. “ Bấy giờ nhà vua vẫn cứ tiến hành mọi việc thổ mộc không ngừng, nghe nói ngoài kinh thành có giặc cướp, cũng giả vờ làm ngơ để bụng bít đi, chỉ ham thích của cải. Các bầy tôi (quan lại) đều bắt chước, tranh nhau bán quan buôn ngục, ngoài ra không còn nghĩ đến việc gì” “ Chính sự ngày một đổ nát, đói kém xảy ra luôn luôn. Nhân dân cùng quần khốn khổ, giặc cướp nổi lên ở nhiều nơi” (Khâm định Việt sử thông giám cương mục) - Cuối TK XII, nhà Lý suy yếu, Nhà Trần lên thay thế là tất yếu của lịch sử. Dòng họ Trần ở Nam Định lớn mạnh và phát triển cho đến ngày nay. Nay ở Nam Định nổi tiếng với lễ hội Khai ấn Đền Trần hằng năm. Lễ hội mang đậm giá trị truyền thống văn hoá giáo dục lịch sử sâu sắc. Đồng thời thể hiện đạo lí “ uống nước nhớ nguồn” của nhân dân ta..	1. Sự thành lập nhà Trần -Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu, phải dựa vào họ Trần để đánh dẹp các thế lực chống đối. Nhờ đó, họ Trần đã từng bước thâm tóm quyền hành. -Tháng 1 - 1226, Lý Chiêu Hoàng (vị vua cuối cùng của nhà Lý) buộc phải nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập. => Nhà Trần được thành lập là cần thiết trong hoàn cảnh lịch sử nước Đại Việt bấy giờ

Hoạt động 2: 2. Tình hình chính trị

a. Mục tiêu: lập được lược đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Trần.

- Nhận thức được nhà Trần đã sử dụng những biện pháp tích cực trong việc củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền của mình .

- Đánh giá được vai trò của những biện pháp củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền của nhà Trần.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV-HS		Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập:		2. Tình hình chính trị - Nhà Trần tiếp tục củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền. - Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương được tổ chức hoàn thiện hơn so với thời Lý. - Quân đội tiếp tục được hoàn thiện. Nhà Trần tiếp tục thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”. - Luật pháp: ban hành bộ <i>Quốc triều hình luật</i> . - Chính sách đối nội: Nhà Trần tăng cường quản lí các địa phương, nhất là các khu vực miền núi và biên viễn. - Chính sách đối ngoại: Hoà hiếu với các vương triều phương Bắc. Chăm-pa, Chân Lạp, Ai Lao,..., thiết lập quan hệ bang giao và buôn bán với Đại Việt.
Tình hình chính trị	Những nét chính	
Tổ chức chính quyền		
Quân đội		
Luật pháp		
Chính sách đối nội		
Chính sách đối ngoại		
B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.		
B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.		
B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.		
GV phát vấn:		
1. Sau khi lên nắm quyền, nhà Trần đã xây dựng bộ máy nhà nước ntn (vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước)? Đọc thông tin mục “ Em có biết” /63, nêu nhận xét của em về cách tổ chức bộ máy nhà nước thời Trần so với thời Lý?		
2. Về quân đội, nhà Trần thi hành chính sách gì? Em hiểu gì về chính sách này của nhà Trần? Cấm quân được tuyển chọn ra sao? Quan sát hình ảnh khắc trên tháp gốm- hình 2/ 63, em có nhận xét gì về sức mạnh quân sự thời Trần?		
3. Nhà Trần thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại ra sao? Thông tin mục ‘ Em có biết’/ 63, giúp em hiểu hơn điều gì về chính sách đối nội của nhà Trần?		
4. So sánh với bộ máy chính quyền thời Lý, em thấy có điểm gì giống và khác nhau?		
GV mở rộng: * So với thời Lý:		
Giống nhau	Khác nhau	
- Nhà nước được tổ chức theo chế độ quân chủ tập quyền (mọi quyền hành nằm trong tay vua). - Giúp việc cho vua có các quan đại thần, quan văn, quan võ.	- Thời Trần: + Thực hiện chế độ Thái Thượng Hoàng. + Đặt thêm một số cơ quan như: Quốc sử viện, Thái y viện, Tôn nhân phủ. + Cả nước chia thành 12 lộ. - Thời Lý không có các cơ quan đó.	
- GV yêu cầu HS quan sát <i>Hình 2: H2/SGK 63</i> giúp em hiểu		

điều gì?:

Hình 2. Thạp gốm có trang trí cảnh chiến binh luyện tập võ nghệ: Thạp gốm hoa nâu này được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia, tiêu biểu nhất cho kỹ thuật làm gốm thời Lý - Trần. Lịch sử nước Đại Việt thời Trần gắn liền với các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm với hào khí Đông A và lời thề “Sát Thát”... Trong bối cảnh đó, trên nhiều sản phẩm của người thợ thủ công thời Trần đã thể hiện những hình ảnh rất sinh động, phản ánh lòng yêu nước, tự hào dân tộc và tinh thần thượng võ. H. 2 trong SGK là một sản phẩm như vậy. Đó là hình ảnh một phần của chiếc bình gốm hoa nâu thời Trần. Trên đó có hình ảnh của những người chiến binh trong tay cầm khiên, cầm mác,... đang hăng say luyện tập; bên cạnh là chú voi chiến, con vật được coi như “người bạn” chiến đấu thân thiết của các tướng lĩnh và binh sĩ thời Trần,...

Hình ảnh phần nào khắc họa tinh thần thượng võ, ý chí quyết tâm kháng chiến chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân ta thời kì này.

Hoạt động 3: 3. Tình hình kinh tế, xã hội

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội thời Trần.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Nội dung										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập: <table border="1" data-bbox="165 1260 829 1480"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th>Những nét chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nông nghiệp</td><td></td></tr> <tr> <td>Thủ công nghiệp</td><td></td></tr> <tr> <td>Thương nghiệp</td><td></td></tr> <tr> <td>Xã hội</td><td></td></tr> </tbody> </table> B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV phát vấn: 1: Nêu những dẫn chứng để chứng minh nhà Trần chủ trương khuyến khích phát triển nông nghiệp? Vì sao chính sách lập điền trang của tôn thất	Nội dung	Những nét chính	Nông nghiệp		Thủ công nghiệp		Thương nghiệp		Xã hội		3. Tình hình kinh tế, xã hội a. Tình hình kinh tế * Nông nghiệp: - Biện pháp: khai hoang, đắp đê, phòng lụt, xây dựng thủy lợi, giảm tô thuế, lập điền trang... - Thành tựu: kinh tế phục hồi, phát triển, đời sống nhân dân ấm no. * Thủ công nghiệp: - Nhà nước: đóng thuyền chiến, vũ khí, đúc tiền... - Ở các làng, xã: làng nghề, phường nghề.. sản phẩm đa dạng, phong phú * Thương nghiệp: - Buôn bán tập nập ở nhiều nơi. - Cửa khẩu, cửa biển thu hút nhiều thương nhân nước ngoài: Vân Đồn, Thăng Long.. -> Kinh tế nhà Trần ngày càng phát triển,
Nội dung	Những nét chính										
Nông nghiệp											
Thủ công nghiệp											
Thương nghiệp											
Xã hội											

nhà Trần lại là biện pháp phục hồi và phát triển nông nghiệp của nhà Trần? 2: Quan sát hình ảnh 3, 4/ 64, em có nhận xét gì về sản xuất thủ công nghiệp thời Trần? 3: Sự xuất hiện thương cảng chứng tỏ điều gì? Hình ảnh 5, 6/ 65 cho em liên tưởng gì giữa hiện tại và quá khứ? 4: Đọc thông tin mục 3.b/ 65, em nhận thấy xã hội thời Trần được phân chia thành những tầng lớp nào? Mỗi tầng lớp có đặc điểm gì? GV mở rộng: Sản xuất nông nghiệp thời Trần rất phát triển, sản phẩm đa dạng, tinh xảo, thể hiện trình độ thẩm mỹ và đời sống văn hóa tinh thần phong phú của nhân dân thời Trần.	Đại Việt trở thành nước giàu mạnh b. Tình hình xã hội - Xã hội tiếp tục có sự phân hóa - Quý tộc: gồm vua, quan; có nhiều đặc quyền; giữ chức vụ chủ chốt trong bộ máy chính quyền, chủ thái ấp, điền trang. - Nhân dân lao động: cày cấy ruộng đất công làng xã, hoặc lĩnh canh ruộng đất của địa chủ. - Thợ thủ công, thương nhân: số lượng ngày càng nhiều. - Nông nô, nô tì: số lượng khá đông; cày cấy trong điền trang, phục dịch gia đình quý tộc.
---	--

Hoạt động 4: 4. Tình hình văn hoá

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nắm được một số nét đặc trưng về văn hoá, giáo dục, tư tưởng tôn giáo, KHKT, VHNT của nhân dân ta thời Trần.
- Nhận thức được sâu sắc vẻ đẹp văn hoá, phong tục tập quán của nhân dân Đại Việt.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: + Giới thiệu những nét chính về tư tưởng tôn giáo thời Trần? Em biết gì về vị phật hoàng Trần Nhân Tông, phái thiền Trúc Lâm Yên Tử? + Về KHKT thời Trần đã đạt được những thành tựu tiêu biểu nào? Giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu đó? + Khái quát thành tựu văn học thời Trần? Trong thời kì này còn xuất hiện những thành tựu kiến trúc, điêu khắc nào? * Thảo luận cặp đôi: + Từ đó nêu nhận xét về tư tưởng, thành tựu VHNT thời Trần so với thời Lý? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.	4. Tình hình văn hoá SGK/65,66,67.

GV mở rộng: Gv mở rộng thêm:

- Thượng Hoàng Trần Nhân Tông: Là vị tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm. Sau khi ông qua đời 2 vị thiền sư là Pháp Loa và Huyền Quang tiếp tục sự nghiệp gọi là Trúc Lâm Tam Tổ.

- Theo sử sách ghi lại, vào năm 1308, Kim Phật Trần Nhân Tông băng hà ở am Ngọa Vân trên ngọn Tử Phong – Yên Tử (theo Đại Việt Sử Ký toàn thư, kỷ Anh Tông). Sau đó ít lâu, con ngài là vua Anh Tông đã đem 7 trong số 21 hạt xá lợi đặt trong cỗ kiệu bát cống bằng đá rồi xây tháp Phổ Minh lên trên. Tháp Phổ Minh được xây dựng hình vuông, gồm 14 tầng, cao 19,5 m. Hai tầng dưới làm bằng đá mỗi chiều dài 5,2 m. Các tầng còn lại xây bằng gạch bát mạch để trần. Mỗi đầu viên gạch có dòng chữ “Hưng – Long thập tam niên” và khắc họa con rồng nổi thời Trần. Sau đó, một thương nhân giàu có đã bỏ tiền trát vữa lên các mặt tháp. Tháp nằm ngay trước cửa Tam Bảo. Dưới chân tháp còn có những dấu mốc bằng đá. Xưa kia sân chùa có đặt một chiếc vạc đồng rất lớn được xếp vào An Nam Tứ Đại Khí (gồm tháp Báo Thiên, tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, Vạc Phổ Minh, chuông Quy Điền). Những dấu mốc bằng đá này chính là dấu còn sót của những chân đỡ của chiếc vạc. Sau đó quân Minh xâm lược đã phá cả tứ đại khí của nước ta với âm mưu làm mất sử sách và những công trình văn hóa để đồng hóa dân ta.

Gv nhấn mạnh: Tình hình văn hóa, giáo dục, khoa học, nghệ thuật thời Trần phát triển mạnh mẽ hơn thời Lý. Đã đạt được nhiều thành tựu về các lĩnh vực

- Có sự phát triển trên là do các chính sách quan tâm của nhà Trần trên tất cả các mặt, tạo điều kiện cho văn hóa, giáo dục, khoa học, nghệ thuật phát triển.

=> Chứng tỏ Đại Việt dưới thời Trần là một quốc gia cường thịnh.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, trong quá trình làm việc có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè.

1. Vị vua Lý nào nhường ngôi cho Trần Cảnh, mở ra triều đại nhà Trần?

A. Lý Anh Tông. B. Lý Cao Tông. C. Lý Chiêu Hoàng. D. Lý Huệ Tông.

2. Nhà Trần thay nhà Lý có ý nghĩa như thế nào?

A. Củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền vững mạnh.

B. Tạo điều kiện cho nền quân chủ phát triển vững mạnh.

C. Làm cho chế độ phong kiến suy sụp.

D. Chứng tỏ nhà Trần mạnh hơn nhà Lý

3. Điểm giống nhau về tổ chức quân đội thời Lý với thời Trần là

A. thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”.

B. thực hiện nền quốc phòng toàn dân.

C. xây dựng theo hướng “đông đảo, tinh nhuệ”.

D. xây dựng theo hướng “cốt tinh nhuệ, không cốt đông”.

4. Ý nào không phản ánh đúng những chủ trương, biện pháp để phục hồi và phát triển kinh tế của nhà Trần?

A. Tích cực khai hoang, giảm tô thuế cho nhân dân.

B. Đắp đê phòng lụt, xây dựng các công trình thủy lợi.

C. Lập điền trang.

D. Cày ruộng tịch điền.

5. Các chức quan trông coi về nông nghiệp thời Trần là

A. Thái y viện, Quốc sử viện.

B. Hà đê sứ, Khuyển nông sứ.

C. Đồn điền sứ, Hà đê sứ, Khuyển nông sứ.

D. Khuyển nông sứ, Tôn nhân phủ.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1. - Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi, GV kiểm tra ở tiết sau.

Bài tập 2/67: Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết sự thành lập triều Trần thay thế cho triều Lý vào đầu thế kỉ XIII có phù hợp với yêu cầu lịch sử không? Vì sao?

Bài tập 3/67: Tìm hiểu thêm từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu (khoảng 7 – 10 câu) về một thành tựu văn hóa Đại Việt thời Trần còn được bảo tồn và phát huy giá trị đến ngày nay.

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.

- Xem trước bài 14: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên.

- Suru tâm tư liệu về Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 14/1/2023

Ngày dạy: // 2023

TIẾT 31, 32, 33, 34: BÀI 14: BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...
- HSKT:

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
 - + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.
 - + Biết phân tích, so sánh, đối chiếu diễn biến giữa ba lần kháng chiến.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS tinh thần đấu tranh bất khuất chống áp bức bóc lột và tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước. Nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.
- Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc trước nguy cơ bị xâm lược.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...
- Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh và tư liệu về ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Lược đồ ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Suru tìm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được đó là nhận biết được là hình ảnh tượng đài Trần Hưng Đạo qua xem tranh, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới thông qua trò chơi “Mảnh ghép”.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

- *Mảnh ghép 1:* Vị vua Lý nào nhường ngôi cho Trần Cảnh, mở ra triều đại nhà Trần?

A. Lý Anh Tông. B. Lý Cao Tông. C. **Lý Chiêu Hoàng.** D. Lý Huệ Tông.

- *Mảnh ghép 2:* Nhà Trần thay nhà Lý có ý nghĩa như thế nào?

A. **Củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền vững mạnh.**

B. Tạo điều kiện cho nền quân chủ phát triển vững mạnh.

C. Làm cho chế độ phong kiến suy sụp.

D. Chứng tỏ nhà Trần mạnh hơn nhà Lý

- *Mảnh ghép 3:* Điểm giống nhau về tổ chức quân đội thời Lý với thời Trần là

A. **thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”.**

B. thực hiện nền quốc phòng toàn dân.

C. xây dựng theo hướng “đông đảo, tinh nhuệ”.

D. xây dựng theo hướng “cốt tinh nhuệ, không cốt đông”.

- *Mảnh ghép 4:* Các chức quan trông coi về nông nghiệp thời Trần là

A. Thái y viện, Quốc sử viện.

B. Hà đê sứ, Khuyến nông sứ.

C. **Đồn điền sứ, Hà đê sứ, Khuyến nông sứ.**

D. Khuyến nông sứ, Tôn nhân phủ.

* Câu hỏi về bức: *Đây là vị anh hùng có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên? Em biết gì về vị anh hùng này?* (Tượng đài Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo (Khu di tích Bạch Đằng Giang Hải Phòng): Đây là một trong ba tượng đài của ba vị anh hùng dân tộc: Ngô Quyền, Lê Đại Hành và Trần Hưng Đạo được dựng tại Quảng trường Chiến thắng, Khu di tích Bạch Đằng Giang. Quảng trường được xây nổi trên sông Bạch Đằng với diện tích 2 000 m². Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn trong dáng vẻ khoan thai, tay phải giữ *Binh thư yếu lược*, tay trái nắm chắc chuôi guom, dáng hiên ngang trong tư thế: “Năm nay đánh giặc nhàn”,... Ngài đã để lại *Binh thư yếu lược*, *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*, *Hịch tướng sĩ*,... đúc kết những kinh nghiệm, truyền thống, nghệ thuật quân sự đánh giặc của tổ tiên ta. Ngài đã từng căn dặn lại những người cầm quân, cầm quyền, với giặc phương Bắc cần “giặc cậy trường trận la dùng đoán binh”, với dân phải “khoan thư sức dân để lam kế sâu rễ bền gốc”, với việc giữ nước phải “chúng chí thanh thành” nghĩa là ý chí đoàn kết của dân chúng là thành

trì vững bền nhất,...)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258

a. Mục tiêu: - Lập được lược đồ diễn biến lần thứ nhất kháng chiến của nhà Trần chống quân xâm lược Mông Cổ.

- Nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.

- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thái Tông và Trần Thủ Độ...

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 và quan sát Hình 1. Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Mông cổ năm 1258 * Thảo luận cặp đôi: 1. Khi được tin quân Mông Cổ xâm lược nước ta, vua Trần đã làm gì? 2. Trình bày những nét chính của cuộc kháng chống quân Mông Cổ năm 1258? 3. Vì sao quân ta đánh bại quân Mông Cổ? * Phát vấn: Câu nói của Trần Thủ Độ trong tư liệu 1 thể hiện điều gì về tinh thần đánh giặc của quân dân nhà Trần? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Khái quát về sự hình thành và phát triển của đế chế Mông Cổ: Thế kỉ XIII, các bộ lạc du mục bước vào giai đoạn thống nhất, dần hình thành đế quốc Mông Cổ. Ngay trong quá trình thống nhất, Mông Cổ đã tổ chức các đạo quân xâm lược, không ngừng bành trướng lãnh thổ. Phạm vi thống trị của đế quốc Mông – Nguyên kéo dài từ bờ Địa Trng Hải đến Thái Bình Dương bao gồm các quốc gia bị đô hộ. Đại Việt đứng trước nguy cơ vị quân Mông – Nguyên xâm lược là điều không thể tránh khỏi.	1. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258 * Sự chuẩn bị của nhà Trần - Chủ động đề ra kế hoạch đối phó: tăng cường phòng thủ ở biên giới, chuẩn bị lực lượng, vũ khí... * Diễn biến - Tháng 1/1258, 3 vạn quân Mông Cổ tiến vào nước ta theo đường sông Thao qua Bạch Hạc đến Bình Lệ Nguyên và bị chặn lại, sau đó tiến vào Thăng Long. - Ta thực hiện kế sách “vườn không nhà trống” đẩy giặc vào tình thế khó khăn - Ta mở cuộc phản công lớn ở Đông Bộ Đầu, quân Mông Cổ rút khỏi Thăng Long, chạy về nước. → Kq: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258 kết thúc thắng lợi. * Nguyên nhân thắng lợi: - Sự chuẩn bị chu đáo của nhà Trần - Có chiến thuật đúng đắn, sáng

- Trước khi tiến vào Đại Việt, quân Mông Cổ đã ba lần cử sứ giả đến Thăng Long. Tuy nhiên, cả ba lần sứ giả đi đều không quay trở về. Điều này chứng tỏ tinh thần quyết không đầu hàng của quân dân nhà Trần.	tạo - Quân dân có quyết tâm đánh giặc
---	--

Hoạt động 2: 2. Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285

a. Mục tiêu: - Lập được lược đồ diễn biến lần thứ 2 kháng chiến của nhà Trần chống quân xâm lược Nguyên.

- Nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.

- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Nhân Tông và Trần Quốc Tuấn...

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 và quan sát Hình 2. Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Mông cổ năm 1285. * Thảo luận nhóm: 1. Hốt Tốt Liệt chủ trương xâm lược Chăm-pa và Đại Việt để làm gì? Tại sao quân Nguyên đánh Chăm-pa trước Đại Việt? 2. Nhà Trần đã chuẩn bị cho cuộc kháng chiến như thế nào? 3. Trình bày tóm tắt những nét chính về diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 trên lược đồ? 4. Khai thác tư liệu 2,3 và chỉ ra điểm chung trong tinh thần chiến đấu của vua tôi nhà Trần? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Mục đích xâm lược Chăm-pa và Đại Việt của nhà Nguyên là nhằm mở rộng phạm vi thống trị, đô hộ và thôn tính các nước khác. Nhà Nguyên đánh Chăm-pa trước là để thực hiện kế hoạch “gọng kìm”, nhanh chóng đánh bại Đại Việt. - Tư liệu 2,3 đều cho thấy điểm chung về tinh thần chiến đấu của vua tôi nhà Trần, hành động các tướng sĩ tự thích vào cánh tay hai chữ “Sát	2. Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 - Năm 1279, sau khi thôn tính toàn bộ Trung Quốc, nhà Nguyên ráo riết chuẩn bị xâm lược Đại Việt. - Vua Trần triệu tập hội nghị Bình Than, hội nghị Diên Hồng để bàn kế đánh giặc. Trần Hưng Đạo được cử làm tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến. - 1/1285: hơn 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy tràn vào xâm lược Đại Việt. Trần Quốc Tuấn cho lui quân về đóng ở Vạn Kiếp. - Quân ta: Thực hiện kế sách “vườn không nhà trống”, rút từ Thăng Long về Thiên Trường. - Phá vỡ kế hoạch hội quân của Toa Đô và Thoát Hoan tại Thiên Trường → Quân Nguyên rút về Thăng Long chờ tiếp viện. - 5/1285: Quân Trần tổ chức phản công, đánh bại giặc ở nhiều nơi và tiến quân giải phóng Thăng Long. - Quân giặc rút chạy về nước → Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi. * Điểm chung trong tinh thần chiến đấu của vua tôi nhà Trần

Thất"...Trong bối cảnh cực kì khó khăn của cuộc kháng chiến lần thứ hai, chính tinh thần quyết tâm, đồng lòng đánh giặc của cả triều đình và quân dân Đại Việt đã trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi vẻ vang của quân dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến này. Và thắng lợi của cuộc kháng chiến là một tất yếu.	- Đoàn kết, đồng lòng, quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. - Tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất, quyết không khoan nhượng. - Sự dũng cảm, gan dạ, ý chí sắt đá và lòng tự tôn, tự chủ mạnh mẽ.
---	--

Hoạt động 3: 3. Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288

a. Mục tiêu: - Lập được lược đồ diễn biến lần thứ 3 kháng chiến của nhà Trần chống quân xâm lược Nguyên.

- Nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.

- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Nhân Tông và Trần Quốc Tuấn...

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 3 và quan sát Hình 3. Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Mông cổ năm 1287- 1288. * Phát vấn: 1. Vì sao ta lại chọn sông Bạch Đằng làm nơi mai phục? * Thảo luận nhóm: + Trình bày tóm tắt diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288 trên lược đồ? * Thảo luận cặp đôi: Cách đánh giặc của nhà Trần trong cuộc kháng chiến lần thứ ba có gì giống và khác so với lần thứ hai? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Cách đánh giặc của nhà Trần lần thứ ba giống với cách đánh lần thứ hai ở chỗ: tránh thế giặc mạnh lúc đầu, chủ động vừa chặn giặc vừa rút lui để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ để phản công tiêu diệt, thực hiện kế hoạch	3. Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288 - Cuối năm 1287, quân Nguyên ồ ạt tiến vào nước ta → Bị quân dân nhà Trần chặn đường tiến quân đến Thăng Long. - Trần Khánh Dư chỉ huy quân phục kích đoàn thuyền quân của địch và giành thắng lợi. - Đầu năm 1288: quân Nguyên chiếm Thăng Long, trùng kế "vườn không nhà trống". - Thoát Hoa kéo quân sang Vạn Kiếp, theo hai đường thủy - bộ về nước. - Nhà Trần tổ chức phản công, Trần Quốc Tuấn chỉ huy bố trí trận địa mai phục tại cửa sông Bạch Đằng. + Đầu 4/1288: đoàn thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy tiến gần khu vực sông Bạch Đằng, bị tấn công bất ngờ → Rút theo đường dẫn đến bãi cọc. + Quân địch lọt vào trận địa mai phục bị quân ta đổ ra đánh quyết liệt → Thuyền địch tháo chạy, liên tiếp bị

“vườn không nhà trồng”. Điểm khác: Cách đánh lần này tập trung tiêu diệt đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ để quân Mông – Nguyên không có lương thảo nuôi quân, dồn chúng vào thế bị động khó khăn, chủ động bố trí trận địa bãi cọc ở sông Bạch Đằng để tiêu diệt đoàn thuyền chiến của giặc và đánh sập ý đồ xâm lược của nhà Nguyên đối với nước ta.	vỡ, đắm, mắc kẹt. + Quân ta thực hiện kế hoả công → Quân Nguyên bị tiêu diệt, Ô Mã Nhi bị bắt sống. - Trận Bạch Đằng đại thắng. Cánh quân bộ trên đường rút lui cũng bị quân dân nhà Trần đánh cho tan tác. Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288 kết thúc thắng lợi.
---	---

Hoạt động 4: 4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên

a. Mục tiêu: Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm: + Nhóm 1,2: Phân tích nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên? Nguyên nhân nào là nguyên nhân quan trọng nhất? + Nhóm 3,4: Nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên? + Nhóm 5,6: Nêu bài học kinh nghiệm quý giá của cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm đọc SGK, quan sát tranh, thực hiện yêu cầu. GV theo dõi, hỗ trợ. GV có thể định hướng thêm bằng 1 số câu hỏi liên quan để tìm ra kiến thức. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV chọn 1 nhóm để trình bày, các nhóm khác phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS đánh giá, bổ sung. GV nhận xét, chốt ý, chuẩn kiến thức.	4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên - Nguyên nhân thắng lợi: sgk - Ý nghĩa lịch sử: sgk

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, trong quá trình làm việc có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè.

A. Trắc nghiệm

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.
- Xem trước bài 15: Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407).
- Suru tầm tư liệu về Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407).

Ngày soạn: 14/3/2024

Tiết 35, 36: Bài 15: NƯỚC ĐẠI NGU THỜI HỒ (1400 – 1407)

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.
- Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.
- Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh.
- Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
 - + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.
 - + Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về nước Đại Ngu thời Hồ.
 - + Vận dụng hiểu biết về nước Đại Ngu thời Hồ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Tự hào và trân trọng về những giá trị của lịch sử dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước.
- Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy và quảng bá lịch sử văn hoá Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh và tư liệu về nước Đại Ngu thời Hồ.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua trò chơi, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3:

- *Mảnh ghép 1:* Năm 1258, khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long, quân dân nhà Trần đã làm gì?

A. Thi hành kế sách “vườn không nhà trống”.

B. Quyết tâm chiến đấu để bảo vệ kinh thành.

C. Thực hiện chiến thuật đánh du kích.

D. Thực hiện kế sách tạm hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng.

- *Mảnh ghép 2:* Nhân tố quan trọng nhất để xây dựng khối đoàn kết giữa triều đình với nhân dân là gì?

A. Nhà Trần chăm lo sức dân, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của toàn dân.

B. Nhà Trần chủ động giải quyết những bất hoà trong nội bộ vương triều.

C. Nhà Trần chuẩn bị chu đáo về mọi mặt cho cuộc kháng chiến.

D. Quân và dân nhà Trần có tinh thần quyết chiến quyết thắng.

- *Mảnh ghép 3:* Nhà Trần khi thực hiện kế sách “vườn không nhà trống” không nhằm mục đích nào sau đây?

A. Tránh sức mạnh ban đầu của quân Mông Cổ.

B. Khoét sâu vào điểm yếu của quân Mông Cổ.

C. Củng cố lực lượng chờ phản công.

D. Đánh nhanh thắng nhanh.

- *Mảnh ghép 4:* “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng. Liên hệ với kiến thức môn Ngữ văn và cho biết đoạn trích trên thuộc tác phẩm nào?

A. Bình thư yếu lược.

B. Bình Ngô đại cáo.

C. Hịch tướng sĩ.

D. Bạch Đằng giang phú.

* Câu hỏi về bức tranh: Đây là Kinh thành của 1 triều đại phong kiến nước ta nằm ở Thanh Hoá? Em biết gì về kinh thành này? (Thành nhà Hồ hiện nay nằm trên hai xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Long (Vĩnh Lộc, Thanh Hoá. Đây là công trình kiến trúc bằng đá độc đáo được Hồ Quý Ly cho xây dựng vào năm 1397 nhằm chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Minh lâu dài, còn được gọi là Tây Đô (hay Tiễn Giai) để phân biệt với Đông Đô (Thăng Long - Hà Nội). Xây xong thành, Hồ Quý Ly đã dời đô từ Thăng Long về Tây Đô. Toàn bộ tường thành và bốn cổng chính được xây dựng bằng những phiến đá vôi xanh; được đục đẽo tinh xảo, vuông vức, xếp chồng khít lên nhau mà không cần chất dính vữa đảm bảo độ bền vững. Qua hơn 600 năm cùng những biến cố thăng trầm của lịch sử và tác động của thời tiết, hệ thống tường thành còn khá nguyên vẹn.)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Sự thành lập nhà Hồ

a. Mục tiêu: Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: - GV yêu cầu HS đọc nội dung thông tin mục 1 Sự thành lập nhà Hồ Sgk trang 74 trả lời câu hỏi : + <i>Nêu hiểu biết của em về Hồ Quý Ly ?</i> * Thảo luận cặp đôi + <i>Nhà Hồ được thành lập như thế nào ? Từ hình 1, em hãy nhận xét về thành nhà Hồ?</i> + <i>Tại sao Hồ Quý Ly xây dựng kinh đô ở Thanh Hóa?</i> B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Thời nhà Trần ngày càng suy yếu, quý tộc Trần có xu hướng ăn chơi, hưởng lạc, tăng cường bóc lột nhân dân, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra, Chăm-pa tấn công ra Đại Việt, xâm chiếm và đốt phá kinh thành Thăng Long. + Giáo viên giới thiệu về nhân vật Chu Văn An: là vị quan thanh liêm, cương trực, từng dân số chém 7 gian thần nhưng không được chấp nhận. Ông liên từ quan về quê ở ẩn và dạy học ở Chí Linh (Hải Dương).	1. Sự thành lập nhà Hồ - Cuối thế kỉ XIV nhà Trần suy yếu, tầng lớp quý tộc ăn chơi hưởng lạc . - Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần phải nhường ngôi, lập ra nhà Hồ, đặt tên nước là Đại Ngu .

Hoạt động 2: 2. Một số nội dung và tác động của những cải cách của Hồ Quý Ly

a. Mục tiêu: Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Hoạt động nhóm: - <i>Nhóm 1,2 : Trình bày cải cách của Hồ Quý Ly về chính trị, quân sự?</i> - <i>Nhóm 3,4: Trình bày cải cách của Hồ Quý Ly về kinh tế, xã hội?</i> - <i>Nhóm 5,6: Trình bày cải cách của Hồ Quý Ly về văn hóa giáo dục ?</i>	2. Một số nội dung và tác động của những cải cách của Hồ Quý Ly a. Nội dung: SGK b. Tác động: - Ưu điểm: Có nhiều điểm tiến bộ, góp phần củng cố quyền lực của chính quyền

* Phát vấn: Đánh giá tác động cải cách của Hồ Quý Ly? * Thảo luận cặp đôi: + Em hãy cho biết sự khác nhau giữa tiền giấy và tiền đồng. Liên hệ và cho biết ở Việt Nam đang lưu hành phổ biến loại tiền nào? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK , thảo luận thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận - Gv gọi đại diện nhóm báo cáo - Đại diện các nhóm trình bày, hs các nhóm khác nhận xét, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Gv phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. - GV chuẩn xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV mở rộng: Nguyên liệu tạo ra tiền giấy rẻ hơn tiền đồng, tiền giấy không bị oxi hóa như tiền đồng nhất là trong điều kiện thời tiết như ở nước ta... hiện nay nước ta đang lưu hành phổ biến tiền giấy vì tiền giấy có nhiều ưu điểm hơn tiền đồng.	trung ương, giảm bớt thể lực tầng lớp quý tộc, tăng cường tiềm lực kinh tế đất nước và phát triển văn hoá dân tộc. - Hạn chế: Những cải cách đó vẫn còn chưa triệt để (như chính sách hạn nô) và kết quả trong thực tế còn hạn chế.
--	---

Hoạt động 3: 3. Kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ

a. Mục tiêu: Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh. Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: - Vì sao quân Minh xâm lược nước ta, có phải quân Minh xâm lược nước ta ? - Dùng lược đồ mô tả cuộc xâm lược của quân Minh và cuộc kháng chiến của nhà Hồ ? - Vì sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại nhanh chóng ? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng:	3 Kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ: - Quân Minh mượn cớ khôi phục lại nhà Trần để xâm lược nước ta. - 1-1407 quân Minh chiếm Đông Đô. - 4-1407 quân Minh chiếm Tây Đô. - 6-1407 cha con Hồ Quý Ly bị bắt, cuộc kháng chiến thất bại. - Nguyên nhân thất bại:

Nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến nhà Hồ: + Nhà Hồ quá chú trọng vào việc xây dựng các phòng tuyến quân sự và lực lượng quân đội chính quy nên tự giam mình trong thế trận phòng ngự bị động. + Chưa huy động được sức dân, lòng dân. * Bài học kinh nghiệm: Phải huy động được tinh thần đoàn kết toàn dân mới có thể đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.	+ Nhà Hồ quá chú trọng vào việc xây dựng các phòng tuyến quân sự và lực lượng quân đội chính quy nên tự “giam mình” trong thế trận phòng ngự bị động. + Chưa kế thừa được truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta là chiến tranh nhân dân.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện

A. Trắc nghiệm

1. Vương triều Hồ được thành lập là do

A. vua Trần nhường ngôi cho Hồ Quý Ly.

B. Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi.

C. nhà Minh yêu cầu nhà Trần truyền ngôi cho nhà Hồ.

D. quý tộc Trần suy tôn Hồ Quý Ly lên ngôi.

2. Vì sao Hồ Quý Ly lại tiến hành cải cách toàn diện đất nước?

A. Muốn xoá bỏ mọi chính sách của nhà Trần.

B. Muốn gây thanh thế cho mình.

C. Xã hội Đại Việt lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc, tình hình rối ren, nhân dân bất bình.

D. Muốn biến Đại Việt trở thành nước hùng mạnh nhất khu vực thời bấy giờ.

3. Hồ Quý Ly tiến hành cải cách trong các lĩnh vực nào?

A. Chính trị, quân sự.

C. Văn hoá, giáo dục.

B. Kinh tế, xã hội.

D. Cải cách toàn diện.

4. Để tăng cường sức mạnh quân sự, nhà Hồ đã thực hiện biện pháp gì?

A. Cải cách chế độ học tập, thi cử để chọn người tài.

B. Thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô.

C. Lập lại kỉ cương, cải tổ quy chế quan lại.

D. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy, xây dựng nhiều thành lũy.

5. Hồ Quý Ly cho phát hành loại tiền giấy đầu tiên là

A. Thông bảo hội sao.

C. Thuận Thiên thông bảo.

B. Thông bảo.

D. Thánh Nguyên thông bảo

B. Tự luận:

1. Theo em, đường lối kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh có gì khác so với đường lối kháng chiến của nhà Trần trong ba lần chống quân Mông – Nguyên?

*** Sản phẩm dự kiến:**

Nhà Trần	Nhà Hồ
Biết dựa vào sức mạnh toàn dân, đoàn kết dân tộc, vua tôi nhà Trần trên dưới một lòng kiên quyết kháng chiến chống quân xâm lược. Thực hiện kế sách "vườn không nhà trống" vừa đánh, vừa rút lui để bảo toàn lực lượng, khi có thời cơ thì tổng phản công giành thắng lợi quyết định.	Không biết dựa vào nhân dân, đoàn kết tập hợp nhân dân để chống giặc mà chỉ chiến đấu đơn độc, không kế thừa được bài học kinh nghiệm của cha ông đi trước.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi và GV kiểm tra ở tiết sau.

Bài tập 3/76: Từ sự thất bại của cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc?

*** Sản phẩm dự kiến:** Bài học lớn nhất mà nhà Hồ để lại cho công cuộc xây dựng Tổ quốc đó chính là “bài học về lòng dân”

+ Phải lấy đoàn kết toàn dân làm sức mạnh, dựa vào dân mà đánh giặc.

+ Phải giải quyết vấn đề lục đục trong nội bộ, đừng để nó là điểm yếu dẫn đến những kết quả không mong muốn.

+ Khi đánh giặc mạnh không nên đương đầu trực tiếp với giặc sẽ làm hao mòn lực lượng của ta và không rút lui cố thủ mà bảo toàn lực lượng chờ thời cơ phản công)

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.

- Xem trước bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427).

- Suy tầm tư liệu về Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427).

- Trình bày một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,..

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức.

Sau khi học xong bài học này, học sinh sẽ:

- Đánh giá sơ lược quá trình học tập của các em ở chương 5.
- Giúp học sinh hệ thống các kiến thức đã học ở chương 5:
- + Thống kê về một số thành tựu chính trên các lĩnh vực thời Trần. Hoàn thành bảng theo mẫu về ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

2. Năng lực.

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt:
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân tích, nhận xét lịch sử.
- + Khai thác và sử dụng thông tin sách giáo khoa lịch sử dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- + Hệ thống hóa được nội dung kiến thức đã học trong chương 4 và chương 5.
- + Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành câu hỏi và bài tập.

3. Phẩm chất.

- Giáo dục tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, kính yêu những con người đã xả thân vì đất nước.
- Trách nhiệm, trung thực, tự chủ, tự tin.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên.

- + Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần 1,2,3.
- + Một số tư liệu có liên quan về nhà Trần.

2. Học sinh.

- + Ôn lại kiến thức ở chương 5.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC.

A. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Giúp khơi gợi tính tò mò của - Học sinh. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên hỏi: Kể tên những thành tựu về tư tưởng – tôn giáo, giáo dục, văn học nghệ thuật, khoa học – kỹ thuật thời Trần mà em biết?
- Dựa vào câu trả lời của học sinh. Giáo viên giới thiệu bài mới: Nước ta từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI đã trải qua nhiều biến cố lịch sử lớn: Khôi phục nền độc lập, thống nhất đất nước, đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ và xây dựng đất nước đưa nước ta phát triển lên một tầm mới... Chúng ta sẽ cùng ôn lại những trang sử vẻ vang và rất đáng tự hào đó qua bài học hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Đại Việt thời Trần(1226-1400). Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên.

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hệ thống lại các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là Đại Việt thời Trần(1226-1400). Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên.

b. Nội dung: Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.

c. Sản phẩm: Thống kê về một số thành tựu chính trên các lĩnh vực thời Trần. Hoàn thành bảng theo mẫu về ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

d. Tổ chức thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS				Nội dung		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập. - Học sinh xem lại bài 13,14 và trả lời các câu hỏi sau: Câu 1: Lập và hoàn thành bảng thống kê về một số thành tựu chính của nhà Trần trên các lĩnh vực theo mẫu dưới đây?				Câu 1:		
				Lĩnh vực	Thành tựu	Ý nghĩa
				Câu 2: Hãy lập và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây về ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên?		
				Cuộc kháng chiến	Kế hoạch kháng chiến của nhà Trần	Những chiến thắng tiêu biểu
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - học sinh đọc SGK và thực hiện yêu cầu. Giáo viên khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.						
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi.						

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn mình. Giáo viên bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

	- Quân sự: có các tác phẩm như Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư của Trần Quốc Toản. - Y học: thầy thuốc Tuệ Tĩnh - chuyên nghiên cứu và viết sách về cây thuốc nam.	thuật với tiến trình lịch sử.
Văn học	- Văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm rất phát triển. + Văn học chữ Hán: phản ánh âm hưởng hào hùng của cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, lòng yêu nước và tự hào dân tộc, ngợi ca cảnh thái bình thịnh trị. + Văn học chữ Nôm: phản ánh cuộc sống bình dân với những tác giả nổi tiếng như Nguyễn Thuyên, Trần Nhân Tông, Chu Văn An,...	- Thể hiện ý thức dân tộc cao khi sử dụng ngôn ngữ riêng của đất nước mình để sáng tác các tác phẩm văn học. - Làm cho nền văn học dân tộc ngày càng phát triển phong phú, đa dạng hơn.
Nghệ thuật	Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thể hiện rõ nét trong các công trình xây dựng: kinh đô	Thể hiện và phát huy bản sắc dân tộc, góp phần gìn giữ, lưu truyền cho các thế hệ sau.

	Thăng Long, thành Tây Đô,...		
Câu 2:			
Cuộc kháng chiến	Kế hoạch kháng chiến của nhà Trần	Những chiến thắng tiêu biểu	Kết quả
Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258	Thi hành kế sách “vườn không nhà trống”.	Chiến thắng Đông Bộ Đầu.	Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.
Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1285	Thực hiện kế sách "vườn không nhà trống".	- Phá vỡ kế hoạch hội quân của Toa Đô và Thoát Hoan tại Thiên Trường. - Phản công giải phóng Thăng Long.	- Quân giặc rút chạy về nước. - Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.
Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1287- 1288	Tiếp tục sử dụng kế “vườn không nhà trống”. - Bố trí trận địa mai phục tại cửa sông Bạch Đằng. - Thực hiện kế hoả công.	Chiến thắng Bạch Đằng.	Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

C. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng (trắc nghiệm).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng (trắc nghiệm).

Câu 1: Công lao to lớn của Ngô Quyền là?

A. Đặt nền móng xây dựng chính quyền độc lập.

B. Thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

C. Châm dứt loạn 2 sứ quân.

D. Đánh tan quân xâm lược.

Câu 2: Đinh Tiên Hoàng lên ngôi vua đặt tên nước là gì? Đóng đô ở đâu?

A. Đại Việt. Ở Hoa Lư.

B. Đại Cồ Việt. Ở Hoa Lư.

C. Đại Cồ Việt. Ở Cổ Loa.

D. Đại Việt. Ở Đại La.

Câu 3: Lý Công Uẩn dời đô về Đại La vì?

A. Đây là quê hương của vua Lý.

B. Đây là vị trí thuận lợi để phát triển đất nước.

C. Đây là vị trí phòng thủ.

D. Được sự nhất trí cao của các quan lại trong triều.

Câu 4: Lý Thường Kiệt chủ động kết thúc chiến tranh bằng giảng hòa vì?

A. Do quân ta yếu thế hơn giặc.

B. Thể hiện tinh thần nhân đạo của dân tộc ta.

C. Giữ mối quan hệ bang giao giữa hai nước.

D. Để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc.

Câu 5: Điểm giống nhau về cơ cấu tổ chức bộ máy quan lại thời Trần với thời Lý?

A. Nhà nước tổ chức theo chế độ quân chủ tập quyền.

B. Đứng đầu nhà nước là vua và Thái thượng hoàng.

C. Đều có chức Hà đê sứ.

D. Giúp việc cho vua có quan đại thần, quan văn, quan võ.

Câu 6: Việc nhà Trần khôi phục và phát triển kinh tế có tác dụng như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước?

A. Đất nước đổi mới.

B. Quân đội và lực lượng quốc phòng phát triển.

C. Kinh tế nhanh chóng phục hồi, nhân dân tin tưởng vào nhà nước thời Trần.

D. Làm giàu cho vua, quan lại và địa chủ.

D. Hoạt động vận dụng.

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung: Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Tìm hiểu thêm từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu (khoảng 7-10) câu về một thành tựu văn hoá Đại Việt thời Trần còn được bảo tồn và phát huy giá trị đến ngày nay.

c. Sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà thực hiện.
 - ❖ Học sinh làm bài tập đầy đủ, ôn tập theo hướng dẫn của giáo viên. Chuẩn bị tiết sau kiểm tra giữa kì II.
-

Ngày soạn: 7/4/2024

Tiết 39,40, 41,42 Bài 16: KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

Thời gian thực hiện: 4 tiết

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
 - + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.
 - + Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về khởi nghĩa Lam Sơn.
 - + Vận dụng hiểu biết về khởi nghĩa Lam Sơn để thuyết trình về chiến lược chiến tranh nhân dân trong lịch sử dân tộc.

3. Phẩm chất

- Tự hào và trân trọng về truyền thống đánh giặc cứu nước để bảo vệ nền độc lập dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước.
- Có trách nhiệm gìn giữ và phát huy truyền thống lịch sử văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh và tư liệu, lược đồ về khởi nghĩa Lam Sơn.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua trò chơi Mảnh ghép, từ đó kích thích sự tò mò, hứng thú của học sinh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ

- *Mảnh ghép 1:* Vương triều Hồ được thành lập là do

A. vua Trần nhường ngôi cho Hồ Quý Ly.

B. Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi.

C. nhà Minh yêu cầu nhà Trần truyền ngôi cho nhà Hồ.

D. quý tộc Trần suy tôn Hồ Quý Ly lên ngôi.

- *Mảnh ghép 2:* Để tăng cường sức mạnh quân sự, nhà Hồ đã thực hiện biện pháp gì?

A. Cải cách chế độ học tập, thi cử để chọn người tài.

B. Thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô.

C. Lập lại kỉ cương, cải tổ quy chế quan lại.

D. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy, xây dựng nhiều thành lũy.

- *Mảnh ghép 3:* Quân Minh lấy cớ nào để tiến hành xâm lược Đại Việt?

A. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần.

B. Quý tộc Trần cầu cứu nhà Minh giúp đỡ.

C. Nhà Hồ không thực hiện chế độ triều cống nhà Minh.

D. Quân đội nhà Hồ quấy nhiễu biên giới phía Nam.

- *Mảnh ghép 4:* Nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ là gì?

A. Nhà Hồ mới thành lập nên tiềm lực kinh tế còn yếu.

B. Lực lượng quân Minh quá mạnh.

C. Nhà Hồ không được nhân dân ủng hộ.

D. Lực lượng quân đội của nhà Hồ quá yếu.

* Câu hỏi về bức tranh: Đây là 1 vị anh hùng dân tộc có công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? Em biết gì về vị anh hùng này? (tượng đài Lê Thái Tổ ở bên hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội, dựng năm 1896) giới thiệu về tư thế ném gươm xuống nước gắn liền với sự tích Hồ Gươm, như là một biểu tượng cho khát vọng hoà bình sau khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Thái Tổ và Vương triều Lê sơ.)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới:

Những câu thơ trong tác phẩm Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi đưa chúng ta về rừng núi Lam Sơn hiểm trở, phía Tây tỉnh Thanh Hóa ngày nay, bắt đầu cuộc hành trình tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hào hùng của dân tộc vào thế kỉ XV. Vậy cuộc khởi nghĩa đó có những sự kiện tiêu biểu nào? Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa là gì? Những người anh hùng đã có vai trò như thế nào trong cuộc khởi nghĩa đó? Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Một số sự kiện tiêu biểu của khởi nghĩa Lam Sơn

a. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 - 1423)**c. iai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 – 1425)****d. Khởi nghĩa toàn thắng (1426-1427)**

a. Mục tiêu: HS nêu được những nét chính về Lê Lợi và nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

+ Trình bày được những khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm tháng đầu của cuộc khởi nghĩa.

+ HS nắm được kế hoạch chuyển địa bàn hoạt động của Nguyễn Chích vào Nghệ An.

+ Thông qua hoạt động, HS trình bày được diễn biến của trận Tốt Động – Chúc Động và trận Chi Lăng – Xương Giang.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
KIẾN THỨC 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: + Nhà Minh thực hiện chính sách cai trị ở nước ta như thế nào? * Thảo luận nhóm: - GV yêu cầu HS đọc nội dung thông tin mục 1 phần a Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa Sgk trang 78 trả lời câu hỏi : <i>1. Theo em, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa trong hoàn cảnh nào? Nêu những hiểu biết của em về chủ tướng Lê Lợi? Vì sao nhiều người yêu nước khắp nơi về hội tụ dưới lá cờ của LL?</i> <i>2. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ ở đâu? Nêu hiểu biết của em về vùng đất đó?</i> B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Gv mở rộng: Anh hùng hào kiệt khắp nơi tụ về Lam Sơn vì: + Chính sách đô hộ của nhà Minh, trong đó thâm độc nhất là chính sách đồng hóa, muốn tiêu diệt gốc rễ dân tộc Việt. + Nhà Minh thắng tay đàn áp những cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta. => Sự đàn áp dã man của nhà Minh khiến các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta đều thất bại, dẫn đến khát vọng tốt cùng của một dân tộc về độc lập, tự do, chỉ chờ cơ hội có lãnh tụ để hợp	1. Một số sự kiện tiêu biểu của khởi nghĩa Lam Sơn a. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa - Cuối thế kỉ XIV nhà Trần suy * Nguyên nhân: - Sau khi đánh bại nhà Hồ, nhà Minh bóc lột và đàn áp nhân dân ta tàn bạo. - Trong bối cảnh ấy, nhân dân đã nổi dậy chống quân Minh, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Trần Ngôi (1407 - 1409), Trần Quý Khoáng (1409 - 1414),... thu hút được nhiều lực lượng tham gia, song cuối cùng đều thất bại. - Nghe tin Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa, nhiều người yêu nước từ các nơi về hội tụ, trong đó có Nguyễn Trãi. * Diễn biến: + Năm 1416, Lê Lợi

nhau lại. - Mục đích của các anh hùng hào kiệt: chí hướng của Lê Lợi phù hợp với nguyện vọng chung của người Việt – chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước để trong cõi được sống yên lành, nguyện sống chết có nhau, không quên lời thề son sắt. Vì thế, các anh hùng hào kiệt đã về với Lam Sơn, cùng tôn phò Bình Định Vương Lê Lợi cùng đứng lên giải phóng dân tộc, bắt đầu từ vùng núi Lam Sơn. - GV mở rộng kiến thức: Giới thiệu về người anh hùng Lê Lợi (1385-1433). + Lê Lợi sinh ra trong một gia đình giàu có ở Thanh Hóa, trưởng thành trong thời kỳ Nhà Minh đô hộ nước Việt. Thời bấy giờ có nhiều cuộc khởi nghĩa của người Việt nổi ra chống lại quân Minh nhưng đều thất bại. + Ông là nhà chính trị, nhà lãnh đạo quân sự, người đã thành lập một đội quân người Việt và lãnh đạo đội quân này chiến đấu chống lại sự chiếm đóng của quân đội nhà Minh từ năm 1418 đến lúc đánh đuổi hoàn toàn quân Minh ra khỏi Đại Việt vào năm 1428, sau đó xây dựng và tái thiết lại đất nước. Ông cũng thành công với các chiến dịch quân sự đánh dẹp các tù trưởng ở biên giới phía Bắc Đại Việt và quân đội Ai Lao. + Ông được coi là anh hùng, vị vua huyền thoại của Đại Việt (Lê Thái Tổ) với tài năng quân sự, khả năng cai trị và lòng nhân ái đối với nhân dân. + Tượng đài Lê Thái Tổ dựng vào khoảng năm 1896 cạnh hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội, gắn với truyền thuyết trả gươm thần. - Địa điểm: Lam Sơn là vùng đồi núi phía tây Thanh Hóa, nằm bên tả ngạn sông Chu. Có địa thế hiểm trở; đồng thời nằm trên con đường huyết mạch nối miền núi và miền biển, Nghệ An với Đông Quan (thuộc Hà Nội ngày nay). KIẾN THỨC 2: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ * Thảo luận cặp đôi: - GV hướng dẫn HS đọc mục 1b, kết hợp đọc mục Em có biết SGK tr.79 và trả lời câu hỏi: + <i>Trình bày những khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm đầu của cuộc khởi nghĩa?</i> * Thảo luận nhóm: + <i>Để khắc phục những khó khăn đó, Lê Lợi đã có chủ trương gì? Em có nhận xét gì về đề nghị tạm hòa hoãn với quân Minh của nghĩa quân Lam Sơn?</i>	cùng 18 hào kiệt đã tổ chức Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hóa), quyết tâm đánh đuổi giặc Minh. + Đầu năm 1418, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương, truyền hịch kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 - 1423) - Những khó khăn của của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm đầu của cuộc khởi nghĩa: + Nghĩa quân gặp rất nhiều khó khăn, chịu những tổn thất lớn, phải 3
---	---

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. * GV mở rộng: + Ông sinh ra ở thôn Dựng Tú, xã Đức Giang huyện Lương Giang (nay là Thôn Thành Sơn (Làng Tép), xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa), cha tên là Lê Kiều, nổi đời làm chức phụ đạo trong vùng, con lớn tên Lê Lạn, con thứ 2 là Lê Lai. + Lê Lai được sử gia Lê Quý Đôn miêu tả trong sách Đại Việt thông sử là người có tính cương trực, dung mạo khác thường, chí khí cao cả lắm liệt, lo việc hậu cần cho Lê Lợi rất chu đáo. + Là một tướng lĩnh tham gia Khởi nghĩa Lam Sơn, ông được coi là một anh hùng, một tấm gương trung nghĩa với sự kiện nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam là cải trang thành Lê Lợi và bị quân Minh giết chết. - Nguyễn Trãi (1380 - 1442) hiệuỨc Trai, quê ở Thường Tín (Hà Nội), đỗ Thái học sinh và làm quan dưới triều Hồ. Ông học rộng, tài cao, yêu nước, thương dân sâu sắc. Sau khi cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ thất bại. Ông vào Thanh Hoá tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, trở thành quân sư của Lê Lợi. * GV nhấn mạnh: Năm 1419 quân khởi nghĩa rút lên núi Chí Linh lần thứ hai, quân giặc bao vây chặt, nghĩa quân hết lương ăn, phải ăn thịt cả con ngựa chiến cuối cùng. Để đánh lạc hướng quân giặc, duy trì cuộc khởi nghĩa, Lê Lai đã mặc áo hoàng bào giả làm chủ tướng Lê Lợi, cùng với 500 quân cảm tử xuống núi quyết chiến với quân Minh. Giặc bắt được Lê Lai tưởng là Lê Lợi nên đã rút khỏi núi Chí Linh, nhờ vậy cứu nguy cho quân khởi nghĩa. Tấm gương hi sinh của Lê Lai mãi được nhà Lê ghi nhớ. Năm 1428 ngay sau khi lên ngôi hoàng đế, Lê Lợi đã tặng cho Lê Lai là Đệ nhất khai quốc công thần, soạn hai bài văn để mãi ghi nhớ công lao của Lê Lai. Trước khi mất Lê Lợi có dặn rằng: “Ta có được ngày hôm nay là nhờ có Lê Lai, do ngày mất của Lê Lai không rõ nên sau khi ta chết phải làm giỗ cho Lê Lai trước khi làm giỗ cho ta một ngày.” KIẾN THỨC 3: - GV giới thiệu về Nguyễn Chích: + Ông quê ở xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa,	lần rút lên núi Chí Linh, có lúc nghĩa quân chỉ còn 100 người. + Lê Lai phải giả dạng Lê Lợi mở đường máu đánh lạc hướng quân Minh, bảo đảm tính mạng của chủ tướng. Vì thế, trong dân gian vẫn lưu truyền câu <i>Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi</i> là xuất phát từ sự kiện này - Lê Lợi đã chủ động giảng hòa với quân Minh, trở về Lam Sơn, từng bước củng cố và phát triển lực lượng. c. Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu
---	--

<i>Việt Nam .</i> + Là công thần khai quốc nhà Lê sơ, người tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. + Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi, lập ra nhà Hậu Lê. Năm 1429, Nguyễn Chích được phong tước Đình thượng hầu, ban cho họ Lê của vua. Từ đó ông được gọi là Lê Chích. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ * Thảo luận cặp đôi: - GV yêu cầu HS đọc mục 1c, đọc tư liệu SGK tr.80 và trả lời câu hỏi: + Hãy cho biết tại sao Nguyễn Chích đề xuất kế hoạch chuyển địa bàn hoạt động chính của nghĩa quân vào Nghệ An ? + Kế hoạch đó đem lại kết quả như thế nào? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. * GV mở rộng: + Nguyễn Chích quyết định tiến quân vào Nghệ An chứ không phải Đông Quan vì nếu tiến quân ra Đông Quan luôn thì tình hình địch mạnh, ta yếu, không có cơ sở hậu phương, còn nếu đánh chiếm Nghệ An trước thì địch yếu, ta mạnh, có hậu phương vững chắc là vùng đồng bằng rộng lớn, có nhiều lúa gạo. Kế hoạch này đã giúp cho nghĩa quân giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân. Thắng lợi đã làm thay đổi căn bản cục diện cuộc chiến và so sánh lực lượng hai bên theo hướng có lợi cho nghĩa quân. KIẾN THỨC 4: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu kiến thức: Tháng 9/1426, nghĩa quân tiến ra Bắc, liên tiếp đánh thắng nhiều trận. Quân Minh buộc phải rút vào thành Đông Quan (Hà Nội) cố thủ và chờ viện binh. Cuộc khởi nghĩa chuyển sang giai đoạn phản công. - Thảo luận nhóm: + Nhóm 1,2: Quan sát Lược đồ hình 4, trình bày tóm tắt diễn biến trận Tốt Động – Chúc Động? + Nhóm 3,4: Quan sát Lược đồ hình .5, trình bày tóm tắt diễn biến trận Chi Lăng – Xương Giang?	tiên (1424 - 1425 - Nguyễn Chích đề xuất kế hoạch chuyển địa bàn hoạt động chính của nghĩa quân vào Nghệ An. - Kết quả của kế hoạch: Trong vòng 10 tháng, nghĩa quân đã giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hóa vào đến đèo Hải Vân. => Là bước ngoặt lớn trong khởi nghĩa Lam Sơn Chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công Kế sách của ông trong cuộc kháng chiến chống quân Minh thể hiện phương châm "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu" - nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt Nam. d. Khởi nghĩa toàn thắng (1426-1427) * Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động: sgk * Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang: sgk * Hội thề Đông Quan: sgk
---	--

+ Nhóm 5,6: Trình bày tóm tắt về Hội thề? * Thảo luận cặp đôi: + Việc dụ hàng quân Minh và tổ chức Hội thề Đông Quan thể hiện điều gì trong kế sách đánh giặc của Lê Lợi và Nguyễn Trãi? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV rút ra nhận xét : <i>Kế sách vây thành, diệt viện của nghĩa quân là không cho quân Minh nối được liên hệ giữa những thành trì và các cánh quân tiếp viện. Một mặt bao vây các thành trì, mặt khác dồn lực tấn công quân tiếp viện. Khi quân tiếp viện tan rã, các thành trì cũng hết hi vọng và đầu hàng.</i> - GV lưu ý HS: <i>Đối với trận Chi Lăng – Xương Giang</i> + <i>Khả năng tấn công, tập kích liên tục của nghĩa quân: Trước khi đánh trận chiến lớn Chi Lăng – Xương Giang, nghĩa quân đã làm tiêu hao tinh thần và ý chí của quân Minh bằng các trận tập kích nhỏ (Pha Lũy, Khâu Ôn, Ái Lưu, Cần Trạm,...). Bên cạnh đó là khả năng vây hãm các thành trì (đặc biệt là thành Đông Quan) luôn được canh giữ nghiêm ngặt.</i> + <i>Cuối năm 1426, ngoài Đông Quan, quân Minh còn chiếm 12 thành trì khác (Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu, Tây Đô, Cổ Lộng, Diêu Diêu, Tam Giang, Thị Cầu, Xương Giang, Chí Linh, Khâu Ôn).</i> + <i>Kế hoạch dụ hàng quân Minh và tổ chức Hội thề Đông Quan đã thể hiện kế sách đánh giặc tài tình sáng tạo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Kế sách đó cũng thể hiện tinh thần nhân đạo của nghĩa quân, mở đường cho quân địch rút hết về nước, vừa bảo toàn lực lượng cho quân ta.</i>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: 2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

a. Mục tiêu: Học sinh phân tích, giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 SGK	2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử a. Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa

* Phát vấn: + <i>Trình bày nguyên nhân và ý nghĩa lịch sử cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?</i> * Thảo luận cặp đôi: + <i>Giải thích nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?</i> B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: - GV hướng dẫn HS đọc mục Em có biết SGK tr.82 để biết về nghệ thuật tâm công (đánh vào lòng người), bằng cách viết thư dụ hàng tướng lĩnh Minh do Nguyễn Trãi đề xướng vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay. Lê Lợi là biểu tượng của cuộc khởi nghĩa, tập hợp quanh mình những người yêu nước, từ người Việt, người Thái đến người Mường. Từ đàn ông, phụ nữ, bất kể già trẻ gái trai, hễ ai có lòng yêu nước và ý chí căm thù quân Minh đều đứng chung một ngọn cờ khởi nghĩa. · Nghĩa quân luôn biết dựa vào dân, bổ sung thêm sức mạnh về nhân lực, tài lực để chiến đấu. · Ngay trong thời điểm khó khăn, vừa lúc hạ được thành Trà Lân, đã có 5 000 thanh niên hăng hái gia nhập nghĩa quân. + Bộ chỉ huy Lam Sơn có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo. Tiêu biểu là nghệ thuật vây thành, diệt viện, tổ chức phục kích, viết thư dụ hàng,.... · Lúc đánh thì tấn công như vũ bão. · Lúc quân Minh đầu hàng thì mở lối thoát. · Ngoài lãnh tụ Lê Lợi, những cá nhân xuất sắc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, Trần Nguyên Hán, Nguyễn Xí,...đều có những công hiến to lớn góp phần tạo nên thành công của cuộc khởi nghĩa	Lam Sơn: + Tinh thần yêu nước và đoàn kết của cả dân tộc, Ý chí quyết tâm giành độc lập dân tộc + Toàn dân đã đồng lòng đoàn kết chiến đấu, đóng góp của cải lương thực, chiến đấu hi sinh gian khổ. + Bộ chỉ huy Lam Sơn có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo. Tiêu biểu là nghệ thuật vây thành, diệt viện, tổ chức phục kích, viết thư dụ hàng,.... · b. Ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn: + Là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc có tính chất nhân dân rộng rãi. + Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc, mở ra thời kì phát triển mới của dân tộc.
--	---

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện

A. Trắc nghiệm

1. Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

A. Chính sách cai trị tàn độc của quân Minh đối với nhân dân Đại Việt.

B. Quân Minh ép Lê Lợi ra làm quan.

C. Do tác động của cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

D. Vương triều Hồ đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống Minh.

2. Nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa là

A. Lang Chánh (Thanh Hoá).

B. Tây Đô (Thanh Hoá).

C. Lam Sơn (Thanh Hoá).

D. Thọ Xuân (Thanh Hoá).

3. Vì sao cuối năm 1424, Nguyễn Chích hiến kế cho nghĩa quân Lam Sơn đánh chiếm Nghệ An?

A. Căn cứ của nghĩa quân ở Thanh Hoá đã bị quân Minh chiếm.

B. Nghệ An không có quân Minh nên dễ dàng đánh chiếm.

C. Nghệ An là quê hương của Nguyễn Chích, nên ông rất hiểu về vùng đất này.

D. Nghệ An là vùng đất rộng, người đông, địa thế hiểm yếu, có thể làm căn cứ lâu dài để phát triển lực lượng nghĩa quân.

4. Tháng 11 – 1426, nghĩa quân Lam Sơn đã mai phục và giành thắng lợi trước quân Minh ở đâu?

A. Tốt Động – Chúc Động (Hà Nội).

B. Chi Lăng – Xương Giang (Lạng Sơn – Bắc Ninh).

C. Đông Quan (Hà Nội).

D. Tây Đô (Thanh Hoá).

5. Tại ải Chi Lăng (Lạng Sơn), nghĩa quân Lam Sơn đã phục kích và giết tướng Minh là

A. Vương Thông.

B. Mộc Thạnh.

C. Liễu Thăng.

D. Trần Trí.

B. Tự luận: Nêu vai trò của Nguyễn Trãi và Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Vai trò của Nguyễn Trãi

+ Soạn “Bình Ngô sách”; trong đó, bao gồm những phương lược cơ bản để đánh đuổi quân Minh.

+ Giúp Lê Lợi xây dựng và thực hiện một đường lối đấu tranh tổng hợp, toàn diện, trên các mặt: quân sự, tâm lý.

+ Đóng góp quan trọng trên lĩnh vực tư tưởng đặc biệt là tư tưởng “nhân nghĩa”.

- Vai trò của Lê Lợi

+ Nung nấu một quyết tâm đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi.

+ Đầu năm 1418, Lê Lợi xưng là Bình Định Vương kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Lê Lợi là linh hồn, là lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa ấy.

+ Lê Lợi ông là nhà chỉ đạo chiến lược kiệt xuất. Ông dựa vào nhân dân để tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc.

+ Vừa là nhà tổ chức và chỉ đạo chiến lược về chính trị, quân sự, vừa là vị tướng cầm quân mưu trí, quả quyết.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn

đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi, GV kiểm tra ở tiết sau.

Bài tập 3/82: Từ khởi nghĩa Lam Sơn, chúng ta rút ra được bài học kinh nghiệm gì đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay? (Cần có sự đoàn kết đoàn dân trong việc xây dựng và bảo vệ tốt quốc; Sự quan tâm của nhà nước đến dân, dựa vào dân để đánh giặc; Qua đó chúng ta cần phải gìn giữ được truyền thống yêu nước, phải có một sự đoàn kết của một tập thể thì mới vượt qua được mọi thứ.)

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập, phần vận dụng.
- Xem trước bài 17: Đại Việt thời Lê Sơ (1428 – 1527).
- Suru tầm tư liệu về Đại Việt thời Lê Sơ (1428 – 1527).
- Tìm hiểu một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông.

Ngày soạn: 10/4/2024

Tiết 43,44,45,46 Bài 17: ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)

Thời gian thực hiện: 4 tiết

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

- Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.
- Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.
- Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Nhận thức và tư duy lịch sử:
 - + Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.
 - + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.
 - + Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Vương triều Lê sơ.
 - + Vận dụng hiểu biết về những thành tựu của Vương triều Lê sơ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Vương triều Lê sơ.
- Vận dụng hiểu biết về những thành tựu của Vương triều Lê sơ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh và tư liệu về Đại Việt thời Lê Sơ.
- Lược đồ Đại Việt thời Lê Thánh Tông.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua trò chơi Mảnh ghép, tạo tâm lý hứng thú giúp học sinh tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ

- *Mảnh ghép 1:* Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

A. Chính sách cai trị tàn độc của quân Minh đối với nhân dân Đại Việt.

B. Quân Minh ép Lê Lợi ra làm quan.

C. Do tác động của cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

D. Vương triều Hồ đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống Minh.

- *Mảnh ghép 2:* Nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa là

A. Lang Chánh (Thanh Hoá).

B. Tây Đô (Thanh Hoá).

C. Lam Sơn (Thanh Hoá).

D. Thọ Xuân (Thanh Hoá).

- *Mảnh ghép 3:* Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

A. Do nhân dân ta luôn nêu cao tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí và quyết tâm giành lại độc lập cho dân tộc.

B. Do quân Minh suy yếu và không còn ý chí chiến đấu.

C. Do đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân.

D. Do nghĩa quân Lam Sơn có tinh thần kỉ luật cao, lực lượng đông đảo và vũ khí tốt.

- *Mảnh ghép 4:* Điểm khác nhau căn bản giữa khởi nghĩa Lam Sơn (1417 – 1427) so với các cuộc kháng chiến thời Lý, Trần là gì?

A. Diễn ra trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại xâm đô hộ.

B. Khi giành thắng lợi về quân sự đã chủ động đề nghị giảng hoà để kết thúc chiến tranh.

C. Không có sự giúp đỡ từ bên ngoài, điều kiện kinh tế nước ta gặp khó khăn.

D. Quân xâm lược rất hùng mạnh, có kinh nghiệm trong chiến tranh xâm lược.

* Câu hỏi về bức tranh: Đây là khu Di tích quốc gia về triều Lê sơ ở Thanh Hoá? Em biết gì về khu Di tích này? (*Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh (Thanh Hoá):* Đây là nơi có hành cung và lăng tẩm các vị hoàng đế triều Lê. Mặc dù cung điện chỉ còn nền móng, nhưng lăng mộ của các vị hoàng đế vẫn còn.)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

Sau khi đánh đuổi giặc ngoại xâm ra khỏi biên giới, Lê Lợi lên ngôi vua (Lê Thái Tổ). Nhà Lê bắt tay ngay vào việc tổ chức lại bộ máy chính quyền, xây dựng quân đội, luật pháp nhằm ổn định tình hình xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa như thế nào chúng ta cùng vào bài học hôm nay.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Sự thành lập Vương triều Lê sơ

a. Mục tiêu: HS ghi nhớ, trình bày những nét cơ bản về tình hình chính trị, quân sự, pháp luật thời Lê sơ.

b. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV-HS	Nội dung																		
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * Thảo luận nhóm: Em hãy dựa vào nội dung mục 1 SGK hoàn thành phiếu học tập sau trong thời gian 4p <table border="1"> <tr><td>1. Nhà Lê Sơ được thành lập vào năm:</td><td></td></tr> <tr><td>2. Quốc hiệu là:</td><td></td></tr> <tr><td>3. Kinh đô đóng ở</td><td></td></tr> <tr><td>4. Đứng đầu nhà nước là</td><td></td></tr> <tr><td>5. Cả nước được chia thành các</td><td></td></tr> <tr><td>6. Quân đội bao gồm</td><td></td></tr> <tr><td>7. Quân được tổ chức theo lối</td><td></td></tr> <tr><td>8. Ban hành bộ luật</td><td></td></tr> <tr><td>9. Đến năm 1471 lãnh thổ Đại Việt được mở rộng tới</td><td></td></tr> </table> * Thảo luận cặp đôi: 1. Rút ra điểm giống nhau và khác nhau về tổ chức nhà nước, luật pháp của Đại Việt thời Lê Sơ với thời nhà Trần? 2. Tư liệu 1 và nội dung SGK đã thể hiện quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nhà Lê Sơ như thế nào? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Gv bổ sung: So sánh tổ chức nhà nước thời Lê với thời Trần, nhiều người cho rằng tổ chức nhà nước thời Lê sơ tập quyền hơn (Tập quyền là sự thống nhất tập trung quyền hành vào triều đình trung ương), → Vua nắm mọi quyền hành, Lê Thánh Tông bãi bỏ một số chức vụ cao cấp nhất như tướng quốc, đại tổng quản, đại hành khiển. Vua trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức tổng chỉ huy quân đội → Quyền lực nhà vua ngày càng được củng cố.	1. Nhà Lê Sơ được thành lập vào năm:		2. Quốc hiệu là:		3. Kinh đô đóng ở		4. Đứng đầu nhà nước là		5. Cả nước được chia thành các		6. Quân đội bao gồm		7. Quân được tổ chức theo lối		8. Ban hành bộ luật		9. Đến năm 1471 lãnh thổ Đại Việt được mở rộng tới		1. Sự thành lập Vương triều Lê sơ * Tổ chức chính quyền - Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, thành lập nhà Lê sơ, đặt niên hiệu Thuận Thiên, khôi phục quốc hiệu Đại Việt và đóng đô ở Thăng Long. - Bộ máy nhà nước mới được xây dựng và từng bước hoàn chỉnh dưới thời vua Lê Thánh Tông. Hoàng đế trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức tổng chỉ huy quân đội. + Chính quyền trung ương gồm sáu bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) do quan Thượng thư đứng đầu và nhiều cơ quan chuyên môn khác. + Chính quyền địa phương có các cấp hành chính: đạo/thừa tuyên, dưới là phủ đến huyện, châu và cuối cùng là xã/sách/động. → Nhà nước tập quyền chuyên chế hoàn chỉnh. * Tổ chức quân đội: - Thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”. - Quân đội gồm 2 bộ phận: Quân triều đình và quân địa phương. - Hệ thống thanh tra giám sát được tăng cường từ triều đình đến địa phương - Hàng năm quân lính được luyện tập võ nghệ chiến trận.
1. Nhà Lê Sơ được thành lập vào năm:																			
2. Quốc hiệu là:																			
3. Kinh đô đóng ở																			
4. Đứng đầu nhà nước là																			
5. Cả nước được chia thành các																			
6. Quân đội bao gồm																			
7. Quân được tổ chức theo lối																			
8. Ban hành bộ luật																			
9. Đến năm 1471 lãnh thổ Đại Việt được mở rộng tới																			

- Tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê sơ, đặc biệt là dưới thời Lê Thánh Tông hoàn chỉnh và đầy đủ hơn so với thời Lê Thái Tổ ở một số điều, như triều đình có đầy đủ các bộ, các tự, các khoa và các cơ quan chuyên môn. - Hệ thống thanh tra, giám sát được tăng cường từ triều đình đến các địa phương. - Ở các đơn vị hành chính, tổ chức chặt chẽ hơn (nhất là các cấp đạo thừa tuyên), có 3 cơ quan phụ trách mà không tập trung quyền lực vào một An phủ sứ như trước và có phân công trách nhiệm rõ ràng. Bộ máy chính quyền cấp xã được tổ chức chặt chẽ hơn. => Chủ trương của nhà Lê sơ là luôn cương quyết giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Đại Việt.	Quân đội mạnh được bố trí bảo vệ biên giới * Luật pháp: - Lê Thánh Tông ban hành bộ Quốc triều hình luật (luật Hồng Đức). - Nội dung: + Bảo vệ quyền lợi của vua và hoàng tộc. + Bảo vệ quyền lợi giai cấp thống trị. + Khuyến khích phát triển kinh tế. + Bảo vệ người phụ nữ. - Năm 1471, biên giới Đại Việt đã mở rộng đến tỉnh Phú Yên ngày nay
--	---

Hoạt động 2: 2. Tình hình kinh tế, xã hội

a. Mục tiêu: HS trình bày được những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội của Đại Việt thời Lê Sơ.

b. Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò		Nội dung	
KIẾN THỨC 1		2. Tình hình kinh tế, xã hội	
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:		a. Tình hình kinh tế:	
* Thảo luận nhóm: Đọc mục a phần a sgk trang 85 và hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 3 phút.			
Phiếu học tập:			
Lĩnh vực	Tình hình phát triển	Lĩnh vực	Tình hình phát triển
a, Nông nghiệp		Nông nghiệp	-Nhà Lê cho lính về quê làm ruộng ngay sau chiến tranh, thay nhau về quê sản xuất
b,Thủ công nghiệp			-Kêu gọi dân phiêu tán về quê làm ruộng; đặt một số chức quan chuyên chăm lo sản xuất nông nghiệp: Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ...
c,Thương nghiệp			-Thi hành chính sách quản

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.

B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

*** GV mở rộng:**

+ Các chính sách phát triển nông nghiệp thời Lê sơ đã thúc đẩy nông nghiệp sớm được phục hồi và phát triển, đời sống nhân dân dần dần ổn định.

+ TCN cũng rất phát triển, sản phẩm không chỉ cung cấp trong nước mà còn là mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao. Đồng thời thể hiện thợ thủ công thời Lê sơ có trình độ kỹ thuật và tư duy cao.

KIẾN THỨC 2

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

*** Phát vấn:**

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 2b SGK tr.86 và trả lời câu hỏi:

+ Nêu những nét chính về xã hội thời Lê sơ

*** Thảo luận cặp đôi:**

+ Vẽ sơ đồ g/c, tầng lớp trong xã hội thời Lê sơ?

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.

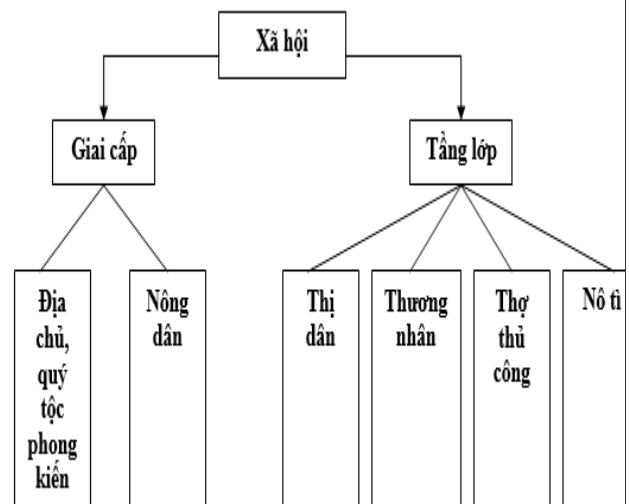
B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

	điền, cầm giết trâu, bò và bắt dân đi phu trong mùa gặt cấy
Thủ công nghiệp	-Có nhiều làng nghề nổi tiếng(bát tràng,chu đậu,...), còn phường thủ công có: dệt Nghi tâm(Thăng Long), giấy Yên Bái,... - Cục bách tác: phụ trách đồ dùng cho nhà vua (vũ khí, đóng thuyền,...)
Thương nghiệp	-Khuyến khích lập chợ mới, họp chợ. -Duy trì và kiểm soát buôn bán với nước ngoài ở các cửa khẩu lớn

b. Xã hội

*** Sơ đồ giai cấp, tầng lớp trong xã hội.**



- Nhờ sự nỗ lực của nhân dân và chính sách khuyến nông của nhà nước nên đời sống của nhân dân được ổn định, dân số ngày càng tăng nhanh, nhiều làng mới đ-

ược thành lập. Đại Việt là quốc gia cường thịnh nhất ĐNA thời bấy giờ.

Hoạt động 3. 3. Phát triển văn hóa – giáo dục

a. Mục tiêu: Giới thiệu được những thành tựu văn hóa – giáo dục tiêu biểu thời Lê Sơ.

b. Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Nội dung														
KIẾN THỨC 1 B1: Chuyển giao nhiệm vụ * Thảo luận nhóm: Nghiên cứu nội dung mục 3 SGK trang 86, 87 và hoàn thành phiếu học tập sau <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu tiêu biểu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tôn giáo</td><td></td></tr> <tr> <td>Văn học</td><td></td></tr> <tr> <td>Sử học</td><td></td></tr> <tr> <td>Toán học</td><td></td></tr> <tr> <td>Kiến trúc – điêu khắc</td><td></td></tr> <tr> <td>Y học</td><td></td></tr> </tbody> </table> * Thảo luận cặp đôi: - Nhận xét về các thành tựu văn hóa thời Lê Sơ so với thời Trần? Giải thích nguyên nhân? B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập. B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. Gv giới thiệu: Hình 5. Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh (Thanh Hoá): Đây là nơi có hành cung và lăng tẩm các vị hoàng đế triều Lê. Mặc dù cung điện chỉ còn nền móng, nhưng lăng mộ của các vị hoàng đế vẫn còn. Gv nhấn mạnh: Công lao đóng góp xây dựng đất nước của nhân dân, triều đại phong kiến có phương pháp cai trị đúng đắn -> xuất hiện nhiều nhân tài - Vì các vua Lê từ Lê Thái Tổ trở đi rất sùng đạo Nho, dùng đường lối này làm tư tưởng chính thống để cai trị	Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Tôn giáo		Văn học		Sử học		Toán học		Kiến trúc – điêu khắc		Y học		3. Phát triển văn hóa - giáo dục a. Văn hóa. - Tôn giáo: Nho giáo được đề cao, chiếm vị trí độc tôn; Phật giáo và Đạo giáo bị hạn chế. - Văn học + Văn học chữ Hán tiếp tục phát triển và giữ ưu thế với nhiều tác phẩm nổi tiếng như <i>Bình Ngô đại cáo</i>.... + Văn học chữ Nôm vẫn chiếm vị trí quan trọng với một số tác phẩm nổi tiếng như <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi,... + Sử học: Nhà Lê sơ coi trọng việc chép sử, biên soạn các bộ sách về địa lí, bản đồ. Tiêu biểu có các tác phẩm: <i>Lam Sơn thực lục</i> (Nguyễn Trãi)... + Toán học có <i>Đại thành toán pháp</i>, <i>Lập thành toán pháp</i>; + Y học có <i>Bản thảo thực vật toát yếu</i>,... - Nghệ thuật kiến trúc.
Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu														
Tôn giáo															
Văn học															
Sử học															
Toán học															
Kiến trúc – điêu khắc															
Y học															

quốc gia.

KIẾN THỨC 2

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS theo dõi kênh chữ trong SGK đoạn còn lại của mục 3 và trả lời câu hỏi:

* Phát vấn:

- Để khuyến khích việc học và tuyển chọn nhân tài, nhà Lê có những việc làm như thế nào?
- Quan sát H6 - SGK/87. Việc dựng bia đá và ghi tên những người đỗ đạt cao nhằm mục đích gì?
- Vì sao nhà Lê Sơ lại chú trọng phát triển giáo dục và khoa cử ?
- So sánh giáo dục thời Lê sơ với thời Trần?

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.

B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng cho HS về các kì thi của thời Lê sơ, tư liệu về bia đá trong Văn Miếu.

Hình 6. Bia Tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam (di vật tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám): Bia được vua Lê Thánh Tông cho lập năm 1484, nội dung ghi chép họ tên những người đã thi đỗ Tiến sĩ trong khoa thi Nhâm Tuất năm 1442.

+ Nhiều công trình kiến trúc tiêu biểu được xây dựng ở kinh đô Thăng Long, Lam Kinh (Thanh Hoá).

+ Nghệ thuật điêu khắc trên đá, gỗ, gốm sứ,... rất tinh xảo với nhiều tác phẩm còn được lưu truyền đến nay.

+ Nhã nhạc cung đình và nghệ thuật tuồng, chèo,... ngày càng phát triển..

b. Giáo dục

- Vua Lê Thái Tổ cho dựng lại Quốc Tử Giám ở kinh thành Thăng Long.

- Nhà Lê tổ chức đều đặn các khoa thi Tiến sĩ để tuyển chọn quan lại và cho lập bia đá ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám để tôn vinh những người đỗ đạt.

+ Giáo dục thời Lê sơ với thời Trần

- Thời Lê các phủ đều có trường công, hằng năm mở khoa thi để tuyển chọn quan lại. Đa số dân đều có thể đi học trừ kẻ phạm tội và làm nghề ca hát.

Nội dung học tập, thi cử là các sách của đạo Nho. Đạo Nho chiếm địa vị độc tôn. Phật giáo, Đạo giáo bị hạn chế.

- Tổ chức 7 năm 1 kỳ thi

+ Vua Lê Thái Tổ cho dựng lại Quốc Tử Giám ở kinh thành Thăng Long. Nhà Lê tổ chức đều đặn các khoa thi Tiến sĩ để tuyển chọn quan lại và cho lập bia đá ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám để tôn vinh những người đỗ đạt.

+ Lưu danh hiền tài muôn đời, thể hiện sự coi trọng, đề cao hiền tài của “thánh minh”. Để kẻ sĩ trông vào những gương hiền tài được lưu danh mà phấn chấn hăm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua. Việc lưu danh bia đá không những đề nêu gương mà còn để nhắc nhở và kêu gọi kẻ sĩ tự rèn đức luyện tài, cống hiến cho đất nước.

+ Sự phát triển của đất nước hoàn toàn dựa vào những người có học hành và đỗ đạt qua con đường thi cử Nho học. Do đó, Vương triều Lê sơ rất quan tâm, chú ý đến việc học tập và thi cử để tuyển chọn quan lại....

Hoạt động 4: 4. Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nắm được thân thế, sự nghiệp và đóng góp của một số danh nhân tiêu biểu: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Ngô Sĩ Liên, Lương Thế Vinh,...

b. Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò			NỘI DUNG
B1: Chuyển giao nhiệm vụ * Thảo luận nhóm: Nghiên cứu nội dung mục 3 SGK trang 87, 88 và tra cứu mạng internet để hoàn thành phiếu học tập sau: (giao từ tiết trước)			4. Một số danh nhân văn hóa tiêu biểu a. Nguyễn Trãi: SGK b. Lê Thánh Tông: SGK c. Ngô Sĩ Liên; SGK d. Lương Thế Vinh: SGK
Tên các danh nhân	Lĩnh vực đóng góp	Tác phẩm/ Câu nói/ sự kiện nổi bật của các danh nhân	
Nhóm 1 : Nêu những đóng góp của các danh nhân Nguyễn Trãi đối với sự phát triển của văn hoá dân tộc.			
Nhóm 2: Nêu những đóng góp của các danh nhân Lê Thánh Tông đối với sự phát triển của văn hoá dân tộc.			
Nhóm 3: Nêu những đóng góp của các danh Ngô Sĩ Liên đối với sự phát triển của văn hoá dân tộc.			

Nhóm 4: Nêu những đóng góp của các danh **Lương Thế Vinh** đối với sự phát triển của văn hoá dân tộc.

B2: HS Thực hiện nhiệm vụ, GV theo dõi, hướng dẫn HS, điều chỉnh nội dung học tập.

B3: Đại diện HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

Gv mở rộng:

- **Nguyễn Trãi:** Là nhà chính trị, quân sự đại tài; những đóng góp của ông là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

- Viết nhiều tác phẩm có giá trị: Văn học: “Bình Ngô Đại Cáo”... Sử học, Địa lý học: Quân Trung Từ Mệnh Tập, Dư Địa Chí...

- Thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc. Tài năng đức độ sánh chói của ông: yêu nước, thương dân.

- **Lê Thánh Tông:** Con thứ tư của Lê Thái Tông, mẹ là Ngô Thị Ngọc Giao.

- Năm 1460 được lên ngôi khi 18 tuổi. - Quan tâm phát triển kinh tế (phát triển nông nghiệp – công thương nghiệp, đề Hồng Đức, luật Hồng đức), phát triển giáo dục và văn hóa.

- Hội tao đàn, nhiều tác phẩm văn học có giá trị gồm văn thơ chữ Hán (300 bài), văn thơ chữ Nôm.

- **Ngô Sĩ Liên:** Là nhà sử học nổi tiếng TK XV. Năm 1441 đỗ Tiến sĩ.

+ Tác giả cuốn “Đại Việt sử kí toàn thư”.

+ Tên phò - Tên trường học nổi tiếng. → Thể hiện vai trò và trách nhiệm học tập tốt của giáo viên và học sinh, xứng đáng với tên tuổi của vị danh nhân văn hóa của dân tộc.

- **Lương Thế Vinh:** Sọan thảo bộ “Hí Phường Phả Lục”. Đây là công trình lịch sử nghệ thuật sân khấu. Bộ “Đại thành toán pháp”.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện

A. Trắc nghiệm

1. Vị vua đầu tiên của Vương triều Lê sơ là

A. Lê Thái Tổ.

B. Lê Thái Tông.

C. Lê Thánh Tông. D. Lê Nhân Tông.

2. Bộ luật nào được ban hành dưới triều Lê sơ?

A. Hình thư. B. Hình luật. C. **Quốc triều hình luật.** D. Hoàng Việt luật lệ.

3. Một số cửa khẩu như Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Hà Tĩnh), Tam Kỳ (Quảng Nam) là nơi

A. **giao lưu buôn bán với các thương nhân nước ngoài.**

B. xây dựng các hệ thống phòng ngự ở biên giới.

C. sản xuất và buôn bán các mặt hàng thủ công.

D. đầu mối các mạng lưới giao thương.

4. Một số tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Trãi là

A. **Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập.**

B. Đại Việt sử ký toàn thư, Lam Sơn thực lục.

C. Việt giám thông khảo tổng luận, Hoàng triều quan chế.

D. Đại thành toán pháp, Bình Ngô đại cáo

5. Chính sách trên lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo của nhà Lê sơ là

A. đề cao Nho giáo và Phật giáo.

B. đề cao Phật giáo, hạn chế Nho giáo.

C. **đề cao Nho giáo, hạn chế Phật giáo và Đạo giáo.**

D. đề cao Phật giáo và tín ngưỡng dân gian.

B. Tự luận:

- Đọc đoạn tư liệu sau và cho biết luật pháp thời Lê Sơ có những điểm gì tiến bộ?

* Sản phẩm dự kiến: Thông qua tư liệu trên em thấy trong bộ luật Hồng Đức của nhà Lê Sơ đã tiến bộ trong việc cải thiện địa vị của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nếu như trước đây, người phụ nữ gần như không có tiếng nói thì với nội dung trong bộ luật Hồng Đức, quyền lợi và địa vị của người phụ nữ trong gia đình cũng như trong xã hội đã được cải thiện: người phụ nữ có quyền thừa kế, quyền quyết định cuộc sống của chính mình.

4. Hoạt động vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. **Tổ chức thực hiện**

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi, GV kiểm tra ở tiết sau.

Bài tập 3/88: Chủ trương của các vua thời Lê Sơ về vấn đề chủ quyền lãnh thổ có giá trị như thế nào trong công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia ngày nay?

* **Sản phẩm dự kiến:** Chủ trương của các vua thời Lê Sơ về vấn đề chủ quyền lãnh thổ có giá trị rất lớn trong công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia ngày nay. Mỗi công dân cần ý thức được tầm quan trọng và những hành động thiết thực để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ dân tộc. Đảng và nhà nước cần có các chính sách phù hợp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đất nước cũng như có chính sách nghiêm trị những người/ lực lượng có hành động bán rẻ/ xâm phạm chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc Việt Nam.

Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh

- Học bài, làm bài tập trong sách bài tập.
 - Xem trước bài 18: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu TK X đến đầu TK XVI.
 - Suu tầm tư liệu về Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu TK X đến đầu TK XVI.
-

Ngày soạn: 22/4/2024

Tiết 47,48

**Bài 18: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA VÀ VÙNG ĐẤT NAM BỘ
TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Kiến thức

Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo...

b. Năng lực chuyên biệt

- Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.

+ Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa, của cư dân sinh sống ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh, ảnh và tư liệu về Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu TK X đến đầu TK XVI.

- Lược đồ Vương quốc Chăm-pa; vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ ngày nay.

- Một số video về thành tựu văn hoá Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tài liệu; tìm hiểu trước kiến thức liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua trò chơi “Mảnh ghép”, tạo tâm lí hứng thú để học sinh tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện: Trò chơi mảnh ghép

Bước 1: GV thông tin về cách chơi, yêu cầu học sinh chọn câu hỏi trong từng mảnh ghép và trả lời được nội dung bức tranh khi các mảnh ghép được lật mở.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ

- *Mảnh ghép 1:* Vị vua đầu tiên của Vương triều Lê sơ là

- A. Lê Thái Tổ. B. Lê Thái Tông.
C. Lê Thánh Tông. D. Lê Nhân Tông.

- *Mảnh ghép 2:* Bộ luật nào được ban hành dưới triều Lê sơ?

- A. Hình thư. B. Hình luật. C. Quốc triều hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

- *Mảnh ghép 3:* Một số cửa khẩu như Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Hà Tĩnh), Tam Kỳ (Quảng Nam) là nơi

A. giao lưu buôn bán với các thương nhân nước ngoài.

B. xây dựng các hệ thống phòng ngự ở biên giới.

C. sản xuất và buôn bán các mặt hàng thủ công.

D. đầu mối các mạng lưới giao thương.

- *Mảnh ghép 4:* Ai là người đã cho lập bia để ghi danh tiên sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)?

- A. Lê Thái Tổ. B. Nguyễn Trãi.
C. Lê Nhân Tông. D. Lê Thánh Tông.

- * Câu hỏi về bức tranh: Đây là công thành của người Chăm ở Bình Định? Em biết gì về Di tích này? (*Cổng thành Đồ Bàn (An Nhơn, Bình Định ngày nay)*): Thành Đồ Bàn được xây dựng từ năm 982, là một di tích lịch sử của người Chăm, còn được gọi là thành cổ Chà Bàn (Trà Bàn), thành Hoàng Đế hoặc thành Vi-giay-a. Năm 1982, thành cổ Đồ Bàn được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia, là niềm tự hào của người dân Bình Định mỗi khi nhắc tới quê hương mình. Bốn nhà thơ nổi tiếng gồm Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Yến Lan và Chế Lan Viên đã lập nên một nhóm thơ lấy tên “Bàn Thành tứ hữu” nghĩa là bốn người bạn ở thành Đồ Bàn.)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và dùng phần trả lời của học sinh về nội dung bức tranh để dẫn dắt vào bài mới.

Trong giai đoạn từ đầu thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI, vùng đất phía Nam của Đại Việt bao gồm khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ của Việt Nam hiện nay. Từ đầu thế kỷ X đến thế kỷ XVI, ở khu vực Nam Trung Bộ là giai đoạn phát triển rực rỡ của Vương quốc Chăm-pa, dưới sự trị vì của triều đại Vi-giay-a. Sau đó, vương quốc này dần suy yếu. Trong khi đó ở khu vực Nam Bộ, sau sự suy sụp của Vương quốc Phù Nam, vùng đất này thuộc quyền quản lý của Chân Lạp

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: 1. Vương quốc Chăm-pa từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI

a. **Mục tiêu:** HS giới thiệu những diễn biến chính về chính trị, kinh tế, văn hóa của

vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X – XVI

b. Tổ chức hoạt động

HD của GV & HS	Nội dung																				
KIẾN THỨC 1 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS đọc thông tin trong SGK trang 90, 91, hoạt động cặp đôi 10p hoàn thành phiếu học tập sau và trả lời các câu hỏi: <table border="1" data-bbox="168 638 776 816"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th><th>Sự kiện chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table> - Sau khi hoàn thành bảng, HS tiếp tục hoạt động cá nhân xem video và trả lời câu hỏi: 1. Dựa vào phiếu học tập vừa hoàn thành, nhận xét khái quát về mối quan hệ của Chăm-pa và Đại Việt qua các thời kì? 2. Quan sát lược đồ H1 tr91, nhận xét về lãnh thổ Chăm-pa qua các thời kì? Giải thích vì sao? (Sáp nhập vào Đại Việt ->Thu hẹp dần Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp, thống nhất ý kiến và hoàn thiện phiếu học tập GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện 1 vài cặp báo cáo Các cặp khác chú ý theo dõi, nhận xét bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức - Bổ sung kiến thức về lãnh thổ Chăm-pa, Đại Việt qua các thời kì: + Năm 1069, Lý Thánh Tông nam chinh đánh Chiêm Thành và bắt được vua Chiêm là Chế Củ (<i>Jaya Rudravarman</i>), đem về Thăng Long. Để được tha vua Chiêm đã cắt vùng đất phía bắc Chiêm Thành gồm ba châu Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý cho Đại Việt. Những châu ấy nay ở địa hạt các huyện Quảng Ninh, Quảng	Thời gian	Sự kiện chính							1. Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI a. Diễn biến cơ bản về chính trị <table border="1" data-bbox="902 512 1421 1843"> <tbody> <tr> <td>Thời gian</td><td>Sự kiện chính trị tiêu biểu</td></tr> <tr> <td>Năm 988</td><td>Một quý tộc người Chăm đã lập ra Vương triều Vi-giay-a, kinh đô được chuyển về Vi-giay-a</td></tr> <tr> <td>Từ năm 988 đến năm 1220</td><td>Tình hình Chăm-pa gặp nhiều khó khăn ở trong nước, phải tiến hành các cuộc chiến tranh với Chân Lạp cũng như giải quyết xung đột với Đại Việt ở phía bắc.</td></tr> <tr> <td>Từ năm 1220 đến năm 1353</td><td>Là thời kì thịnh đạt nhất của Vương quốc Chăm-pa. Chăm-pa củng cố chính quyền, mở rộng và thống nhất lãnh thổ</td></tr> <tr> <td>Từ cuối TK XIV đến năm 1471</td><td>Vương triều Vi-giay-a lâm vào khủng hoảng, suy yếu rồi sụp đổ.</td></tr> <tr> <td>Từ năm 1471 đến đầu thế kỉ XVI</td><td>Lãnh thổ Chăm-pa bị thu hẹp nhiều phần và chia thành nhiều tiểu quốc khác nhau</td></tr> </tbody> </table> - Quan hệ với Đại Việt:	Thời gian	Sự kiện chính trị tiêu biểu	Năm 988	Một quý tộc người Chăm đã lập ra Vương triều Vi-giay-a, kinh đô được chuyển về Vi-giay-a	Từ năm 988 đến năm 1220	Tình hình Chăm-pa gặp nhiều khó khăn ở trong nước, phải tiến hành các cuộc chiến tranh với Chân Lạp cũng như giải quyết xung đột với Đại Việt ở phía bắc.	Từ năm 1220 đến năm 1353	Là thời kì thịnh đạt nhất của Vương quốc Chăm-pa. Chăm-pa củng cố chính quyền, mở rộng và thống nhất lãnh thổ	Từ cuối TK XIV đến năm 1471	Vương triều Vi-giay-a lâm vào khủng hoảng, suy yếu rồi sụp đổ.	Từ năm 1471 đến đầu thế kỉ XVI	Lãnh thổ Chăm-pa bị thu hẹp nhiều phần và chia thành nhiều tiểu quốc khác nhau
Thời gian	Sự kiện chính																				
Thời gian	Sự kiện chính trị tiêu biểu																				
Năm 988	Một quý tộc người Chăm đã lập ra Vương triều Vi-giay-a, kinh đô được chuyển về Vi-giay-a																				
Từ năm 988 đến năm 1220	Tình hình Chăm-pa gặp nhiều khó khăn ở trong nước, phải tiến hành các cuộc chiến tranh với Chân Lạp cũng như giải quyết xung đột với Đại Việt ở phía bắc.																				
Từ năm 1220 đến năm 1353	Là thời kì thịnh đạt nhất của Vương quốc Chăm-pa. Chăm-pa củng cố chính quyền, mở rộng và thống nhất lãnh thổ																				
Từ cuối TK XIV đến năm 1471	Vương triều Vi-giay-a lâm vào khủng hoảng, suy yếu rồi sụp đổ.																				
Từ năm 1471 đến đầu thế kỉ XVI	Lãnh thổ Chăm-pa bị thu hẹp nhiều phần và chia thành nhiều tiểu quốc khác nhau																				

Trạch, Bồ Trạch, Tuyên Hoá, Lê Thuỷ tỉnh Quảng Bình và huyện Bến Hải tỉnh Quảng Trị. + Năm 1306 vua Chế Mân (<i>Jaya Simhavarman</i>) của Chiêm Thành cắt đất hai châu Ô và Rí cho vua Trần Anh Tông để làm sính lễ cưới Công chúa Huyền Trân của Đại Việt, vùng đất mà ngày nay là nam Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế. Biên giới phía nam của Đại Việt lúc này tiến đến đèo Hải Vân. + Năm 1402, Hồ Quý Ly sai Hồ Hán Thương mang đại quân đi đánh Chiêm Thành. Vua Chiêm dâng vùng đất ngày nay là Quảng Nam, Quảng Ngãi cho nhà Hồ. Nhà Hồ đặt nơi đây là lộ Thăng Hoa + Sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Lê sơ. Ranh giới của Đại Việt và Chăm-pa là đèo Hải Vân như ở thời Trần. + Năm 1471 vua Lê Thánh Tông đưa 20 vạn quân tiến đánh vào kinh đô Vijaya (Bình Định) của Chiêm Thành, kinh đô Vijaya bị thất thủ. Lê Thánh Tông đã sáp nhập vùng đất bắc Chiêm Thành vào Đại Việt (ngày nay là 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định) lập ra đạo Quảng Nam. Phần đất còn lại của Chiêm Thành vua Lê Thánh Tông đã chia làm 3 vương quốc Nam Bàn, Hoa Anh, Chăm-pa và giao cho tướng, hoàng thân còn lại của Chiêm Thành trấn giữ và có nghĩa vụ triều cống Đại Việt. Vua Lê cho lập 2 nước đệm là Hoa Anh và Nam Bàn để cư dân 2 nước Chăm-pa và Đại Việt có thể tự do sinh sống, qua lại tạo nên sự yên ổn lâu dài ở phía nam. Như vậy đến năm 1471 lãnh thổ Chăm-pa chỉ còn từ đèo Cù Mông (ranh giới giữa Bình Định và Phú Yên ngày nay) đến sông Dinh (Bình Thuận ngày nay) - Quan sát H1 tr90, giới thiệu về cổng thành Đồ Bàn (Thành Đồ Bàn được xây dựng từ năm 982, là một di tích lịch sử của người Chăm, còn	+ Từ TK X đến TK XIII chiến tranh, xung đột. + Từ cuối TK XIII đến đầu TK XIV quan hệ hoà hiếu. + Nửa sau TK XIV đến đầu TK XVI chiến tranh, xung đột lại tái diễn -> đan xen giữa xung đột và hoà hiếu)
--	---

được gọi là thành cổ Chà Bàn (Trà Bàn), thành Hoàng Đế hoặc thành Vi-giay-a. Năm 1982, thành cổ Đồ Bàn được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia, là niềm tự hào của người dân Bình Định mỗi khi nhắc tới quê hương mình. Bốn nhà thơ nổi tiếng gồm Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Yến Lan và Chế Lan Viên đã lập nên một nhóm thơ lấy tên “Bàn Thành tứ hữu” nghĩa là bốn người bạn ở thành Đồ Bàn.

KIẾN THỨC 2

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Hỗ trợ nhóm 15p

- GV chia nhóm lớp thành 4 nhóm
- HS đọc thông tin trong SGK tr92,93, hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ: *Trình bày khái quát những nét chính về kinh tế, văn hóa của Vương quốc Chăm-pa từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI?*

- HS làm trên giấy bìa A0, có thể làm dưới dạng sơ đồ tư duy

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận theo cặp, thống nhất ý kiến và hoàn thiện phiếu học tập

GV quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện 1 vài cặp báo cáo

Các cặp khác chú ý theo dõi, nhận xét bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức

b. Tình hình kinh tế, văn hóa

Tình hình kinh tế: sgk

Tình hình văn hóa: sgk

Hoạt động 2: 2. Sơ lược vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

a. Mục tiêu: Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị của vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV & HS	Nội dung
KIẾN THỨC 1 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS xem video, đọc thông tin trong SGK tr93,94, thảo luận cặp đôi 5p trả lời câu hỏi: 1. Vì sao từng là một vương quốc hùng mạnh trong thế kỉ III -V nhưng sau đó vùng đất Nam Bộ lại bị suy yếu và bị xâm chiếm? 2. Giới thiệu những nét chính về chính trị vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp, thống nhất ý kiến và hoàn thiện phiếu học tập GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện 1 vài cặp báo cáo Các cặp khác chú ý theo dõi, nhận xét bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức - (Do nhiều nguyên nhân: đất đai bị nhiễm mặn bởi những đợt biển tiến, diện tích đất canh tác cũng mất dần; tuyến đường giao thương trên biển không còn đi qua Phù Nam,... tác động đến tình hình kinh tế, xã hội của cư dân nơi đây, là nguyên nhân chính dẫn đến sự suy vong của Vương quốc Phù Nam) KIẾN THỨC 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS đọc thông tin trong SGK tr94, hoạt động nhóm đôi, trả lời câu hỏi: 1. Trình bày những nét chính về kinh tế, văn hoá của cư dân Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. 2. Từ đó rút ra so sánh tình hình kinh tế và văn hoá của vương quốc Phù Nam giai đoạn trước với vùng đất Đông Nam Bộ trong giai đoạn từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI? (liên hệ với kiến thức đã học ở lớp 6). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp, thống nhất ý kiến và hoàn thiện phiếu học tập	2. Sơ lược vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI a. Diễn biến cơ bản về chính trị + Khoảng đầu thế kỉ VII, vùng đất Nam Bộ trên danh nghĩa bị đặt dưới quyền cai trị của Vương quốc Chân Lạp. Tuy nhiên, triều đình Chân Lạp hầu như không thể quản lí được vùng đất này. + Từ sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIV, do ảnh hưởng nặng nề bởi điều kiện tự nhiên nên cư dân ở đây rất thưa vắng. + Từ thế kỉ XVI mới có những nhóm lưu dân người Việt đến khẩn hoang và lập ra những làng người Việt đầu tiên b. Tình hình kinh tế và văn hoá - Kinh tế: Chủ yếu dựa vào canh tác lúa nước kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt thuỷ hải sản. Bên cạnh đó, họ làm các nghề thủ công và buôn bán nhỏ. Thương nghiệp không còn phát triển như thời kì Vương quốc Phù Nam. - Văn hoá: Người dân vẫn giữ nhiều truyền thống văn hoá từ thời Phù Nam, đồng thời dần tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hoá

GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện 1 vài cặp báo cáo Các cặp khác chú ý theo dõi, nhận xét bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.	Trung Quốc, Ấn Độ. Hin-đu giáo, Phật giáo, các tín ngưỡng dân gian,... tiếp tục được duy trì trong đời sống văn hoá của cư dân.
---	---

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện

A. Trắc nghiệm

1. Vương triều Vi-giay-a được thành lập năm nào?

A. Năm 989. B. Năm 999. **C. Năm 988.** D. Đầu thế kỉ X.

2. Kinh đô Vi-giay-a thuộc địa danh nào ngày nay?

A. Thăng Bình (Quảng Nam). C. Tuy Phước (Bình Định).

B. Tuy Hoà (Phú Yên). **D. An Nhơn (Bình Định).**

3. Thời kì thịnh đạt nhất của Vương triều Vi-giay-a cũng như của Vương quốc Chăm-pa là

A. từ năm 988 đến 1220. B. từ cuối thế kỉ XIV đến năm 1471.

C. từ năm 1220 đến năm 1353. D. từ năm 1471 đến đầu thế kỉ XVI.

4. Một số thành tựu nổi bật về kinh tế mà người Chăm đạt được trong thời kì từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI là

A. xây dựng hải cảng mới như Đại Chiêm (Quảng Nam), khai thác và buôn bán nhiều loại lâm thổ sản quý như trầm hương.

B. xây dựng hải cảng mới như Tân Châu (Bình Định), khai thác và buôn bán nhiều loại lâm thổ sản quý như trầm hương, long não, sừng tê giác,...

C. xây dựng hải cảng mới như Tân Châu (Bình Định), mở rộng nhiều lò gốm mới tiếng như Gò Sành, Trường Cửu, Gò Cây Me (Bình Định).

D. mở rộng hải cảng Đại Chiêm (Quảng Nam), xây dựng hải cảng mới như Tân Châu (Bình Định),...

5. Tôn giáo có vị trí quan trọng nhất trong đời sống tôn giáo – tín ngưỡng của cư dân Chăm-pa thời kì này là

A. Phật giáo. B. Nho giáo. **C. Hin-đu giáo.** D. Đạo giáo.

6. Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, vùng đất Nam Bộ thuộc quyền quản lí của vương quốc nào?

A. Phù Nam. B. Chăm-pa. **C. Chân Lạp.** D. Lục Chân Lạp.

7. Các ngành kinh tế chính của cư dân vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI là

A. thương mại đường biển.

B. nghề thủ công và buôn bán nhỏ.

C. trồng lúa kết hợp chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản.

D. thương mại đường biển và trồng lúa.

8. Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, cư dân vùng đất Nam Bộ chịu ảnh hưởng lớn của nền văn hoá

A. Trung Quốc.

B. Ấn Độ.

C. Đại Việt.

D. Đông Nam Á.

4. Hoạt động vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: **Bài tập 3/94:** Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để viết một đoạn văn giới thiệu về một di tích đền tháp Chăm-pa được xây dựng trong giai đoạn từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Theo em cần phải làm gì để bảo vệ và phát huy giá trị của di tích đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS về nhà thực hiện yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV kiểm tra ở tiết sau.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

I. KHUNG MA TRẬN
Phân môn Lịch sử: 3.5 điểm

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
Phân môn Lịch sử							
1	ĐẠI VIỆT THỜI LÝ – TRẦN – HỒ (1009 – 1407)	1. Đại Việt thời Trần (1226 – 1400)	2	1			16.6%
		2. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên	1		1	1	18.3%
Tổng câu			3	1	1	1	6
Tổng điểm			1	1	1	0.5	3.5
Tỉ lệ			10%	10%	10%	5%	35%

II. BẢNG ĐẶC TẢ (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐẠI VIỆT THỜI LÝ – TRẦN – HỒ (1009 – 1407)	1. Đại Việt thời Trần (1226 – 1400) 2. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.	Nhận biết – Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. Thông hiểu - Nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. – Mô tả được sự thành lập nhà Trần - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá, kinh tế, xã hội tiêu biểu thời Trần. Vận dụng – Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. – Đánh giá được vai trò của một số nhân	3	1	1	

			vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông... – Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. - Nhận xét được tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt Vận dụng cao: Liên hệ, rút ra được bài học từ thắng lợi của 3 lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên với những vấn đề thực tiễn hiện nay.				1
Tổng hợp chung:				3 TN	1 TL	1 TL	1 TL
Số câu				1	1	1	1
Số điểm							
Tỉ lệ %				10%	10%	10%	5%

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023- 2024 Môn: Lịch Sử - Địa Lí. Lớp 7 Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề)
---	--

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM: (1 điểm) *Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.*

Câu 1: Bộ máy nhà nước thời Trần được tổ chức theo chế độ nào?

- A. Trung ương tập quyền.
- B. Phong kiến phân quyền.
- C. Vua nắm quyền tuyệt đối.
- D. Vừa trung ương tập quyền vừa phong kiến phân quyền.

Câu 2: Bộ luật nào được ban hành dưới thời Trần?

- A. Hình thư.
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Luật Hồng Đức.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 3: Năm 1258, khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long, quân dân nhà Trần đã làm gì?

- A. Thực hiện chiến thuật đánh du kích.
- B. Thi hành kế sách “vườn không nhà trống”.
- C. Quyết tâm chiến đấu để bảo vệ kinh thành.
- D. Thực hiện kế sách tạm hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng.

II. TỰ LUẬN (2.5 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Mô tả những nét chính về tình hình kinh tế thời Trần?

Câu 2: (1 điểm) Em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của nhân vật lịch sử: Trần Quốc Tuấn đối với nhà Trần và kháng chiến chống quân Mông - Nguyên?

Câu 3: (0.5 điểm) Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông – Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

.....**HẾT**.....

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023- 2024 Môn: Lịch Sử - Địa Lí. Lớp 7 Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề)
--	--

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (1 điểm) Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1: Trong xã hội thời Trần, tầng lớp nào có nhiều đặc quyền và nắm giữ những chức vụ chủ chốt trong bộ máy chính quyền?

- A. Quý tộc. B. Nông dân. C. Thợ thủ công. D. Thương nhân.

Câu 2: Dưới thời Trần, nước ta có tất cả bao nhiêu lộ, phủ?

- A. 10. B. 12. C. 13. D. 24.

Câu 3: Trần Quốc Tuấn đã soạn tác phẩm gì để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285?

- A. Nam quốc sơn hà. B. Binh thư yếu lược.
C. Đại Việt sử kí. D. Hịch tướng sĩ.

II. TỰ LUẬN (2.5 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Mô tả những nét chính về tình hình xã hội thời Trần?

Câu 2: (1 điểm) Em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của nhân vật lịch sử: Trần Thủ Độ đối với nhà Trần và kháng chiến chống quân Mông - Nguyên?

Câu 3: (0.5 điểm) Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông – Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

.....**HẾT**.....

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 7

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM: (1 điểm) (Mỗi câu đúng được 0.33 điểm).

Câu	1	2	3
Đ/A	A	B	B

II. TỰ LUẬN (2.5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Mô tả những nét chính về tình hình kinh tế thời Trần?	1.0 điểm
	* Nông nghiệp: - Biện pháp: khai hoang, đắp đê, phòng lụt, xây dựng thủy lợi, giảm tô thuế, lập điền trang... * Thủ công nghiệp: - Nhà nước: đóng thuyền chiến, vũ khí, đúc tiền... - Ở các làng, xã: làng nghề, phường nghề.. sản phẩm đa dạng, phong phú * Thương nghiệp: - Buôn bán tập nập ở nhiều nơi. Cửa khẩu, cửa biển thu hút nhiều thương nhân nước ngoài: Vân Đồn, Thăng Long..	0.25 0.25 0.25 0.25
2	Em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của nhân vật lịch sử: Trần Quốc Tuấn đối với nhà Trần và kháng chiến chống quân Mông - Nguyên?	1.0 điểm
	+ Là vị chỉ huy quân đội, lãnh đạo tối cao cùng với các vua Trần. Đưa những chủ trương kế sách đúng đắn, là điều kiện tiên quyết dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến. + Là người huấn luyện quân đội, khích lệ tinh thần các chiến sĩ thông qua việc soạn thảo “Hịch tướng sĩ”.	0.5 0.5
3	Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông – Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?	0.5 điểm
	+ Đoàn kết toàn dân, chung sức xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc trước các thế lực thù địch. + Có sự chỉ đạo chiến lược nhất quán và xuyên suốt.	0.25 0.25

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 7

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (1 điểm) (Mỗi câu đúng được 0.33 điểm).

Câu	1	2	3
Đ/A	A	B	D

II. TỰ LUẬN (2.5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Mô tả những nét chính về tình hình xã hội thời Trần?	1.0 điểm
	- Xã hội tiếp tục có sự phân hóa: - Quý tộc: gồm vua, quan; có nhiều đặc quyền; giữ chức vụ chủ chốt trong bộ máy chính quyền, chủ thái ấp, điền trang. - Nhân dân lao động: cày cấy ruộng đất công làng xã, hoặc lĩnh canh ruộng đất của địa chủ. - Thợ thủ công, thương nhân: số lượng ngày càng nhiều. - Nông nô, nô tì: số lượng khá đông; cày cấy trong điền trang, phục dịch gia đình quý tộc.	0.25 0.25 0.25 0.25
2	Em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của nhân vật lịch sử: Trần Thủ Độ đối với nhà Trần và kháng chiến chống quân Mông - Nguyên?	1.0 điểm
	+ Người sáng lập và trực tiếp lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước những năm đầu thời kỳ nhà Trần. + Sau khi nhà Trần thành lập, ông được vua phong làm Quốc thượng phụ rồi Thái sư. Bằng tài năng, uy tín của mình, ông đã củng cố nước Việt vững mạnh cả về chính trị, kinh tế, quân sự...	0.5 0.5
	Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông – Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?	0.5 điểm
3	+ Đoàn kết toàn dân, chung sức xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc trước các thế lực thù địch. + Có sự chỉ đạo chiến lược nhất quán và xuyên suốt.	0.25 0.25

.....**HẾT**.....

Ngày soạn: 7/5/2024

Tiết 51, 52, 53: Chủ đề chung 1: CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU: Sau khi học xong bài, giúp học sinh

1. Về kiến thức

- Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
- Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

2. Về năng lực

- Năng lực chung

- + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- + Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Năng lực chuyên biệt

- + Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- + Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần dũng cảm, khám phá cái mới và tôn trọng các dân tộc khác nhau trên thế giới.
- Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ hành trình khám phá châu Mỹ của C. cô -lôm-bô.
- Lược đồ chuyến đi vòng quanh thế giới của Ph.Ma-gien-lăng.
- Hình ảnh, video về các cuộc hành trình phát kiến địa lí.

2. Đối với học sinh

- Sưu tầm tư liệu liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh kể tên được các châu lục trên thế giới thông qua xem tranh, từ đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS quan sát hình ảnh trên tivi: 1 số bức tranh ở các châu lục khác nhau.
- HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi: *Các bức tranh trên nằm ở các châu lục nào? Kể tên các châu lục mà em biết.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. 1. Nguyên nhân và điều kiện của các cuộc đại phát kiến địa lí

a. Mục tiêu: Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS dựa thông tin trong SGK, chia lớp thành 8 nhóm, thực hiện thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, thời gian 5 phút. + Nhóm lẻ: Hãy lí giải vì sao đến thế kỉ XV, việc tìm đường biển sang phương Đông của người Tây Âu được đặt ra cấp thiết. + Nhóm chẵn: Những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm đọc SGK, quan sát tranh, thực hiện yêu cầu. GV theo dõi, hỗ trợ. GV có thể định hướng thêm bằng 1 số câu hỏi liên quan để tìm ra kiến thức. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV chọn 1 nhóm để trình bày, các nhóm khác phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập Đánh giá: HS-HS, GV-HS, GV chốt kiến thức. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 3-2-1: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi chất vấn)	1. Nguyên nhân và điều kiện của các cuộc đại phát kiến địa lí - Nguyên nhân: + Từ giữa thế kỉ XV, do sự phát triển của nền sản xuất ở các nước Tây Âu nên nhu cầu về nguyên liệu, vàng bạc và mở rộng thị trường ngày một tăng. + Thời kì đó, các con đường buôn bán truyền thống từ châu Âu sang phương Đông qua Địa Trung Hải bị người Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ độc chiếm, hàng hoá của thương nhân bị cướp đoạt một cách vô lí. Nhu cầu tìm kiếm một con đường khác để sang phương Đông được đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết. - Những yếu tố tác động: + Từ quan niệm đúng đắn về hình dạng Trái Đất và hiểu biết về các đại dương, người châu Âu đã vẽ được bản đồ, hải đồ có ghi các vùng đất, hòn đảo, bến cảng,... + Các nhà hàng hải cũng bắt đầu nghiên cứu các dòng hải lưu, hương gió,... Cuối thế kỉ XV, la bàn nam châm được sử dụng một cách phổ biến để đi trên sông, biển khi không có Mặt Trời hay trăng, sao. + Đặc biệt, kĩ thuật đóng tàu lúc đó có những bước tiến mới, đóng được những con tàu dài có bánh lái và hệ thống buồm lớn để vượt đại dương (như tàu Ca-ra-ven). + Sự bảo trợ của một số nhà nước phong kiến ở châu Âu cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc phát kiến địa lí.

Hoạt động 2: 2. Một số cuộc đại phát kiến địa lí

a. Mục tiêu: Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS dựa thông tin trong SGK, chia lớp thành 8 nhóm, thực hiện yêu cầu sau (có thể lựa chọn các hình thức báo cáo như kĩ thuật khăn trải bàn, bảng nhóm, sơ đồ tư duy,	2. Một số cuộc đại phát kiến địa lí a. Cuộc phát kiến địa lí của C. cô-lôm-bô - Tháng 8 – 1492, Cô-lôm-bô và đoàn thủy thủ bắt đầu rời cảng Pa-lốt của Tây Ban Nha, đi về phía tây, băng qua Đại Tây Dương. - Tháng 10 – 1492, họ đặt chân lên một hòn đảo, sau được đặt tên là Xan Xan-va-đô.

thuyết trình...): + Nhóm lẻ: Mô tả cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502). + Nhóm chẵn: Mô tả cuộc đại phát kiến địa lí: cuộc thám hiểm của <u>Ferdinand Magellan</u> vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522). Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm đọc SGK, quan sát tranh, thực hiện yêu cầu. GV theo dõi, hỗ trợ. GV có thể định hướng thêm bằng 1 số câu hỏi liên quan để tìm ra kiến thức. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV chọn 1 nhóm để trình bày, các nhóm khác phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập Đánh giá: HS-HS, GV-HS, GV chốt kiến thức. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 3-2-1: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi chất vấn)	- Trong vài tháng sau đó, họ khám phá bờ biển phía đông bắc của Cu-ba và bờ biển phía bắc của Hi-xpa-ni-ô-la. Cô-lôm-bô tin rằng ông đã tới được Đông Ấn Độ, nhưng thực ra đó là vùng đất mới – châu Mỹ. - Sau đó, ông còn tiến hành thêm ba chuyến thám hiểm tới châu Mỹ vào các năm 1493, 1498 và 1502. b. Cuộc phát kiến địa lí của Ph. Ma-gien-lăng - Tháng 9 - 1519, đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng gồm nam chiếc tàu ra khơi từ Tây Ban Nha, cũng nhằm tìm kiếm tuyến đường biển theo hướng tây tới quần đảo Gia Vì (thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay). - Sau khi khám phá ra eo biển nằm ở cực nam châu Mỹ đoàn thám hiểm tiến vào một đại dương rộng lớn mà Ma-gien-lăng gọi là Thái Bình Dương. - Trải qua nhiều ngày lênh đênh trên biển, đoàn đã đến được Phi-líp-pin. Tại đây, Ma-gien-lăng đã thiệt mạng trong cuộc đụng độ với thổ dân. Các thủy thủ trong đoàn tiếp tục hành trình qua Ấn Độ Dương đến mũi Hảo Vọng (Nam Phi) rồi trở về bờ biển Tây Ban Nha (9 – 1522) mang theo về rất nhiều hương liệu và gia vị,...
--	---

Hoạt động 3: 3. Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí

a. Mục tiêu: Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

b. Cách thức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS dựa thông tin trong SGK, chia lớp thành 8 nhóm, thực hiện thảo luận nhóm, thời gian 10 phút (có thể lựa chọn các hình thức báo cáo như kĩ thuật khăn trải bàn, bảng nhóm, sơ đồ tư duy, thuyết trình...),. Câu hỏi: Phân tích tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập Các nhóm đọc SGK, quan sát tranh, thực hiện yêu cầu. GV theo dõi, hỗ trợ. GV có thể định hướng thêm bằng 1 số câu hỏi liên quan để tìm ra kiến thức. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV chọn 1 nhóm để trình bày, các nhóm khác phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	3. Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí - Về kinh tế, góp phần mở rộng phạm vi buôn bán trên thế giới, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của thương nghiệp và công nghiệp. Nhờ vậy, tầng lớp thương nhân và chủ xưởng sản xuất,... ở Tây Âu trở nên giàu có. - Đem lại cho loài người hiểu biết về những con đường mới, vùng đất mới,... Từ đó, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc được tăng cường và mở rộng. - Tuy nhiên, trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, người lao động (nhất là nông dân)

học tập Đánh giá: HS-HS, GV-HS, GV chốt kiến thức. (Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật 3-2-1: cho 3 lời khen; 2 hạn chế và 1 lời góp ý hoặc 1 câu hỏi chất vấn)	ngày càng bị bần cùng hoá. Các cuộc phát kiến địa lí cũng đã dẫn đến nạn buôn bán nô lệ và làm nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa.
---	---

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện

A. Trắc nghiệm

1. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí trong các thế kỉ XV-XVI là gì?

A. Sự phát triển nhanh chóng của nền sản xuất ở các nước Tây Âu.

B. Nhu cầu tìm con đường mới để sang phương Đông.

C. Khoa học – kĩ thuật có những bước tiến quan trọng.

D. Nhu cầu hiểu biết khoa học về đại dương, Trái Đất.

2. Vì sao nhu cầu tìm kiếm con đường biển từ châu Âu sang phương Đông lại đặt ra cấp thiết?

A. Hành trình theo đường bộ nhiều rủi ro và tốn kém.

B. Tuyến đường bộ bị người Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ độc chiếm.

C. Giao thương bằng đường biển nhanh chóng và hiệu quả hơn so với đường bộ.

D. Nhu cầu muốn khám phá thế giới của con người.

3. Nhà thám hiểm nào lựa chọn hành trình đi về hướng tây?

A. V. Ga-ma.B.

B. Đì-a-xo.

C. Ph. Ma-gien-lăng.

D. C. Cô-lôm-bô và Ph. Ma-gien-lăng.

4. Ai là người tìm ra châu Mỹ?

A. V. Ga-ma.

C. Ph. Ma-gien-lăng.

B. C. Cô-lôm-bô.

D. B. Đì-a-xo

5. Chuyến thám hiểm của nhà hàng hải nào đã chứng minh trên thực tiễn rằng Trái Đất có dạng cầu?

A. V. Ga-ma.

C. Ph. Ma-gien-lăng.

B. C. Cô-lôm-bô.

D. A-mê-ri-gô.

6. Một trong những tác động của các cuộc phát kiến địa lí là

A. thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của thương nghiệp và công nghiệp châu Âu.

B. tạo cơ sở ra đời của các thương đoàn trung đại.

C. vô hiệu hoá vai trò của người Ả Rập ở Trung Đông.

D. đưa đến sự hình thành “con đường tơ lụa” trên biển thay thế con đường giao đường trên bộ.

7. Một trong những tác động tích cực của các cuộc phát kiến địa lí đối với lịch sử loài người là

A. đem lại cho loài người hiểu biết về những con đường mới, vùng đất mới...

B. dẫn đến tình trạng bần cùng hoá người lao động (nhất là nông dân).

C. dẫn đến nạn buôn bán nô lệ từ châu Phi sang châu Mỹ.

D. dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa thực dân châu Âu.

8. Các cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho những tầng lớp nào ở châu Âu?

A. Tầng lữ, quý tộc.

B. Công nhân, quý tộc.

C. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc.

D. Thương nhân, quý tộc.

B. Tự luận

Bài tập 1. Từ hành trình của các cuộc đại phát kiến địa lí, em ấn tượng nhất với hành trình nào? Vì sao?

(Hành trình thám hiểm tìm ra châu Mỹ của C. Cô-lôm-bô. Lí do: Vì hành trình này đã phát hiện ra một châu lục mới – châu Mỹ.)

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi: Bài tập 2,3/169:

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS về nhà thực hiện yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV kiểm tra ở tiết sau.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

I. MA TRẬN

I. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ (5.0 đ)									
STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC				TỔNG		% TỔNG ĐIỂM
			NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG THẤP	VẬN DỤNG CAO	SỐ CÂU HỎI		
							TNKQ	TL	
1	Chương 3: Châu Phi	- Vị trí, đặc điểm tự nhiên châu Phi. - Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi. - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi.	1TN 1TN		1 TL		3TN	1TL	20% 2
2	Chương 4: Châu Mỹ	- Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. Sự phát kiến ra châu Mỹ. - Đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên) và dân cư, đô thị ở Bắc Mỹ.	1TN 3TN	1/2TL			3 TN	1TL	30% 3

		- Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ.				1/2TL			
Tổng số câu			6	1/2	1	1/2	6	2	8
Tổng số điểm			2.0	1.5	1.0	0.5	2.0	3.0	5.0
II. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 điểm)									
1	ĐẠI VIỆT THỜI LÝ – TRẦN – HỒ (1009 – 1407)	1. Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407)	2TN				2		0.66% 6.6
2	KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1418 - 1527)	2. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)	2TN		1TL	1TL	2	2	21.6% 2.16
		3. Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527)	2TN	1TL			2	1	21.6% 2.16
Tổng số câu			6	1	1	1	6	3	9
Tổng số điểm			2	1.5	1	0.5	2	3	5
Tỉ lệ			40%	30%	20%	10%	40%	60%	100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận biết			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Châu Phi	- Vị trí, đặc điểm thiên nhiên châu Phi - Dân cư xã hội châu Phi - Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên châu Phi. - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi: tăng nhanh dân số; vấn đề nạn đói; vấn đề xung đột quân sự,... - Biết được nền văn minh rực rỡ ở châu Phi. - Nêu tên được cảnh quan tiêu biểu của các môi trường tự nhiên ở châu Phi. Thông hiểu - Trình bày được những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi: tăng nhanh dân số; vấn đề nạn đói; vấn đề xung đột quân sự,... - Hiểu được nguyên nhân và hậu quả của các vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội ở	1TN			
				1TN		1 TL	

			Châu Phi. Vận dụng - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. - Vấn đề cần quan tâm khi khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. Vận dụng cao - Vận dụng kiến thức đã học liên hệ giải quyết các vấn đề của Việt Nam				
2	Châu Mỹ	- Vị trí, phạm vi châu Mỹ, phát kiến châu Mỹ. - Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ - Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) - Phương thức con người khai thác, sử dụng và	Nhận biết - Mô tả khái quát về vị trí địa lí, diện tích, phạm vi châu Mỹ. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên) và dân cư, đô thị ở Bắc Mỹ. Thông hiểu - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ. - Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá ở Bắc Mỹ. - Phân tích được phương thức con người	1 TN 3 TN	1/2 TL		½ TL

		bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ	khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ. - Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Trung và Nam Mỹ thông qua trường hợp rừng Amazon.				
--	--	---	---	--	--	--	--

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1	ĐẠI VIỆT THỜI LÝ – TRẦN – HỒ (1009 – 1407)	1. Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407)	Nhận biết - Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ. - Một số nội dung về công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly. - Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh.	2TN			
---	---	--	--	------------	--	--	--

2	KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1418 - 1527)	2. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) 3. Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527)	Nhận biết - Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Sự thành lập vương triều thời Lê sơ. - Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ. Thông hiểu - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Tình hình kinh tế - xã hội, văn hoá – giáo dục thời Lê sơ. - Nhận xét về kế sách của Lê Lợi khi đề nghị giảng hoà với quân Minh. - Tình hình kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục thời Lê sơ. Vận dụng - Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... Vận dụng cao - Liên hệ, rút ra được bài học từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với những vấn đề của thực tiễn hiện nay.	4TN	1TL	1TL	1TL
Tổng hợp chung: Số câu Số điểm				12TN 4	1 + ½ TL 3	2 TL 2	1 + ½ TL 1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) *Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.*

Câu 1. Vấn đề cần quan tâm ở môi trường xích đạo của châu Phi là gì?

- A. Xây dựng công trình thủy lợi và thành lập khu bảo tồn thiên nhiên
- B. Thành lập vành đai xanh chống tình trạng hoang mạc hoá
- C. Chống khô hạn và hoang mạc hoá
- D. Trồng rừng và bảo vệ rừng

Câu 2. Địa hình phía tây của Bắc Mỹ là

- A. miền núi Coóc-đi-e
- B. các đồng bằng rộng lớn
- C. dãy núi A-pa-lát
- D. Sơn nguyên trên bán đảo La-bra-đo

Câu 3. Năm 2020, tỉ lệ dân đô thị của khu vực Bắc Mỹ chiếm khoảng bao nhiêu % số dân?

- A. 75
- B. 77,5
- C. 80
- D. 82,6

Câu 4. Các đô thị của Bắc Mỹ phân bố thưa thớt ở

- A. sâu trong nội địa
- B. ven Đại Tây Dương
- C. phía nam hệ thống Ngũ Hồ
- D. Phía nam hệ thống Ngũ Hồ và ven Đại Tây Dương

Câu 5. Đặc điểm đường bờ biển châu Phi

- A. bị cắt xẻ mạnh.
- B. ít bị chia cắt.
- C. nhiều vịnh biển.
- D. nhiều bán đảo.

Câu 6. Châu Mỹ tiếp giáp với các đại dương

- A. Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương.
- B. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, Đại Tây Dương.
- C. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Đại Tây Dương.
- D. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương.

Câu 7. Ai là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

- A. Lê Lợi.
- B. Lê Hoàn.
- C. Lý Thường Kiệt.
- D. Lê Lai.

Câu 8. Để tăng cường sức mạnh quân sự, nhà Hồ đã thực hiện biện pháp gì?

- A. Thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô.
- B. Lập lại kỉ cương, cải tổ quy chế quan lại.
- C. Cải cách chế độ học tập, thi cử để tuyển chọn người tài.
- D. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy, xây dựng nhiều thành lũy.

Câu 9. Năm 1424, Nguyễn Chích đề nghị nghĩa quân Lam Sơn tạm rời núi rừng Thanh Hóa, chuyển quân

- A. ra Bắc.
- B. vào Nghệ An.

C. vào miền Nam.

D. lên núi Chí Linh.

Câu 10. Sau khi lên ngôi vua, Lê Lợi đã khôi phục lại quốc hiệu là

A. Đại Việt.

B. Đại Cồ Việt.

C. Đại Ngu.

D. Đại Nam.

Câu 11. Tác phẩm sử học nào do Ngô Sĩ Liên biên soạn dưới thời Lê sơ?

A. Lam Sơn thực lục.

B. Phủ biên tạp lục.

C. Đại Việt sử kí toàn thư.

D. Đại Việt sử kí.

Câu 12. Hồ Quý Ly tiến hành cải cách trong các lĩnh vực nào?

A. Chính trị, quân sự.

B. Văn hoá, giáo dục.

C. Kinh tế, xã hội.

D. Cải cách toàn diện.

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm) Trình bày cách thức người dân Châu Phi khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới.

Câu 2. (2.0 điểm)

a) Trình bày sự phân hoá thiên nhiên theo chiều đông- tây của khu vực Trung và Nam Mỹ.

b) Tại sao bảo vệ rừng A-ma-dôn là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng hiện nay?

Câu 3. (1.5 điểm) Mô tả những nét chính về tình hình kinh tế thời Lê sơ?

Câu 4. (1.0 điểm) Em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của nhân vật lịch sử: Lê Lợi đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

Câu 5. (0.5 điểm) Từ khởi nghĩa Lam Sơn, chúng ta rút ra được bài học kinh nghiệm gì đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?

.....**HẾT**.....

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) *Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.*

Câu 1. Vấn đề cần quan tâm ở môi trường nhiệt đới của châu Phi là gì?

- A. Xây dựng công trình thủy lợi và thành lập khu bảo tồn thiên nhiên
- B. Thành lập vành đai xanh chống tình trạng hoang mạc hoá
- C. Chống khô hạn và hoang mạc hoá
- D. Trồng rừng và bảo vệ rừng

Câu 2. Địa hình ở giữa của Bắc Mỹ là

- A. miền núi Coóc-đi-e
- B. các đồng bằng rộng lớn
- C. dãy núi A-pa-lát
- D. Sơn nguyên trên bán đảo La-bra-đo

Câu 3. Năm 2020, tỉ lệ dân đô thị của khu vực Trung và nam Mỹ chiếm khoảng bao nhiêu % số dân?

- A. 80
- B. 70
- C. 60
- D. 50

Câu 4. Các đô thị của Bắc Mỹ tập trung chủ yếu ở

- A. sâu trong nội địa
- B. ven Đại Tây Dương
- C. phía nam hệ thống Ngũ Hồ
- D. Phía nam hệ thống Ngũ Hồ và ven Đại Tây Dương

Câu 5. Sự phân bố các môi trường tự nhiên của châu Phi

- A. chủ yếu ở ven biển.
- B. trải rộng khắp các khu vực.
- C. nằm đối xứng qua Xích đạo.
- D. nằm xen kẽ từ bắc xuống nam.

Câu 6. Châu Mỹ không tiếp giáp đại dương nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Đại Tây Dương.
- C. Bắc Băng Dương.
- D. Thái Bình Dương.

Câu 7. Nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là ở đâu?

- A. Lang Chánh (Thanh Hoá).
- B. Tây Đô (Thanh Hoá).
- C. Lam Sơn (Thanh Hoá).
- D. Thọ Xuân (Thanh Hoá).

Câu 8. Hồ Quý Ly phát hành loại tiền giấy đầu tiên có tên là gì?

- A. Thảo bảo hội sao.
- B. Thuận Thiên thông bảo.
- C. Thông bảo.
- D. Thánh nguyên thông bảo.

Câu 9. Cuối năm 1424, nghĩa quân Lam Sơn giải phóng một vùng đất rộng lớn từ

- A. Thanh Hoá tới Nghệ An.
- B. Nghệ An tới Quảng Trị.
- C. Thanh Hoá tới đèo Hải Vân.
- D. Nghệ An tới đèo Hải Vân.

Câu 10. Bộ luật nào được ban hành dưới triều Lê sơ?

- A. Hình thư.
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Hình luật.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 11. Tác phẩm “Bình ngô đại cáo” do ai sáng tác?

- A. Nguyễn Trãi. B. Lê Thánh Tông.
C. Ngô Sĩ Liên. D. Lương Thế Vinh.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục?

- A. củng cố chế độ quân chủ chuyên chế.
B. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy.
C. Thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô.
D. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm để dịch sách chữ Hán.

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm) Trình bày cách thức người dân Châu Phi khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường hoang mạc.

Câu 2. (2.0 điểm)

a) Trình bày sự phân hóa tự nhiên theo chiều bắc - nam ở khu vực Trung và Nam Mỹ.

b) Tại sao bảo vệ rừng A-ma-dôn là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng hiện nay?

Câu 3. (1.5 điểm) Trình bày sự phát triển về văn hoá thời Lê sơ?

Câu 4. (1.0 điểm) Em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của nhân vật lịch sử: Nguyễn Trãi đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

Câu 5. (0.5 điểm) Từ khởi nghĩa Lam Sơn, chúng ta rút ra được bài học kinh nghiệm gì đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) (Mỗi câu đúng được 0.33 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	D	A	B	D	A	D	B	A	C	D

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
1	* Cách thức người dân Châu Phi khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới.	0.25
	- Những vùng khô hạn như sa mạc ở Nam Xa-ha-ra: canh tác phổ biến theo hình thức nương rẫy.	0.25
	- Những vùng khí hậu nhiệt đới ẩm như Đông Nam Phi: hình thành các vùng trồng cây ăn quả và cây công nghiệp với mục đích xuất khẩu.	0.25
	- Khai thác xuất khẩu khoáng sản, một số nước phát triển công nghiệp chế biến. - Xây dựng các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo nguồn nước cho nông nghiệp và sinh hoạt.	0.25
2	a) Trình bày sự phân hoá thiên nhiên theo chiều đông- tây của khu vực Trung và Nam Mỹ.	
	- Trung Mỹ: phía đông và các đảo có lượng mưa nhiều hơn phía tây nên thảm rừng rậm nhiệt đới phát triển; phía tây khô hạn nên chủ yếu là sa mạc, rừng thưa.	0.5
	- Nam Mỹ: sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông - tây thể hiện rõ nhất ở địa hình:	0.25
	+ Phía đông là các sơn nguyên.	0.25
	+ Ở giữa là các đồng bằng rộng và bằng phẳng.	0.25
	+ Phía tây là miền núi An-đet.	0.25
	b/ Bảo vệ rừng A-ma-dôn là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng hiện nay vì:	
	- Vai trò: rừng A-ma-dôn là lá phổi xanh của Trái Đất, khu dự trữ sinh quyển của Thế giới.	0.25
	- Hiện nay diện tích rừng A-ma-dôn đang suy giảm nhanh chóng do con người khai thác và cháy rừng.	0.25
	(Học sinh có thể trình bày theo cách khác nhưng đảm bảo nội dung, điểm tối đa 0,5 điểm)	
3	Mô tả những nét chính về tình hình kinh tế thời Lê sơ	1.5
	Nông nghiệp: Được phục hồi và phát triển nhanh chóng nhờ những chính sách tích cực của nhà nước (Cử lính về quê làm ruộng thời bình, đặt một số chức quan chuyên lo về nông nghiệp như Hà đê sứ, Khuyến nông sứ,...).	0.5

	- Thủ công nghiệp: Phát triển với những nghề thủ công truyền thống (đan nón, dệt lụa,...), nhiều làng thủ công chuyên nghiệp nổi tiếng ra đời, nhất là Thăng Long. - Thương nghiệp: Chợ búa được khuyến khích mở để lưu thông hàng hóa trong nước và nước ngoài. => Nền kinh tế Đại Việt được phục hồi nhanh chóng và tiếp tục phát triển một cách thịnh vượng.	0.5 0.25 0.25
	Em hãy đánh giá ngắn gọn về vai trò của nhân vật lịch sử: Lê Lợi đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn	1.0
4	+ Nung nấu một quyết tâm đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi.	0.25
	+ Đầu năm 1418, Lê Lợi xưng là Bình Định Vương kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Lê Lợi là linh hồn, là lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa ấy.	0.25
	+ Là nhà chỉ đạo chiến lược kiệt xuất.	
	+ Vừa là nhà tổ chức và chỉ đạo chiến lược về chính trị, quân sự, vừa là vị tướng cầm quân mưu trí, quả quyết.	0.25
		0.25
	Từ khởi nghĩa Lam Sơn, chúng ta rút ra được bài học kinh nghiệm gì đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	
5	+ Phát huy tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước của toàn dân.	0.25
	+ Đề ra đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn. Đề cao lòng nhân đạo, thiện chí hòa bình.	0.25

- Ghi chú: Học sinh có thể không trình bày các ý theo thứ tự như hướng dẫn trả lời nhưng đủ ý và hợp lí, sạch đẹp vẫn cho điểm tối đa. Thiếu ý nào sẽ không cho điểm ý đó.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 7
MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (4.0 điểm) (đúng mỗi câu đạt 0.33 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	A	D	C	A	C	A	C	B	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
1	* Cách thức người dân Châu Phi khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường hoang mạc. - Khu vực ốc đảo: trồng cây ăn quả (cam, chanh, ...), chà là và một số cây lương thực (lúa mạch, ...) trên những mảnh ruộng nhỏ. - Chăn nuôi gia súc (dê, lạc đà, ...) dưới hình thức du mục. - Nhờ tiến bộ của kĩ thuật khoan sâu, nhiều mỏ dầu khí lớn, các mỏ khoáng sản và các túi nước ngầm được phát hiện => đem lại nguồn thu lớn. - Các nước trong khu vực đã có nhiều biện pháp hợp tác để thành lập “vành đai xanh” chống hoang mạc hóa,...	0.25 0.25 0.25 0.25
2	a/ Sự phân hóa tự nhiên theo chiều bắc - nam ở khu vực Trung và Nam Mỹ. Sự phân hoá thiên nhiên theo chiều bắc - nam thể hiện rõ nét ở sự khác biệt về khí hậu và cảnh quan. - Đới khí hậu xích đạo: nóng ẩm quanh năm, rừng mưa nhiệt đới phát triển. - Đới khí hậu cận xích đạo: một năm có hai mùa, thảm thực vật là rừng thưa nhiệt đới. - Đới khí hậu nhiệt đới: nóng, lượng mưa giảm dần từ đông sang tây. Cảnh quan cũng thay đổi từ rừng nhiệt đới ẩm đến xa van, cây bụi và hoang mạc. - Đới khí hậu cận nhiệt: mùa hạ nóng, mùa đông ẩm, thực vật là rừng cận nhiệt và thảo nguyên rừng. - Đới khí hậu ôn đới: mát mẻ quanh năm. Cảnh quan rừng hỗn hợp và bán hoang mạc. b/ Bảo vệ rừng A-ma-dôn là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng hiện nay vì: - Vai trò: rừng A-ma-dôn là lá phổi xanh của Trái Đất, khu dự trữ sinh quyển của Thế giới. - Hiện nay diện tích rừng A-ma-dôn đang suy giảm nhanh chóng do con người khai thác và cháy rừng. <i>(Học sinh có thể trình bày theo cách khác nhưng đảm bảo nội dung, điểm tối đa 0,5 điểm)</i>	0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25
3	Trình bày sự phát triển về văn hoá thời Lê sơ	1.5

